

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ	1
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2021	2
Phụ lục	19

THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường	24
2. Bộ Tài Chính	28
3. Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính)	38
4. Bộ Nội vụ (Vụ Công chức - Viên chức).....	42
5. Bộ Nội vụ (Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức)	48
6. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ)	52
7. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)	64
8. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)	67
9. UBND thành phố Hà Nội	70
10. UBND Thành phố Hồ Chí Minh	76
11. UBND thành phố Cần Thơ.....	81
12. UBND tỉnh Lâm Đồng.....	88
13. UBND tỉnh Bắc Giang	91
14. UBND tỉnh Nghệ An.....	95
15. UBND tỉnh Vĩnh Phúc	100
16. UBND tỉnh Long An.....	103
17. UBND tỉnh Bình Phước	107
18. UBND tỉnh Phú Thọ	113
19. UBND tỉnh Cao Bằng	116
20. UBND tỉnh Thanh Hóa	120
21. UBND tỉnh Hải Dương	124
22. UBND tỉnh Lào Cai	129
23. UBND tỉnh Yên Bái.....	135

NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	140
---	------------

BỘ NỘI VỤ**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ****Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2021
và triển khai nhiệm vụ năm 2022 của ngành Nội vụ****Thời gian:** 8h00, thứ Bảy, ngày 08 tháng 01 năm 2022**Địa điểm:** Hội trường lớn Bộ Nội vụ, số 8 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
07h15 - 08h00	Đón tiếp đại biểu
08h00 - 08h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
08h05 - 08h15	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà phát biểu khai mạc Hội nghị
08h15 - 08h35	Trình chiếu Video clip kết quả công tác năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022 của Bộ, ngành Nội vụ
08h35 - 09h40	Các đại biểu dự Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
09h40 - 09h50	Hội nghị nghỉ giải lao
09h50 - 10h30	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
10h30 - 10h45	Công bố các Quyết định khen thưởng và trao thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân
10h45 - 11h15	Thủ tướng Chính phủ phát biểu chỉ đạo Hội nghị
11h15 - 11h30	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đáp từ, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bế mạc Hội nghị

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO**BÁO CÁO****Tổng kết công tác năm 2021 và triển khai nhiệm vụ
năm 2022 của ngành Nội vụ**

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “**Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**”; triển khai Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026. Đây là những dấu mốc khởi đầu cho giai đoạn mới, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Bám sát mục tiêu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Đảng, quốc hội; quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, ngay từ những ngày đầu năm, Bộ Nội vụ đã đề ra phương châm hành động của năm là “**Kỷ cương, gương mẫu, đoàn kết, tinh thông, sáng tạo, hiệu quả**”, chính vì vậy, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội, trong đó có công việc của Bộ, ngành Nội vụ. Song dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ toàn ngành Nội vụ đã tập trung tối đa mọi nguồn lực, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, chung sức, đồng lòng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kép, đạt kết quả toàn diện trên các lĩnh vực đã đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CỦA NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2021****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Bộ, ngành Nội vụ có nhiều đổi mới, tăng cường các cuộc họp, chỉ đạo trực tuyến; đồng thời, cũng linh hoạt, đẩy nhanh tiến độ công việc, đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới; tăng cường thực hiện cải cách hành chính và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong việc thực hiện công tác chuyên môn, giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nội vụ; kịp thời hướng dẫn chuyên môn đối với Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ của các Bộ, ngành Trung ương và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực công tác của Ngành, đặc biệt là tổ chức thực hiện

việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Trung ương; đẩy mạnh tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm tối đa những văn bản, chứng chỉ không thực sự cần thiết; tiếp tục sắp xếp các đơn vị hành chính kết hợp với việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, nhất là cấp cơ sở để thực hiện đồng bộ, quyết liệt, thông suốt, hiệu quả trong bối cảnh thực hiện giãn cách xã hội. Đặc biệt, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí và tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo rà soát, lồng ghép, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch công tác, cắt giảm tối đa các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, kiểm tra, khảo sát trực tiếp để phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 và yêu cầu thực tiễn của từng địa phương.

Tại các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan tham mưu về tổ chức, nội vụ đã kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ban hành, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch công tác và các văn bản chỉ đạo để cụ thể hoá, nâng cao hiệu quả các nhiệm vụ về công tác Nội vụ phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế của các Bộ ngành, địa phương mình. Đặc biệt, đã tham mưu rà soát các quy định có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, gây cản trở, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật mới được ban hành thuộc lĩnh vực Nội vụ, trên cơ sở đó kiến nghị, đề xuất hàng trăm ý kiến đối với cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn triển khai ở cơ sở được Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ cũng như các Bộ quản lý chuyên ngành ghi nhận.

Công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giữa các Sở Nội vụ với các Sở, ngành được chú trọng thực hiện, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Việc trao đổi, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ giữa Bộ Nội vụ với các Bộ quản lý chuyên ngành, các địa phương được thực hiện thông suốt, gắn kết trong chỉ đạo, điều hành bảo đảm chất lượng, hiệu quả và rõ trách nhiệm. Năm 2021, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận, trả lời theo thẩm quyền **550** phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin của Bộ Nội vụ; **55** kiến nghị, đề xuất qua Ban Tổ chức Trung ương; tiếp nhận, trả lời **270** kiến nghị, đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn trực tuyến về nghiệp vụ trong các lĩnh vực công tác; tập huấn nghiệp vụ cho đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã nhiệm kỳ 2021 -2026 ngay sau khi có kết quả bầu cử.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng thể chế

Ngay từ những ngày đầu năm 2021, Bộ Nội vụ đã chủ động xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống thể chế để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Theo đó, Bộ Nội vụ đã tập trung tổng rà soát toàn bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan làm cơ sở tham mưu trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ; nổi bật là đã chủ trì xây dựng **03** dự án Luật¹, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội **12** Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành **08** Nghị định, **03** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **06** Quyết định, **04** Chỉ thị và **01** Công điện; ban hành theo thẩm quyền **06** Thông tư, **04** văn bản hợp nhất (Phụ lục kèm theo).

Công tác xây dựng thể chế, chính sách luôn được Bộ Nội vụ xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ. Theo đó, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất, liên thông giữa các quy định của Đảng và Nhà nước bảo đảm công khai, minh bạch; góp phần khắc phục, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn triển khai, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật trên các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Nội vụ đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước hiện đại hướng tới Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

2. Tổ chức bộ máy và biên chế

Về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, tinh giản biên chế trong năm 2021 toàn ngành Nội vụ đã tập trung rà soát, đánh giá và đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành được nhiều văn bản, đề án lớn tiêu biểu như: (1) Tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội thông qua Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XV nhiệm kỳ 2021-2026; (2) Rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực để tiếp tục tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước²; (3) Hướng dẫn, đôn đốc đẩy mạnh xã hội hóa, tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập ở các Bộ, ngành, địa phương; (4) Bước đầu hoàn thành việc tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương theo Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Trung ương Đảng khóa

¹ (1) Chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Luật thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đã trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; (2) Trình Chính phủ cho ý kiến Dự án Luật thực hiện Dân chủ ở cơ sở; (3) Trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án luật Lưu trữ (sửa đổi).

² Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ Nghị quyết về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước. Trong đó, đề xuất phân quyền quản lý nhà nước đối với **12** ngành, lĩnh vực; **08** ngành, lĩnh vực cần hoàn thiện các quy định về phân cấp giữa Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ; **15** ngành, lĩnh vực cần hoàn thiện các quy định về phân cấp giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương.

XII, đặc biệt là sắp xếp các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, khắc phục chồng chéo, giảm chi cho hệ thống chính trị, tăng chi cho đầu tư, phát triển; (5) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở xác định vị trí việc làm, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giảm số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được xã hội ghi nhận và đánh giá cao. Đây là lần đầu tiên cả nước hoàn thành vượt mục tiêu tinh giản biên chế (10%) mà Bộ Chính trị đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 07/4/2015. Cụ thể, tính đến hết năm 2021 biên chế công chức giảm **10,01%**; biên chế sự nghiệp giảm **11,67%**; cán bộ, công chức cấp xã giảm **8,94%**; số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giảm **49,25%** so với năm 2015.

Riêng năm 2021, kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và tương đương có **1.173** sở, giảm **07** tổ chức; tổ chức bên trong cơ quan chuyên môn cấp sở có **8.122**, giảm **1.648** tổ chức (giảm **1.440** phòng thuộc sở, giảm **208** chi cục thuộc sở); cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có **8.490** phòng, giảm **451** phòng; tính đến hết năm 2021, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập giảm được **12,35%** so với năm 2015³.

Đồng thời, Bộ Nội vụ chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tích cực hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương rà soát, triển khai xây dựng danh mục và bản mô tả vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính từ Trung ương đến cấp xã và đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quản lý biên chế và tổ chức bộ máy giai đoạn 2015-2020, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ giao biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù năm 2022 cho các Bộ, ngành, địa phương⁴. Xuất phát từ nhu cầu giáo viên đặc biệt là cấp mầm non và tiểu học do tăng dân số cơ học, Bộ Nội vụ đã chủ động, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo kịp thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, bổ sung **27.850** biên chế giáo viên cho các địa phương để bảo đảm nguyên tắc có học sinh phải có giáo viên đứng lớp theo yêu cầu của Quốc hội.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đang tích cực rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong gắn với tham mưu, đề xuất Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh gọn, rõ nhiệm vụ, quyền hạn và khắc phục giao thoa, chồng chéo giữa các Bộ; một số Bộ, ngành đã kịp thời

³ Một số địa phương đã chủ động, sắp xếp tổ chức bộ máy như: Cao Bằng, Bình Phước, Ninh Thuận, Cà Mau, Lạng Sơn, Long An, Kiên Giang, Vĩnh Phúc, An Giang, Gia Lai... Đã ban hành văn bản kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở như: Bắc Giang, Đắk Lắk, Bình Định, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc, Nam Định, Quảng Trị, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Lào Cai, Hải Dương...

⁴ Tổng số biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cán bộ, công chức cấp xã) hiện nay là **247.722** biên chế.

quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ, ngành mình để các địa phương tổ chức thực hiện⁵.

Công tác tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế tiếp tục được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế và giao biên chế công chức, viên chức gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Đảng, pháp luật.

3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Bộ Nội vụ tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế, đơn giản về thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong công tác quản lý, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức như: (1) Rà soát, hoàn thiện thể chế bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng và pháp luật trong công tác cán bộ; (2) Đề xuất cắt giảm yêu cầu về chứng chỉ không cần thiết trong công tác tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức⁶; (3) Thực hiện phân cấp triệt để trong việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xây dựng ngân hàng câu hỏi, đáp án môn kiến thức chung để cung cấp cho các Bộ, ngành, địa phương tổ chức; (4) Hoàn thành việc mô tả và xác định khung năng lực vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức khối Chính phủ quản lý... Các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành việc rà soát, khắc phục sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại các Bộ, ngành, địa phương được chấn chỉnh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng đẩy mạnh phân cấp, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành, địa phương; đổi mới chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo hướng tránh trùng lặp về nội dung và các chương trình bồi dưỡng bắt buộc, tăng cường bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm và xuất phát từ nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức; khuyến khích triển khai hình thức bồi dưỡng trực tuyến, từ xa... Kịp thời tổ chức 02 lớp bồi dưỡng cho đại biểu HĐND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 trong toàn quốc bằng hình thức trực tuyến; đồng thời tổ chức được 01 lớp bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên để các địa phương chủ động bồi

⁵ Đến nay có 27 bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ đã gửi văn bản đề nghị Bộ Nội vụ tham gia ý kiến và báo cáo thực hiện nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan mình (trong đó 19 cơ quan đề nghị Bộ Nội vụ tham gia ý kiến và 05 cơ quan gửi báo cáo đánh giá, tổng kết và có đề xuất sửa đổi, bổ sung nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan mình nhưng đề nghị thực hiện vào thời gian phù hợp). Đồng thời có 16/18 bộ, ngành Trung ương ban hành/đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên ngành. Riêng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện.

⁶ Bộ đã tham mưu, đề xuất bỏ chứng chỉ ngoại ngữ của 74 ngạch công chức và 155 chức danh nghề nghiệp viên chức; bỏ chứng chỉ tin học của 74 ngạch công chức và 142 chức danh nghề nghiệp viên chức; giảm 17 chứng chỉ theo tiêu chuẩn ngạch công chức và 87 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

dưỡng cho Đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã ngay trong năm 2021. Các cơ sở đào tạo của Bộ Nội vụ đã thực hiện tốt chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước và cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội.

Đã trình Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương; tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua lùi thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khoá XII do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19; đồng thời, chủ động phối hợp với các Bộ, ban, ngành tiếp tục xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách tiền lương mới để chuẩn bị cơ sở pháp luật cho việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều đổi mới, đi vào thực chất, đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc. Tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân theo quy định tại Chỉ thị số 26/CT-TTg về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước các cấp.

4. Xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính

Năm 2021 là năm đầu nhiệm kỳ, cùng với việc hoàn thiện bộ máy của Chính phủ, công tác xây dựng chính quyền địa phương được đặc biệt coi trọng. Điểm nổi bật là ngay từ cuối năm 2020 và những ngày đầu năm 2021, toàn ngành Nội vụ đã tập trung cao độ tham mưu cho Đảng, Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quan trọng để tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong đó, đã tham mưu cho Hội đồng bầu cử Quốc gia, Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thành công cuộc bầu cử theo đúng luật định, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, đặc biệt là trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng tỷ lệ cử tri đi bầu cao nhất so với các kỳ bầu cử trước đây và đã bầu được **499** đại biểu Quốc hội, **3.721** đại biểu HĐND cấp tỉnh, **22.550** đại biểu HĐND cấp huyện và **239.788** đại biểu HĐND cấp xã⁷. Ngay sau khi có kết quả bầu cử, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các địa phương hoàn thiện hồ sơ, thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê chuẩn các chức danh Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 bảo đảm kịp thời đúng trình tự, thủ tục và được các địa phương ghi nhận, đánh giá cao.

Đã tham mưu cho Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sắp xếp, thành lập, nhập, chia, điều chỉnh một số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, theo đó năm 2021, UBNDTVQH đã ban hành **10** Nghị quyết về địa giới, hành chính nhưng không tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, giảm được **04** ĐVHC cấp xã tại thành phố Huế. Kết quả giai đoạn 2019-2021 đã giảm được **08** ĐVHC cấp huyện (từ 713 xuống còn 705 huyện) và **561** ĐVHC cấp xã (từ 11.160 xuống còn

⁷ Các địa phương đã làm tốt công tác bầu cử, tiêu biểu như: Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên, Bắc Giang, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu...

10.599 xã)⁸. Tổ chức đánh giá, tổng kết thực hiện Nghị quyết 653/2019/UBTVQH14 của UBTVQH về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của UBTVQH về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trên cơ sở đó, đã tham mưu Chính phủ trình UBTVQH sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 cho phù hợp thực tiễn; đồng thời tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trong giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030⁹. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bảo đảm kịp thời, sớm ổn định để các địa phương tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Hệ thống chính quyền từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được kiện toàn, vững mạnh, phát huy tinh thần trách nhiệm, các địa phương đã khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, tiếp tục đổi mới về phương thức lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu HĐND các cấp.

Công tác quản lý địa giới hành chính các cấp được quản lý chặt chẽ, không phát sinh tranh chấp mới. Đến nay các địa phương đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và hiệp thương giải quyết **15/16** khu vực địa giới hành chính do lịch sử để lại (còn 01 khu vực giữa hai tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng).

Các địa phương tiến hành phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ theo quy định; giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại tổ chức tinh giản biên chế và do chế độ chính sách tồn tại, bắt cấp từ nhiều năm trước¹⁰.

5. Cải cách hành chính

Thực hiện tốt vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030¹¹; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030. Đồng thời, đổi mới phương pháp

⁸ Như vậy, đến nay cả nước có **705** ĐVHC cấp huyện (81 thành phố, 50 thị xã, 46 quận, 528 huyện); có **10.599** ĐVHC cấp xã (8.264 xã; 1.723 phường; 612 thị trấn). Các địa phương thực hiện tốt như: Cao Bằng, Hòa Bình, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Quảng Trị, Hải Dương, Bắc Giang...

⁹ Chính phủ đã có Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 29/11/2021 thông qua các dự thảo các báo cáo và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1211/2016/QH13, giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký văn bản trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nội dung nêu trên.

¹⁰ Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/9/2021 của Chính phủ đã giải quyết vướng mắc trong thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó trưởng Công an cấp xã và người làm việc theo hợp đồng lao động tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

¹¹ Trong đó tập trung vào 06 nội dung trọng tâm gồm cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

kiểm tra công tác CCHC ở các Bộ, ngành, địa phương¹²; tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2020 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020¹³; triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC để phục vụ điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2021; xây dựng các chuyên đề thuộc Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

Công tác CCHC của các Bộ, ngành, địa phương được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực; 100% các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử và áp dụng đồng bộ công cụ theo dõi, đánh giá mới phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp¹⁴. Công tác CCHC góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân theo quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đặt dấu ấn cho năm đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030.

6. Công tác thi đua, khen thưởng

Năm 2021, đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; tham mưu Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; ban hành Chỉ thị về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Kế hoạch 5 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; phát động phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19”; tham mưu Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Ban Bí thư báo cáo tổng kết công tác khen thưởng thành tích kháng chiến; kịp thời hướng dẫn công tác xét khen thưởng về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; biểu dương khen thưởng và gặp mặt các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... theo hướng rút gọn quy trình, thủ tục để giảm tối đa thời gian xét khen thưởng. Đôn đốc,

¹² Kiểm tra công tác CCHC đối với 02 bộ, 13 tỉnh, thành phố qua báo cáo tự kiểm tra.

¹³ Theo kết quả đã công bố chỉ ra giá trị trung bình của Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ đạt 87,56%, tăng 1,93% so với năm 2019; các tỉnh đạt 83,72%, cao hơn 2,57% so với giá trị trung bình năm 2019; 58/63 địa phương và 15/17 bộ có tỷ lệ điểm đánh giá tăng so với năm 2019; 6/6 vùng kinh tế đều có giá trị trung bình Chỉ số CCHC đạt trên 80%, trong đó dẫn đầu là vùng kinh tế Đông Nam Bộ đạt 85,88%. Trong năm 2020 đã có nhiều sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong CCHC thí điểm, nhân rộng và lan tỏa; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 85,48%, cao nhất trong 4 năm gần đây.

¹⁴ Tiêu biểu thực hiện tốt công tác CCHC như: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Phú Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, thành phố Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau,...

hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; đẩy mạnh tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; giới thiệu, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến.

Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng tại các bộ, ngành, địa phương đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng; phân công thành viên Hội đồng theo dõi, phụ trách các cụm, khối thi đua; tham mưu Hội đồng và Thường trực Hội đồng ban hành các hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật; tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định về việc tổ chức các cụm, khối thi đua; tổ chức các phong trào thi đua và đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác thi đua, khen thưởng từ Trung ương đến địa phương ngày càng đi vào thực chất, sát thực tiễn, kịp thời, có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

7. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo

Triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả, thành tựu và những khó khăn, bất cập để tham mưu Chính phủ điều chỉnh phù hợp. Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kịp thời chấn chỉnh các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật; công tác đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền tiếp tục được duy trì, phát huy; chủ động cung cấp thông tin và phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực chống phá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ tích cực tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, tốt đời đẹp đạo; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được đảm bảo, tạo sự đồng thuận trong chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo, yên tâm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Bộ Nội vụ đã thành lập các Tổ công tác để tăng cường lực lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam; chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn, vận động các chức sắc, tổ chức tôn giáo thực hiện nghiêm các quy định của Thủ tướng Chính phủ, chính quyền sở tại và chung tay,

đồng hành, ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Các địa phương đã bám sát chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quản lý nhà nước về công tác tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương. Đặc biệt trong năm đã đẩy lên mạnh mẽ phong trào thiện nguyện để chung tay, ủng hộ, tham gia công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của các tổ chức, tín đồ tôn giáo, chức sắc, chức việc¹⁵.

8. Công tác văn thư, lưu trữ

Công tác văn thư, lưu trữ được các cấp, các ngành quan tâm, đặc biệt đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia và sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) để làm cơ sở hoàn thiện quy định của pháp luật về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

Công tác bảo quản tài liệu lưu trữ đã được chỉnh lý, xác định giá trị, an toàn và khai thác, sử dụng có hiệu quả để phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thực hiện số hoá tài liệu trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện; một số cơ quan thực hiện tốt như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước, Tổng Cục thi hành án dân sự của Bộ Tư pháp, Thành phố Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ngãi, An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh,.... Công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ đã có nhiều đổi mới, thực hiện qua nhiều hình thức và ngày càng phục vụ tốt nhu cầu của xã hội đặc biệt đã ứng dụng công nghệ số trong các cuộc trưng bày, triển lãm¹⁶.

9. Công tác thanh niên

Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định¹⁷ hướng dẫn một số nội dung quản lý nhà nước về thanh niên, trình Thủ tướng Chính phủ ban

¹⁵ Duy trì hoạt động của các mô hình như: “Cây ATM gạo”, “Bếp yêu thương”, “Gian hàng 0 đồng”; cung cấp hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu và hàng trăm nghìn suất ăn miễn phí cho người dân gặp khó khăn, cho người dân ở khu cách ly, phong tỏa, không phân biệt có tôn giáo hay không có tôn giáo với số tiền lên tới hàng nghìn tỷ đồng...; đóng góp, ủng hộ “Quỹ vắc-xin phòng, chống Covid-19” với số tiền trên 20 tỷ đồng; trên 3.000 tình nguyện viên của các tôn giáo đăng ký tham gia tuyến đầu chống dịch; ủng hộ bà con Việt kiều và chư tăng Phật giáo tại Campuchia 500 triệu đồng, ủng hộ bà con Việt kiều và chư tăng Phật giáo tại Lào 500 triệu đồng; trao tặng 133 máy thở và 50 máy tạo oxy trị giá gần 14 tỷ đồng ủng hộ Chính phủ và nhân dân Ấn Độ; trao tặng 2.000 bộ kit thử Covid-19 cho Chính phủ và nhân dân Nepal, trị giá 600 triệu đồng. Ban Caritas -Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh có thư ngỏ gửi giáo sỹ, giáo dân Công giáo vận động đóng góp cho chương trình ủng hộ 4.000.000 khẩu trang y tế cho Tòa Giám mục Phnôm Pênh (Campuchia),....

¹⁶ Nhiều ấn phẩm đã được biên soạn, xuất bản trong năm 2021 như: “Tuyển chọn tài liệu lưu trữ: Nguyễn Tất Thành - Hành trình tìm đường cứu nước”; “Lịch sử Phát triển đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn thời Pháp thuộc”; “Địa danh làng xã Việt Nam qua tài liệu Địa bạ triều Nguyễn Tập 3”; nhiều cuộc trưng bày triển lãm đã được thực hiện như: triển lãm 3D “Giáo dục Triều Nguyễn qua di sản tư liệu thế giới Châu Mộc bản”; Triển lãm “Dấu ấn Hà Tĩnh qua tài liệu lưu trữ”; “Hồ Gươm giao lộ Đông - Tây”; “Quan hệ Việt - Mỹ chuyên đề 2”; “Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Nội vụ đầu tiên - huyền thoại Việt Nam”; “Tuổi trẻ Việt Nam - Một thời và mãi mãi”.

¹⁷ Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 quy định về đối thoại với thanh niên, cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/03/2021 quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện.

hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam. Tổ chức triển khai Luật Thanh niên (sửa đổi); tích cực tham mưu tổng kết các chương trình, đề án phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2025; chủ động giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; đồng thời, tiến hành tổng kết, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển thanh niên cho phù hợp với tình hình mới.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030; tích cực tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên.

10. Quản lý hội, quỹ hội và tổ chức phi chính phủ

Chú trọng hướng dẫn nghiệp vụ, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức phi chính phủ. Thực hiện tốt công tác thẩm định, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ¹⁸. Tập trung xử lý khiếu nại, tố cáo liên quan đến các tổ chức quỹ, hội bảo đảm theo quy định của pháp luật; do vậy, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; tổ chức hoạt động của hội, quỹ hội ổn định, đổi mới, hiệu quả.

11. Công tác chiến lược phát triển và quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ; cán bộ nữ; dân vận, dân chủ

Toàn ngành Nội vụ đã chú trọng đến công tác quy hoạch, phát triển nhân lực ngành Nội vụ theo hướng tinh thông, chuyên nghiệp, sáng tạo, đổi mới và hiệu quả. Đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới¹⁹. Công tác cán bộ nữ được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền cao²⁰; công tác dân vận chính quyền được thực hiện có hiệu quả, thiết thực, hình thức đa dạng, phong phú trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

¹⁸ Kết quả đến ngày 30/11/2021 đã quyết định cho phép thành lập **13** hội, **07** quỹ; quyết định phê duyệt Điều lệ **39** hội, quỹ; quyết định cho phép đổi tên và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung của **05** hội, quỹ; quyết định công nhận **11** quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; quyết định công nhận thành viên của **06** Hội đồng quản lý Quỹ; có văn bản đồng ý cho **58** hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, bất thường; quyết định thu hồi **01** giấy phép công nhận và phê duyệt điều lệ quỹ; tham gia ý kiến cấp phép phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam cho **55** tổ chức).

¹⁹ Tham mưu trình Ban Cán sự đảng Chính phủ và Ban Dân vận Trung ương ký Chương trình phối hợp về công tác dân vận.

²⁰ Tỷ lệ nữ tham gia: BCH Trung ương Đảng khóa XIII là **19/200** (đạt **9,5%**), BCH Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 cấp tỉnh đạt **16%**, cấp huyện đạt **17%**, cấp xã đạt **21%**; tham gia Đại biểu Quốc hội khóa XV là **151/499** (đạt **30,26%**). Tỷ lệ nữ là lãnh đạo chủ chốt tại 11 Bộ, cơ quan ngang Bộ là **11** người, tại cơ quan thuộc Chính phủ là **02** người và UBND cấp tỉnh chiếm tỷ lệ **37,7%**, UBND cấp huyện chiếm tỷ lệ **31,77%**, UBND cấp xã chiếm tỷ lệ **24,94%**.

12. Công tác thanh tra, pháp chế

Trong năm 2021, Bộ Nội vụ đã thực hiện các cuộc thanh tra tại các Bộ, ngành, địa phương²¹ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tiến hành kiểm tra 739 văn bản quy phạm pháp luật do 63 tỉnh, thành phố gửi đến Bộ Nội vụ. Công tác thanh tra, kiểm tra và pháp chế đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong tham mưu rà soát, hoàn thiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; chủ động nắm bắt tình hình để kịp thời tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; quan tâm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, góp phần quan trọng giúp cho công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ ngày càng chặt chẽ, đúng quy định.

13. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học; công nghệ thông tin, tuyên truyền và công tác nội bộ

Công tác đối ngoại được thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; chủ động, linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả hoạt động đối ngoại, đẩy mạnh hợp tác công vụ với các nước trong khu vực và trên thế giới về các lĩnh vực lưu trữ, tôn giáo, thi đua khen thưởng, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đặc biệt năm 2021 đã thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm Chủ tịch luân phiên của hợp tác ASEAN về các vấn đề công vụ lần thứ 21 (ACCSM21) trong năm 2021-2022 với việc tổ chức Cuộc họp đầu mối ACCSM và Hội thảo trực tuyến “Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền công vụ”.

Công tác nghiên cứu khoa học đã góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ. Chất lượng sản phẩm khoa học từng bước được nâng cao, đi vào thực chất²². Công tác thông tin, truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành Nội vụ được chú trọng, có nhiều đổi mới, đảm bảo tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, chính xác, góp phần phục vụ có hiệu quả việc triển khai các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành Nội vụ. Công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và thực thi nhiệm vụ chuyên môn đa phần trên môi trường điện tử.

Các mặt công tác nội bộ được quan tâm, các quy chế, quy định đã kịp thời được sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; kịp thời ban hành quy định về văn hoá ứng xử, lễ lối, tác phong, phương pháp làm việc;

²¹ Tại các tỉnh Kiên Giang, Hà Tĩnh, Nam Định, Quảng Ninh, Điện Biên, Hà Nội và các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

²² Năm 2021, đã thực hiện nhiều nhiệm vụ như chương trình khoa học trọng điểm cấp Bộ: “Tổ chức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả” nhằm nghiên cứu, hệ thống hóa các vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện tổ chức, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước trong bối cảnh triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả”...

tập trung xây dựng Đề án sáp nhập Trường Đại học Nội vụ Hà Nội vào Học viện Hành chính Quốc gia...

Thực hiện tổng điều tra thống kê quốc gia cơ sở hành chính năm 2021²³ theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình Điều tra thống kê quốc gia nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu quản lý Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Năm 2021, Bộ, ngành Nội vụ luôn bám sát định hướng, quan điểm, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để chủ động tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các Nghị quyết của Chính phủ đối với các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng. Trong đó, tập trung chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên nguồn lực để rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên thông với các quy định của Đảng; tham mưu Hội đồng bầu cử Quốc gia và Chính phủ, phối hợp cấp ủy và chính quyền địa phương tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; khẩn trương phối hợp thẩm định tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn chức danh lãnh đạo UBND cấp tỉnh bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; tiếp tục thực hiện hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sắp xếp tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, ngành, địa phương; hoàn thành vượt chỉ tiêu giảm biên chế công chức và số viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 39-NQ/TW, Kết luận 71-KL/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong cơ quan hành chính nhà nước; chủ động rà soát, cắt giảm chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các chứng chỉ bồi dưỡng khác đối với công chức, viên chức được dư luận đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

Công tác cải cách hành chính được triển khai quyết liệt từ Trung ương đến địa phương, qua đó tạo chuyển biến tích cực, đáp ứng tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Công tác thi đua, khen thưởng ngày càng thực chất, biểu dương, khen thưởng, suy tôn, khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, tạo động lực cho phát triển. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được chú trọng, tăng cường, hoạt động ổn định, tuân thủ pháp luật và gắn bó với dân tộc. Lĩnh vực văn thư, lưu trữ ngày càng được quan tâm đầu tư để bảo đảm an toàn và phát huy được giá trị tài liệu lưu trữ quốc gia. Công tác quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ từng bước đi vào nề nếp.

²³ Cuộc điều tra được tổ chức theo hình thức trực tuyến, áp dụng toàn bộ công nghệ thông tin vào các khâu trong tổ chức điều tra. Trong năm đã thực hiện nghiệm thu phiếu điều tra của 63 tỉnh, thành phố và tổng hợp kết quả sơ bộ ban đầu của cuộc điều tra cơ sở hành chính.

Toàn ngành Nội vụ tích cực, chủ động công tác phòng, chống dịch Covid-19; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành Nội vụ đã khắc phục khó khăn, đổi mới tư duy, phương pháp, lề lối làm việc để phân đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Nội vụ.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ cũng thẳng thắn nhìn nhận về những tồn tại, hạn chế để đề ra các giải pháp khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Tiến độ xây dựng, ban hành một số văn bản, đề án và tổ chức thực hiện còn chậm.

- Một số Bộ, ngành chưa quyết liệt trong việc ban hành Thông tư hướng dẫn địa phương thực hiện một số Nghị định của Chính phủ như Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP, 62/2020/NĐ-CP, 106/2020/NĐ-CP, 120/2020/NĐ-CP làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện của địa phương; công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành và với các địa phương có việc chưa chặt chẽ, chưa hết trách nhiệm trong giải quyết công việc có tính chất liên ngành hoặc thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị.

- Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập tại một số địa phương còn chậm, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; thực hiện chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước còn chậm.

- Việc sử dụng biên chế công chức, viên chức được giao một số địa phương chưa thực sự hiệu quả; một số bộ, ngành, địa phương đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức chưa chặt chẽ, khách quan, chính xác nên một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thực hiện tinh giản biên chế nhưng chưa gắn với việc nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; việc sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dồi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở một số nơi còn khó khăn, vướng mắc.

- Trật tự, kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện văn hóa công sở ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm.

3. Một số nguyên nhân cơ bản

a) Nguyên nhân chủ quan: (1) Thể chế, chính sách một số lĩnh vực đang trong quá trình hoàn thiện, chưa có chế tài đủ mạnh để sàng lọc, tinh giản biên chế và chưa có cơ chế tạo động lực thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công. Các bộ quản lý chuyên ngành chậm ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp. (2) Việc quản lý, điều hành một số nơi còn chưa

chuyên nghiệp, khoa học, ảnh hưởng đến tiến độ công việc. (3) Quan hệ phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành còn thiếu chặt chẽ, trách nhiệm chưa cao khi được gửi lấy ý kiến tham gia, quyết định những vấn đề quan trọng; việc thực hiện chế độ báo cáo ở một số nơi chưa tốt, chất lượng chưa cao. Một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong; chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. (4) Tính tự giác, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số công chức, viên chức chưa cao, tác phong, lề lối làm việc chưa được cải thiện. (5) Chưa làm tốt công tác tư tưởng để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

b) Nguyên nhân khách quan: (1) Do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ. (2) Khối lượng công việc ngày một tăng, có nhiều nhiệm vụ mới, đột xuất, phức tạp yêu cầu gấp về thời gian trong khi đó yêu cầu chất lượng công việc ngày càng cao; (3) tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở một số địa phương thiếu ổn định, ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

Phần thứ hai

NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022

Kế thừa, phát huy những thành tích, kinh nghiệm trong năm 2021, Bộ Nội vụ đề ra phương châm hành động của năm 2022 là **“Đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, đổi mới, hiệu quả”**, khắc phục điểm nghẽn, vượt qua thách thức, khơi thông nguồn lực, tranh thủ thời cơ, phấn đấu thực hiện thắng lợi các lĩnh vực công tác của toàn ngành Nội vụ năm 2022, cụ thể như sau:

1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ. Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ tập trung rà soát, nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách phù hợp với yêu cầu kiến tạo, phát triển và quản trị nền hành chính nhà nước các cấp.

2. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức nhất là xây dựng và hoàn thiện thể chế tuyển chọn, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chủ động xây dựng các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên thông trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã, trong đó tập trung rà soát kỹ lưỡng những vấn đề bất cập để sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp; nghiên cứu đề đổi mới phương thức nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cho phù hợp với quản lý và trả lương theo vị trí việc làm; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; hoàn thiện cơ chế, chính

sách phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài cho nền công vụ; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh thâm nhập thành lập các đơn vị hành chính đô thị, thúc đẩy tốc độ đô thị hóa tại các địa phương; quan tâm, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng và hoàn thiện Đề án “Mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh”.

4. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Tham mưu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực. Tham mưu, phối hợp hiệu quả về đổi mới, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp và xã hội hóa dịch vụ công theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

5. Thực hiện tốt vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, tiếp tục tham mưu, phối hợp, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính đến năm 2030. Tập trung cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Đẩy nhanh việc xây dựng Chính phủ số, chính quyền số gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần quan trọng xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân.

6. Đổi mới mạnh mẽ công tác thi đua khen thưởng, sớm cụ thể hóa Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi) khi được Quốc hội thông qua đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; vận động các chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo tham gia tích cực phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo. Làm tốt công tác văn thư, lưu trữ; ứng dụng công nghệ số nhằm phát huy giá trị tài nguyên lưu trữ; triển khai hiệu quả chiến lược thanh niên và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của Bộ và toàn ngành Nội vụ, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh.

7. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại trên các lĩnh vực; triển khai Chương trình hành động thực hiện Đề án đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; các hoạt động thể hiện vai trò của Bộ, ngành Nội vụ trong thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các hoạt động trong năm thứ hai Việt Nam giữ vai trò Chủ tịch luân phiên ACCSM 21, góp phần đẩy mạnh hợp tác công vụ

với các nước trong khu vực ASEAN; triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác quốc tế của Bộ, ngành Nội vụ. Nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ, sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào xây dựng thể chế.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số của Bộ, ngành Nội vụ; hoàn thành toàn bộ dữ liệu liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tích hợp các dữ liệu liên quan đến tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; đưa Trung tâm điều hành thông minh của Bộ Nội vụ vào hoạt động nhằm ứng dụng nền tảng số vào quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

9. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự thống nhất, đồng thuận của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và xã hội để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ngành; cầu thị, lắng nghe các thông tin, ý kiến tham gia, phản biện từ các chuyên gia, nhà khoa học, người dân và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách của ngành Nội vụ sát với yêu cầu thực tiễn đặt ra và xu thế phát triển của thời kỳ hội nhập quốc tế, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Bộ, ngành Nội vụ./.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN VÀ
THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-BNV ngày _____ tháng _____ năm 2021 của Bộ Nội vụ)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I.	TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ	
1.	Trình Bộ Chính trị về lùi thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	
2.	Trình Ban Bí thư xin chủ trương giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả 30 năm thực hiện Thông báo số 34-TB/TW ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư về công tác đối với đạo Cao Đài	
3.	Trình Ban Bí thư về việc giải quyết kiến nghị của Ban Dân vận Trung ương về việc Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam thành lập Chi hội doanh nghiệp Triều Thương - Việt Nam	
4.	Trình Ban Bí thư về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	
5.	Trình Ban Bí thư về Đề án đổi tên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	
II.	TRÌNH QUỐC HỘI	
1.	Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026	
2.	Xem xét, cho ý kiến về dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)	
III.	TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	
1.	Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026	
2.	Nghị quyết Liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	

3.	Nghị quyết số 1188/NQ-UBTVQH14 ngày 12/1/2021, tỉnh Bình Định thành lập thị trấn Cát Tiến thuộc huyện Phù Cát	
4.	Nghị quyết số 1189/NQ-UBTVQH14 ngày 12/1/2021, tỉnh Hòa Bình thành lập 02 phường Quỳnh Lâm và Trung Minh thuộc thành phố Hòa Bình	
5.	Nghị quyết số 1110/NQ-UBTVQH14 ngày 12/1/2021, tỉnh Bình Dương thành lập thị trấn Tân Bình thuộc huyện Bắc Tân Uyên	
6.	Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH14 ngày 12/1/2021, tỉnh Bắc Ninh thành lập 05 phường Hương Mạc, Phù Chấn, Phù Khê, Tam Sơn, Tương Giang thuộc thị xã Từ Sơn	
7.	Nghị quyết số 1260/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	
8.	Nghị quyết số 1261/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 thành lập thị trấn Long Giao thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	
9.	Nghị quyết số 1262/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lâm Hoá, huyện Lâm Bình và thành lập thị trấn Lăng Can thuộc huyện Lâm Bình; điều chỉnh địa giới hành chính các xã Thăng Quân, Lang Quán, Tứ Quận để thành lập thị trấn Yên Sơn thuộc huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang	
10.	Nghị quyết số 1263/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa các quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm thuộc thành phố Hà Nội	
11.	Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thành phố Huế và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	
12.	Nghị quyết số 387/NQ-UBTVQH15 ngày 22/9/2021 thành lập thành phố Từ Sơn thuộc tỉnh Bắc Ninh	
IV.	TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH	
1.	Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 quy định về đối thoại với thanh niên, cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	
2.	Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/03/2021 quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện	
3.	Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội	
4.	Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh	

5.	Nghị định 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2021 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng	
6.	Nghị định số 68/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2021 của Quốc hội thí điểm bố trí các chức danh đại biểu hoạt động không chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.	
7.	Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
8.	Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu cử, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND	
V.	TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CÁC NGHỊ QUYẾT	
1.	Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030	
2.	Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/9/2021 về việc giải quyết vướng mắc trong thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó trưởng Công an cấp xã và người làm việc theo hợp đồng lao động tại Ủy ban nhân dân cấp xã.	
3.	Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 về giải pháp bố trí đối với Đội viên Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 sau khi hoàn thành nhiệm vụ	
VI.	TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH	
A	QUYẾT ĐỊNH	
1.	Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 và Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ	
2.	Quyết định số 09/2021/QĐ-TTg ngày 15/03/2021 về việc bãi bỏ Quyết định số 57/2015/QĐ-TTg ngày 16/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với hoạt động tình nguyện của thanh niên	
3.	Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030	
4.	Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua đặc biệt "Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19"	
5.	Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022	

6.	Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 24/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ đất nước”	
B	CHỈ THỊ	
1.	Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	
2.	Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	
3.	Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030	
4.	Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới	
C	CÔNG ĐIỆN	
1.	Công điện số 633/CĐ-TTg ngày 18/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	
VII.	CÁC VĂN BẢN BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN CỦA BỘ NỘI VỤ	
A	THÔNG TƯ	
1.	Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026	
2.	Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	
3.	Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	
4.	Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	
5.	Thông tư số 06/2021/TT-BNV ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	
6.	Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ	

B	VĂN BẢN HỢP NHẤT	
1.	Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 21/01/2021 hợp nhất Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế	
2.	Văn bản số 02/VBHN-BNV ngày 17/3/2021 hợp nhất Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức và Nghị định số 104/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức	
3.	Văn bản số 03/VBHN-BNV ngày 06/5/2021 hợp nhất Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng	
4.	Văn bản số 04/VBHN-BNV ngày 24/6/2021 hợp nhất Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ với Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2014/TT-BNV	

THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tham luận về “Đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm của ngành Tài nguyên và Môi trường”

Bộ Tài nguyên và Môi trường được Chính phủ giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về 09 lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám. Như vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường là Bộ quản lý đa ngành, nhiều lĩnh vực quan trọng, phức tạp, trong đó, có những lĩnh vực nóng, nhạy cảm; liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đặc biệt là liên quan đến lợi ích trực tiếp của người dân, doanh nghiệp. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong ngành tài nguyên và môi trường hiện nay là hơn 28.000 người, trong đó, có hơn 8.000 người đang công tác tại các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, văn phòng tổ chức phối hợp liên ngành trực thuộc Bộ và hơn 20.000 người đang công tác tại 63 Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ về cải cách công vụ, công chức; đổi mới cơ chế quản lý công chức hướng tới một nền công vụ hiệu lực và hiệu quả; tăng cường đổi mới phương pháp quản lý, sử dụng, đánh giá công chức, viên chức trên từng lĩnh vực cụ thể, sắp xếp bố trí nhân lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo khoa học, hiệu quả, công khai, minh bạch, phát huy được năng lực, khả năng công tác của công chức, viên chức ở từng cơ quan, đơn vị; trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ. Theo đó, Bộ hiện có 137 vị trí việc làm đối với công chức tại các tổ chức hành chính (*vị trí lãnh đạo, quản lý là 24; vị trí chuyên môn, nghiệp vụ là 95 và vị trí hỗ trợ, phục vụ là 18*) và 1.699 vị trí việc làm đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường có 03 trường trực thuộc Bộ, gồm: hai Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, sau đại học; đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành tài nguyên và môi trường về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Trong thời gian vừa qua, Bộ đã tích cực chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, trong đó: tập trung vào việc trang bị trình độ lý luận chính trị; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và hành chính; bồi dưỡng các kỹ năng mềm, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế về tài nguyên và môi trường, kiến thức pháp luật, quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, ngoại ngữ, tin học và bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm và giao cho các trường trực thuộc Bộ tập trung tổ chức bồi dưỡng các chương trình thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm tập trung vào các nội dung gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và khung năng lực của các vị trí việc làm, nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc xác định biên chế và sắp xếp, bố trí nhân sự trong cơ quan, đơn vị. Vai trò và cấu trúc của mỗi vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị sẽ được thể hiện rõ trên bản mô tả công việc và khung năng lực phù hợp để hoàn thành công việc. Việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực có thể xác định được tiêu chuẩn về chuyên môn, kỹ năng cần thiết của từng vị trí việc làm. Dựa vào cấp độ yêu cầu cho từng năng lực, Bộ có thể xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lộ trình bồi dưỡng rõ ràng và xác định cụ thể các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho từng vị trí việc làm. Từ đó hình thành cơ chế chặt chẽ giữa xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo xây dựng - chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ (*nghiệp vụ chuyên ngành; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung*); giao Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu và tổ chức thí điểm bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với vị trí việc làm về quy hoạch trong lĩnh vực biển và hải đảo và về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đồng thời, thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường; định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành tài nguyên và môi trường. Do đó, chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường sẽ được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện trong thời gian tới.

Đối với các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ đã ban hành các Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành: địa chính, điều tra tài nguyên môi trường, dự báo khí tượng thủy văn, kiểm soát khí tượng thủy văn, quan trắc tài nguyên môi trường và đo đạc bản đồ. Theo đó, Bộ đã xây dựng và ban hành các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường đối với 06 chuyên ngành nêu trên.

Các chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm của ngành tài nguyên và môi trường được xây dựng bảo đảm theo nguyên tắc không trùng lặp nội dung với các chương trình bồi dưỡng khác và không trùng lặp giữa chương trình của các vị trí việc làm khác nhau; nội dung bảo đảm đáp ứng theo quy định về khung năng lực của vị trí việc làm.

Bên cạnh đó, một số luật, văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực chuyên ngành tài nguyên và môi trường cũng quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý và biên soạn các chương trình bồi dưỡng hoạt động hành nghề, nghiệp vụ tư vấn theo ngành, nghề để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cá nhân, tổ chức có hoạt động đối với một số ngành, nghề thuộc phạm vi quản lý của Bộ, đây cũng chính là các chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm đã được Bộ

xây dựng và tổ chức bồi dưỡng, cụ thể là các chương trình bồi dưỡng: về định giá đất; về cơ sở dữ liệu địa chính; nghiệp vụ quan trắc môi trường; nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm môi trường; nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra môi trường; chính sách và pháp luật bảo vệ môi trường; nghiệp vụ kiểm toán chất thải và kiểm toán môi trường; nghiệp vụ quản trị cơ sở dữ liệu và xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; nghiệp vụ phân tích kinh tế môi trường; nghiệp vụ lượng giá tài nguyên và môi trường; nghiệp vụ quản lý lưu vực sông; nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản; kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ; chuyên sâu về đất đai và môi trường cho công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ đã bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức được khoảng 900 lượt người; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức khoảng 3.000 lượt người; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý khoảng 400 lượt người; bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành khoảng 3.000 lượt người. Nhu cầu bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành theo vị trí việc làm cho đội ngũ công chức, viên chức của ngành còn rất lớn. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức biên soạn chương trình và tổ chức bồi dưỡng theo vị trí việc làm, Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

(1) Việc xây dựng chương trình bồi dưỡng và bố trí giảng viên tham gia giảng dạy theo vị trí việc làm bảo đảm bám sát yêu cầu khung năng lực của vị trí việc làm, sát với thực tế công việc của công chức, viên chức theo vị trí việc làm gặp nhiều khó khăn vì đòi hỏi phải huy động được cả hệ thống cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, công chức, viên chức có kinh nghiệm tham gia biên soạn chương trình và giảng dạy.

(2) Chưa có cơ chế đủ mạnh, chưa có đủ nguồn lực để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm như là hoạt động thường xuyên, nhiệm vụ bắt buộc cho mỗi vị trí nhân sự, vì vậy, vẫn còn tình trạng công chức, viên chức chưa chú trọng tham gia các lớp bồi dưỡng.

(3) Công tác đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng chưa thực chất, chưa xây dựng được các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tiễn bồi dưỡng công chức, viên chức theo vị trí việc làm để có cơ sở hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng và nâng cao chất lượng, năng lực của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Để triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm được toàn diện, hiệu quả, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề xuất với Bộ Nội vụ một số nội dung sau:

- Tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành xây dựng và hoàn thiện khung năng lực của từng vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành.

- Nghiên cứu hoàn thiện các chính sách liên quan đến chế độ đãi ngộ và trả lương theo kết quả làm việc, trả lương theo vị trí việc làm, tạo động lực cho công chức, viên chức không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng được yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đồng thời với đổi mới phương pháp giảng dạy theo vị trí việc làm.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền bảo đảm các nguồn lực về tài chính để các bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

Xin trân trọng cảm ơn!

2. Bộ Tài Chính

Tham luận về “Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Bộ Tài chính”

1. Vai trò của đội ngũ công chức, viên chức

Đảng và Nhà nước ta đã xác định công tác cán bộ là khâu quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định tới chất lượng và hiệu quả công việc, là khâu then chốt trong sự nghiệp cách mạng, là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào những thành công trong sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ, giải thích cho dân chúng hiểu và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”. Nhận thức được vai trò tiên quyết của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đối với chất lượng hoạt động hành chính Nhà nước, Chính phủ đã đề ra một trong 05 mục tiêu quan trọng của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước là: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước”.

Trong bối cảnh thế giới đang trải qua sự biến đổi vô cùng mạnh mẽ trên cơ sở ứng dụng các thành quả của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đội ngũ công chức, viên chức cần có phẩm chất, năng lực, trình độ tương xứng thì mới có thể thực hiện công vụ có hiệu quả, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và đóng góp vào sự nghiệp phát triển của đất nước được tốt hơn. Một trong những trụ cột quan trọng nhất của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 chính là chuyển đổi số, vận dụng công nghệ kỹ thuật số để quản lý, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh.

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc, và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số chính là đòn bẩy để các thành quả Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thay đổi toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội, tạo đà tăng trưởng để Việt Nam bứt phá trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

Vì vậy, trước sự phát triển của nền kinh tế thị trường, của khoa học công nghệ; yêu cầu về tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của công chức trong thực thi hành công vụ; quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới và môi trường toàn cầu hóa, đòi hỏi nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, tăng cường năng lực giải trình, công khai minh bạch về quy trình thủ tục và trách nhiệm thực thi công vụ của của công chức, viên chức; đồng thời yêu cầu công chức, viên chức phải nhạy bén, thích ứng với diễn biến tình hình kinh tế-xã hội của khu vực và thế giới thì việc quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng xử lý công việc và chủ động trong môi trường kỹ thuật số là vô cùng quan trọng.

2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về Chuyển đổi số ở Việt Nam

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt luôn quan tâm đến Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2019 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nêu quan điểm “*Khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*”; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “*Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội ...*”, đồng thời đặt mục tiêu đến năm 2025 “*cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội*”. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 “*nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu*”. Đặc biệt, một trong những khâu đột phá chiến lược trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là ... “*chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số*”.

3. Tình hình chuyển đổi số của Bộ Tài chính

Với tổng số gần 70.000 công chức, viên chức làm việc tại 34 đơn vị phân bố từ Trung ương đến địa phương, Bộ Tài chính là Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách, hải quan, kế toán, kiểm toán độc lập, giá, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động dịch vụ tài chính, thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó, các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và sự phát triển của nền kinh tế số, xã hội số. Theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực tài chính-ngân hàng, với đặc thù là lĩnh vực có độ mở, độ mới và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, được xác định là lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số hàng đầu. Do đó, Bộ Tài chính đã và đang chủ động, quyết liệt triển khai nhiệm vụ xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số quốc gia hiện đại, bền vững, đạt chuẩn quốc tế.

Bộ Tài chính là Bộ đầu tiên trong 22 bộ, cơ quan ngang bộ đã tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) trong ngành từ năm 2018. Ngày 09/3/2018, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính đã ban hành **Nghị quyết số 02-NQ/BCSD** về triển khai ứng dụng công nghệ của CMCN 4.0 trong lĩnh vực Tài chính - Ngân sách. Cùng với đó, Bộ Tài chính cũng đã tập trung xây dựng, ban hành các kế hoạch hành động để tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Chương trình xây dựng Chính phủ số, Chính phủ điện tử của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai các giao dịch điện tử, giao dịch số trên môi trường mạng, Bộ Tài chính cũng đã nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 165/2018/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng, cung cấp dịch vụ; Nghị định số 87/2012/NĐ-CP quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại,...

Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi trong xây dựng, phát triển Tài chính điện tử hướng tới Tài chính số, Bộ Tài chính đã và đang tập trung nguồn lực nhằm ưu tiên phát triển 04 nền tảng đóng vai trò “trụ cột” trong xây dựng phát triển Tài chính điện tử hướng tới Tài chính số gồm:

Thứ nhất, nền tảng cơ sở dữ liệu Tài chính, bao gồm các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Thuế, Hải quan, Chứng khoán, Thuế, Dự trữ, Thu-chi ngân sách, Nợ công, Tài sản công, Giá; Bảo hiểm, Vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thứ hai, nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu ngành Tài chính để đảm bảo thông suốt huyết mạch dữ liệu của toàn ngành;

Thứ ba, nền tảng điện toán đám mây và hạ tầng truyền thông thống nhất ngành Tài chính;

Thứ tư, nền tảng định danh và xác thực điện tử đối với khách hàng sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin ngành Tài chính.

Xác định người dân, doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số, Bộ Tài chính chủ động, tích cực xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin để cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ cơ quan, tổ chức và người dân, doanh nghiệp, cụ thể bao gồm:

- *Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính*: Khoảng 60% trong tổng số dịch vụ công trực tuyến được kết nối, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- *Hệ thống Thanh toán điện tử Liên kho bạc, Thanh toán liên ngân hàng, Thanh toán song phương với các Ngân hàng thương mại*: chuyển từ phương thức thanh toán thủ công sang phương thức điện tử, việc thanh toán chuyển tiền tính bằng ngày trở thành gần như tức thời.

- *Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa Quốc gia*: được triển khai từ năm 2014 trở thành công cụ hữu hiệu hỗ trợ Hải quan Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan triển khai cơ chế Hải quan một cửa Quốc gia theo cam kết của Chính phủ Việt Nam.

- *Hệ thống kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử*: được triển khai từ 2012 đến nay đã góp phần tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cải thiện đáng kể Chỉ số nộp thuế của Việt Nam, nâng cao vị trí của nước ta trong Bảng xếp hạng môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới.

Những nỗ lực, kết quả trong xây dựng Bộ Tài chính điện tử hướng tới Bộ Tài chính số trong suốt những năm vừa qua đã được đánh giá, ghi nhận bằng kết quả Bộ

Tài chính 08 năm liên tiếp đứng đầu Bảng xếp hạng mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin ở Việt Nam của khối các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (năm 2013-2020).

4. Yêu cầu đối với công chức, viên chức Bộ Tài chính trong bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với bộ máy quản lý hành chính nhà nước nói chung và đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ Tài chính nói riêng. Hạ tầng kỹ thuật và nền tảng công nghệ có hiện đại đến đâu cũng không thể phát huy được tác dụng nếu đội ngũ công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu năng lực trong tình hình mới.

Tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đã thẳng thắn đánh giá mức độ chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư của nước ta còn thấp. Việc xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số đến nay được triển khai quyết liệt, đạt được một số thành quả đáng khích lệ, nhưng vẫn còn gặp phải nhiều lực cản, hạn chế xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một trong những nguyên nhân chủ quan là nhận thức về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa thống nhất; tư duy đổi mới của bộ phận công chức (nhất là công chức lãnh đạo) chưa bắt kịp với yêu cầu và nhịp độ của quá trình chuyển đổi từ môi trường làm việc truyền thống sang môi trường số. Vì vậy, khi thực hiện chuyển đổi số, đội ngũ công chức, viên chức cần đạt những điểm cơ bản sau:

(1) Hình thành tư duy chuyển đổi số trong xây dựng và thực thi chính sách:

Nhanh chóng phát hiện những khiếm khuyết, điểm nghẽn trong hệ thống các quy trình, thủ tục hiện nay để có biện pháp cải cách, khắc phục bằng biện pháp kỹ thuật khi chuyển sang môi trường chính phủ số. Đồng thời, công chức, viên chức sẽ phải hình thành tư duy chuyển đổi số ngay từ khâu xây dựng, hoạch định chính sách để đảm bảo các quy trình, quy chế có thể được thực hiện, triển khai nhanh chóng trên các nền tảng số, tránh sự chồng chéo, lãng phí nguồn lực của nhà nước và xã hội trong việc chuyển đổi phương thức làm việc từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

(2) Phải có kỹ năng khai thác và phân tích số liệu:

Việc số hóa các văn bản, tài liệu tạo ra kho dữ liệu rất lớn được lưu trữ trong máy chủ của các cơ quan, đơn vị. Kho dữ liệu này là nguồn tài nguyên số vô cùng quý giá nhưng việc có phát huy được hết giá trị của nguồn tài nguyên này hay không phụ thuộc vào năng lực khai thác, tổng hợp và phân tích dữ liệu của đội ngũ công chức, viên chức. Nguồn thông tin, dữ liệu dù dồi dào đến đâu nhưng nếu không được xử lý, phân tích một cách kỹ lưỡng, khoa học thì vẫn không thể phản ánh đúng thực trạng vấn đề, không thể trở thành nguyên liệu cho công tác xây dựng và hoạch định chính sách. Thực tế đó đòi hỏi đội ngũ công chức, viên chức phải có kỹ năng sử dụng các phần mềm thông kê, phân tích dữ liệu, trình bày một cách logic, khoa học trong các báo cáo để làm cơ sở tham mưu cho các cấp lãnh đạo, quản lý. Về dài hạn, việc ứng dụng đại trà các phần mềm, ứng dụng trên nền tảng số sẽ yêu cầu công

chức phải am hiểu ít nhất một ngôn ngữ lập trình. Trong kỷ nguyên khoa học công nghệ, kinh tế tri thức, công chức, viên chức không chỉ cần khả năng ứng dụng công nghệ một cách thụ động mà phải làm chủ được công nghệ mà mình sử dụng. Khi mà các thành quả khoa học công nghệ phát triển không ngừng nghỉ theo cấp số nhân, công chức, viên chức phải được trang bị các kiến thức nền tảng về khoa học, công nghệ thông tin, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng làm việc nhóm và độc lập để có thể kịp thời cập nhật những thay đổi, tiến bộ mới nhất trong môi trường số.

(3) Phải có trình độ, năng lực về ngoại ngữ

Trước yêu cầu của quá trình chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, công chức, viên chức nhất thiết phải có năng lực sử dụng ngoại ngữ, khả năng nghiên cứu, văn hóa ứng xử trong giao tiếp, kỹ năng xử lý các văn bản tiếng nước ngoài sẽ là một yêu cầu nhiệm vụ quan trọng đối với công chức, viên chức trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh nước ta đã và đang tham gia ký kết nhiều văn kiện, hiệp định hợp tác quốc tế với tầm phạm vi, ảnh hưởng liên quan đến nhiều mặt của cơ chế quản lý nhà nước. Mặt khác, công chức, viên chức cần phải có khả năng giao tiếp thành thạo, hiệu quả bằng tiếng nước ngoài với các đối tác, đồng nghiệp quốc tế để nhanh chóng tháo gỡ các vướng mắc, giải quyết các vấn đề khẩn cấp phát sinh trong hợp tác và nhanh chóng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của nhà đầu tư và đối tác quốc tế.

(4) Tinh thần học tập suốt đời

Quá trình chuyển đổi số cũng đồng nghĩa các công việc có tính chất thủ công, rập khuôn, lặp đi lặp lại sẽ sớm được tự động hóa. Đội ngũ công chức, viên chức phát triển theo chiều sâu (chất lượng – tầm nhìn) thay vì theo chiều rộng (số lượng). Thực tế đó đòi hỏi mỗi công chức, viên chức đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xử lý công việc và tầm nhìn chiến lược tương xứng với vị trí việc làm và tiêu chuẩn quốc tế nếu không sẽ trở nên dư thừa.

Sự bùng nổ của Internet và các nền tảng chia sẻ trực tuyến đã mở rộng cánh cửa kho tàng tri thức của nhân loại, cho phép mọi cá nhân được truy cập kiến thức ở bất kỳ đâu, vào bất kỳ thời điểm nào. Do đó, mỗi công chức, viên chức cần có tư duy học tập suốt đời, coi Internet là một môi trường học tập, thực hành kỹ năng, cập nhật kiến thức để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong thực thi nhiệm vụ.

(5) Tầm nhìn chiến lược

Chính phủ số phải là chính phủ hành động, chính phủ kiến tạo thì mới có thể thúc đẩy quá trình xây dựng nền kinh tế số. Theo đó, các công chức phải chủ động xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý để kiến tạo môi trường khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, định hướng, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển nền tảng kinh tế số, bắt kịp với các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới nhất của thế giới. Mặt khác, kinh tế số mở ra nhiều mô hình kinh doanh mới trên các nền tảng trực tuyến, đòi hỏi công chức, viên chức hiểu biết về tình hình phát triển khoa học công nghệ để có thể dự báo được các cơ hội, thách thức mới, hoàn thiện thể chế để mở đường cho các doanh

nghiệp trong nước phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

(6) Kỹ năng giao tiếp công chúng

Thông qua các nền tảng số, công chức, viên chức sẽ phải tiếp xúc, giao tiếp với người dân, doanh nghiệp mọi lúc mọi nơi, kể cả trên môi trường mạng. Do đó, phải có kỹ năng giao tiếp công chúng trả lời, trợ giúp người dân, doanh nghiệp trong quá trình xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đồng thời phải có vốn hiểu biết về ngoại giao, văn hóa, luật pháp quốc tế để giao tiếp hiệu quả với các tổ chức, đơn vị nước ngoài.

(7) Tinh thần dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm

Trong môi trường chuyên đổi mới, công chức, viên chức phải có năng lực sáng tạo, đưa ra chiến lược, ý tưởng mới, có khả năng thử nghiệm những phương pháp giải quyết vấn đề mới và được xã hội chấp thuận. Trong quá trình mày mò, thử nghiệm công nghệ mới không thể tránh khỏi các bất cập phát sinh, các bước thụt lùi. Vì vậy càng cần phải yêu cầu tinh thần tự chịu trách nhiệm, khả năng sửa sai, học từ cái sai.

5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ Tài chính hướng đến mục tiêu chuyển đổi số

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức thông qua việc cải tiến công tác tuyển dụng, hoàn thiện quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, từng bước xây dựng tiêu chuẩn vị trí việc làm và tổ chức, đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ công chức, viên chức theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành chuyên sâu theo vị trí việc làm, văn hóa, đạo đức công sở và các kỹ năng phục vụ hoạch định chính sách, thực thi công vụ. Từ đó, chất lượng công chức Bộ Tài chính đã được cải thiện, các chính sách tham mưu và trình cấp có thẩm quyền ban hành: Luật Kế toán, Luật Ngân sách, chính sách về Thuế, tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, tài chính doanh nghiệp,... đã đi vào cuộc sống. Các thủ tục hành chính về thuế, hải quan, kho bạc,... đã được cải cách, áp dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của công chức, viên chức trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như xây dựng chính phủ số và hướng đến chuyển đổi số, Bộ Tài chính đã và đang triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức như sau:

Thứ nhất: Phân nhóm các hoạt động để đào tạo, bồi dưỡng

Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng hiện nay được phân loại theo các nhóm bao gồm:

(1) Nhóm về năng lực kiến thức/trình độ sự hiểu biết: Quy tắc, quy định nhiệm vụ công việc, vị trí công tác;

(2) Nhóm năng lực kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc, Kỹ năng thuyết trình, báo cáo, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

(3) Nhóm năng lực hành vi, đạo đức nghề nghiệp: Năng lực tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin từ lãnh đạo, khả năng đề xuất sự thay đổi và cải tiến công việc;

(4) Nhóm năng lực thích ứng và sẵn sàng: đổi mới phương pháp pháp làm việc truyền thống sang kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật số;

(5) Nhóm năng lực lãnh đạo, quản lý: Tầm nhìn chiến lược, thay đổi tư duy lãnh đạo và hoạch định và phân công công việc.

Việc phân loại như trên giúp Bộ Tài chính đánh giá đúng nhu cầu thực tế, xây dựng kế hoạch cụ thể cũng như nâng cao hiệu quả của từng nhóm đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ hai: Xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng

Trên cơ sở kế hoạch, mục tiêu của chiến lược đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức của toàn ngành, Bộ Tài chính chủ động xây dựng, cập nhật các nội dung đào tạo, bồi dưỡng sau:

- Đào tạo, bồi dưỡng về hành chính nhà nước (hay còn gọi là hành chính công), đây là yêu cầu cơ bản và bắt buộc đối với mọi công chức Bộ Tài chính, nhằm tạo ra một hệ thống công vụ thích hợp, làm cơ sở cho việc công chức Bộ Tài chính tăng nhanh khả năng thích ứng đối với cơ chế mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý Nhà nước cho một nền kinh tế số, cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về kinh tế số và vai trò nhà nước trong nền kinh tế số, xã hội số.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho mục tiêu phát triển, đây là lĩnh vực có yêu cầu cao hơn để xây dựng một đội ngũ chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành có trình độ chuyên môn cao và sâu nhằm tăng cường khả năng thiết kế các hệ thống, hoạch định các chính sách tài chính, nâng cao năng lực phân tích, quản lý và thực thi chính sách, các chương trình dự án phát triển.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, đây là lĩnh vực rộng lớn có liên quan tới nhiều đối tượng công chức Bộ Tài chính, bao gồm nhiều nội dung đào tạo như ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho mục tiêu quản lý nguồn nhân lực, đây là nội dung quan trọng, lâu dài bao gồm các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm tiêu chuẩn hóa đội ngũ công chức hành chính, giải quyết việc nâng bậc, nâng ngạch, khắc phục tình trạng không đủ các tiêu chuẩn đã được nhà nước quy định đối với từng ngạch công chức hay tiêu chuẩn của từng loại chức danh lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba: Về hình thức đào tạo, bồi dưỡng

Do quy mô nguồn nhân lực lớn, phân bố trên phạm vi cả nước, Bộ Tài chính luôn tìm cách vận dụng tất cả các hình thức đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện hiệu

quả, tiết kiệm. Ngoài các hình thức đào tạo, bồi dưỡng truyền thống, Bộ Tài chính đã tổ chức triển khai một số hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức, viên chức, đó là:

+ Đào tạo, bồi dưỡng thông qua công việc tại cơ quan. Đây là hình thức đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả nhất, do vậy được rất nhiều các tổ chức cả trong khu vực công và khu vực tư ở các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Philippin... thực hiện. Đối với chúng ta đã có rất nhiều khuyến nghị trong việc sử dụng hình thức này nhưng cho đến nay vẫn chưa được pháp lý hóa, chưa trở thành chế độ pháp lý đối với các cơ quan, tổ chức hành chính do vậy việc thực hiện còn rất phân tán, thiếu bài bản;

+ Đào tạo, bồi dưỡng thông qua hội thảo khoa học, trao đổi kinh nghiệm. Đây là hình thức rất hữu ích, tiết kiệm thời gian và chi phí, kích thích mạnh mẽ tính chủ động, tính tích cực của công chức. Cũng như đào tạo, bồi dưỡng thông qua công việc tại cơ quan, hình thức đào tạo này được sử dụng phổ biến ở các nước phát triển trong cả khu vực công, khu vực tư và xã hội dân sự. Các hội thảo, nhất là hội thảo do các cơ quan, tổ chức ở trung ương, Bộ, ngành tổ chức thường bàn đến những vấn đề vĩ mô, thành phần tham dự là các công chức lãnh đạo, quản lý do vậy các công chức “không phải là lãnh đạo, quản lý” rất ít có cơ hội tham gia, điều này đồng nghĩa với việc hạn chế thực hiện hình thức đào tạo này với công chức “không phải là lãnh đạo, quản lý”.

+ Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát đầu năm 2020 gây ảnh hưởng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của ngành, Bộ Tài chính đã phê duyệt Đề án thí điểm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo hình thức trực tuyến, đồng thời ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian thí điểm. Trong quá trình triển khai, liên tục rà soát, đúc rút kinh nghiệm để khắc phục các tồn tại, hạn chế.

Thứ tư: Hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng

Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng công chức đã trở thành yêu cầu cấp bách hiện nay. Công chức, viên chức không chỉ cần có những kinh nghiệm từ thực tiễn trong nước, mà đòi hỏi họ còn phải nắm bắt được những tri thức, kinh nghiệm tiên tiến để vận dụng vào thực tế công tác, đồng thời xử lý tốt những tình huống mà thách thức của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra. Vì vậy, để tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong năm qua, Bộ Tài chính đã thực hiện:

- Xây dựng những chương trình hợp tác quốc tế dài hạn và ngắn hạn theo chỉ tiêu và kinh phí được giao.

- Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này vào các dự án do nước ngoài tài trợ với nhiều hình thức thực hiện phong phú và đa dạng như: các dự án mang tính quốc gia, dự án của các tổ chức, tập đoàn kinh tế, Đề án 165, Đề án Bộ Nội vụ.

- Hợp tác quốc tế đào tạo, bồi dưỡng công chức Bộ Tài chính ngay tại trong

nước, địa phương với sự hỗ trợ bằng kinh phí và chuyên gia nước ngoài.

- Lựa chọn trọng tâm, trọng điểm các nhóm đối tượng công chức Bộ Tài chính cho chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, nhất là ngành, lĩnh vực đang cần chuyên gia, chuyên viên cao cấp ở các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc dân như: hợp tác đầu tư, quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính tiền tệ, chuyển đổi số ...

- Lựa chọn công chức, viên chức Bộ Tài chính tham gia chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, có thể là những người đang đảm nhận tốt các chức vụ nhất định, được đào tạo, bồi dưỡng để phát triển hơn hoặc những công chức ưu tú, những công chức trẻ, có phẩm chất và năng lực được đào tạo, bồi dưỡng để kế thừa, đảm nhận các cương vị công tác đang thực hiện nhiệm vụ hoặc trong tương lai.

- Lựa chọn các quốc gia đối tác có nền hành chính, khoa học công nghệ tiên tiến và có kinh nghiệm trong chuyển đổi số.

Việc tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng công chức Bộ Tài chính trong bất cứ bối cảnh nào cũng nhằm mục tiêu: tiếp thu kinh nghiệm, tiếp cận với kiến thức khoa học hiện đại của thế giới, nâng cao năng lực quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước ta và hội nhập quốc tế.

6. Giải pháp đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức để thích ứng với chuyển đổi số

Để đảm bảo tiến trình chuyển đổi số diễn ra thành công, công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức cần phải được lên kế hoạch bài bản, cập nhật, đánh giá thường xuyên trên cơ sở các nội dung sau:

Thứ nhất: Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp về tầm quan trọng của năng lực làm việc trong môi trường số của đội ngũ công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp. Toàn bộ hệ thống chính trị cần phải nhận thức rõ tính cấp bách và độ phức tạp của việc nâng cao trình độ chuyên môn tổng hợp để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Việc tuyên truyền cần phải được thực hiện sâu rộng, hiệu quả, thực chất, nhanh chóng biểu dương, nhân rộng các mô hình mới, ý tưởng đổi mới sáng tạo đồng thời phê bình, loại bỏ sự trì trệ, lạc hậu trong tư duy, nhận thức của bộ phận cán bộ thụ động, ngại thay đổi.

Thứ hai: Gắn trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong nâng cao năng lực làm việc trong môi trường số. Người đứng đầu cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải đóng vai trò nêu gương trong việc tự rèn luyện, phấn đấu, học tập để nâng cao trình độ, đồng thời phải có tầm nhìn chiến lược, dài hạn trong việc hoạch định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức cần trở thành một tiêu chuẩn, điều kiện để đánh giá năng lực lãnh đạo của người đứng đầu đơn vị.

Thứ ba: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc tổ chức, sắp xếp lại đảm bảo tinh gọn về tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền cho các tổ chức, đơn vị trong việc xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo,

bồi dưỡng hợp tác, trao đổi chuyên môn với các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

Thứ tư: Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch và ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng lấy người học làm trung tâm, bám sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các tổ chức, đơn vị, yêu cầu của từng vị trí việc làm và hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành, kỹ năng xử lý tình huống, văn hóa ứng xử; kết hợp bồi dưỡng lý thuyết với kiến thức thực tế cho công chức, viên chức.

Thứ năm: Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng (trực tiếp và trực tuyến); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo bồi dưỡng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức tham gia học tập; tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có yếu tố nước ngoài. Tạo cơ chế khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của công chức, viên chức.

Thứ sáu: Cải cách cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, những trí thức, nhà khoa học, doanh nhân giỏi... ở nước ngoài về làm việc trong các cơ quan đảng, nhà nước.

Thứ bảy: Tăng cường kiểm soát đầu ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; áp dụng các tiêu chí đánh giá theo quy định hiện hành trong việc đánh giá chất lượng; tăng cường kỷ cương kỷ luật đối với công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ tám: Xây dựng đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ về số lượng, chuyên sâu về nghiệp vụ và có phương pháp giảng dạy linh hoạt, hiện đại đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của người học. Thường xuyên tổ chức cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên.

7. Kết luận

Năng lực công chức, viên chức có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển ngành Tài chính nói riêng và cả nước nói chung. Năng lực công chức Bộ Tài chính là tổng hợp các thuộc tính, đặc trưng của công chức; đảm bảo cho công chức hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, thể hiện ở kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công trong tổng thể sự phát triển mọi mặt của ngành Tài chính, nơi công chức Bộ Tài chính hoạt động trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Vì vậy, chỉ khi năng lực của con người được phát triển, tận dụng tối đa thì các tiến bộ của khoa học kỹ thuật mới có thể đem lại những thay đổi thực chất đối với cuộc sống. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và trong bối cảnh chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị quan trọng và cấp thiết. Việc xây dựng, đổi mới cơ chế chính sách và triển khai các kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần được thực hiện đồng bộ, nhất quán để đạt hiệu quả cao nhất, hiện thực hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước nâng cao năng lực của công chức trong việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ./.

3. Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính)

Tham luận một số giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030

Năm 2021, Bộ Nội vụ, với vai trò là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ, đã tham mưu cho Chính phủ tổ chức tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những thành tựu, kết quả nổi bật đạt được trong cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm trong cải cách hành chính; đồng thời, căn cứ vào quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đã đề ra, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, theo đó, xác định rõ mục tiêu cải cách hành chính 10 năm tới là: *Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.*

Trên cơ sở đó, Chương trình tổng thể giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 06 nội dung cải cách hành chính, với hơn 40 mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, có tính định lượng cao để tạo thuận lợi cho việc tổ chức triển khai và theo dõi, đánh giá; đó là: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công và (6) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Chương trình tổng thể cũng đã xác định rõ trọng tâm của cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, gồm: (1) Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; (3) xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Ngay sau khi Nghị quyết số 76/NQ-CP được ban hành, Bộ Nội vụ đã khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện; Đặc biệt là, ngày 02/9/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, nhằm chỉ đạo, quán triệt các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính được Chính phủ giao tại Nghị quyết 76/NQ-CP; chỉ đạo ưu tiên thực hiện một số nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong năm 2021 và những năm tiếp theo để kịp thời giải quyết những vấn đề cấp bách mà thực tiễn đang đặt ra, nhất là việc hỗ trợ, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc

và khó khăn cho người dân, doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp từ dịch bệnh Covid-19, sớm đưa đất nước kiểm soát được dịch bệnh, phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở các quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực, chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính 5 năm, hàng năm đề tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao, bám sát thực tiễn và từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, qua theo dõi, đánh giá cho thấy, việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính tại một số bộ, ngành, địa phương còn chậm, nhất là việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg. Một số nơi chưa quyết liệt, triển khai còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Đề Nghị quyết số 76/NQ-CP được triển khai trong thực tiễn một cách thiết thực, hiệu quả, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ đề nghị các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị trực thuộc để nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu, trong đó, tập trung thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, từng bước hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Nâng cao vai trò chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội, người dân, doanh nghiệp đối với công tác cải cách hành chính.

2. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể tại các bộ, ngành, địa phương:

- Trước tiên, phải chỉ đạo thực hiện tốt công tác lập kế hoạch cải cách hành chính. Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, Chỉ thị số 23/CT-TTg; trong đó, các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính phải cụ thể, khả thi, có tính định lượng và xác định rõ kết quả, sản phẩm đầu ra theo lộ trình hàng năm, gắn với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện và nguồn lực bảo đảm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; phải đi tiên phong, nêu gương sáng, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự nghiệp chung; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương

trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính tại bộ, ngành, địa phương. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Chương trình/Kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Cải cách hành chính không chỉ là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa

trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

6. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Thường xuyên nghiên cứu, hoàn thiện bộ tiêu chí, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá. Sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số cải cách hành chính trong theo dõi, đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho Chính phủ và chính quyền các cấp ở địa phương.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

8. Các bộ, cơ quan được Chính phủ phân công chủ trì xây dựng các đề án về cải cách hành chính quy mô quốc gia tại Chương trình tổng thể, khẩn trương triển khai nghiên cứu, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để xây dựng và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo quy định; bố trí đủ nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án sau khi được phê duyệt.

9. Các bộ, ngành, địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành những nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo ưu tiên thực hiện tại Chỉ thị số 23/CT-TTg.

4. Bộ Nội vụ (Vụ Công chức - Viên chức)

Tham luận về đổi mới cơ chế quản lý công chức theo vị trí việc làm

Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức nhằm xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả là nội dung lớn trong chủ trương cải cách của Đảng và Nhà nước ta. Một trong những nội dung cốt lõi của việc cải cách chế độ công vụ, công chức là tiến hành xác định vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đã xác định một trong những giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách chế độ công vụ, công chức là “xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức... trên cơ sở xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, từng cơ quan nhà nước rà soát lại đội ngũ công chức, đối chiếu với tiêu chuẩn để bố trí lại cho phù hợp”. Như vậy, xác định vị trí việc làm là nội dung quan trọng để thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức. Bản chất của việc xác định vị trí việc làm là xác định trong một cơ quan, tổ chức có bao nhiêu vị trí việc làm và cần bao nhiêu người với những tiêu chuẩn, năng lực gì để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó. Qua xác định vị trí việc làm, sẽ giúp cơ quan, tổ chức phát hiện những chồng chéo về nhiệm vụ của các vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức; phục vụ hiệu quả sắp xếp lại đội ngũ công chức; qua xác định vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức sẽ có thể tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức phù hợp với vị trí việc làm, loại bỏ những công chức không đáp ứng yêu cầu công việc, góp phần thực hiện tinh giản biên chế.

Luật Cán bộ, công chức 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019 đã xác định một trong những nguyên tắc quản lý công chức là “kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế”; đồng thời đưa ra vào quy định và định nghĩa về vị trí việc làm “là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị”. Triển khai thi hành các Luật trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, trong đó Chính phủ giao trách nhiệm Bộ Nội vụ “xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định về chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình phát triển đội ngũ công chức; phân công, phân cấp quản lý công chức và biên chế công chức; vị trí việc làm và cơ cấu công chức”.

Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đặt ra yêu cầu cải cách chính sách tiền lương phù hợp với từng nhóm đối tượng theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, để bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, việc xây dựng vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cần được nghiên cứu đổi mới cả về cách thức tiếp cận và phương pháp xác định.

1. Khái quát việc triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua

Việc xây dựng VTVL tại các cơ quan, tổ chức hành chính (về nguyên tắc, phương pháp, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; thẩm quyền quyết định, phê duyệt, quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức) được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục VTVL của 24 bộ, ngành Trung ương (không áp dụng với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) và 62 địa phương.

Đến nay, theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2000 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức (thay thế Nghị định số 36/2013/NĐ-CP) thì việc xây dựng danh mục VTVL đã có sự thay đổi, theo đó, Chính phủ giao trách nhiệm, thẩm quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; xây dựng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để Bộ Nội vụ ban hành.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, việc xác định vị trí việc làm thời gian qua được triển khai thống nhất theo cách tiếp cận “từ dưới lên” với phương pháp tiến hành qua 08 bước: (1) Thống kê công việc; (2) Phân nhóm công việc; (3) Xác định yếu tố ảnh hưởng; (4) Thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ CBCCVC; (5) Xác định bảng danh mục vị trí việc làm; (6) Xây dựng bản mô tả công việc; (7) Xây dựng khung năng lực; (8) Xác định ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm. Tuy nhiên, đối chiếu với mục tiêu xác định vị trí việc làm vẫn còn một số hạn chế, bất cập sau:

- *Một là*, việc xác định vị trí việc làm được tiến hành theo hướng tiếp cận “từ dưới lên” và phê duyệt theo quyết định cá biệt đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa bảo đảm cho việc áp dụng thống nhất, liên thông các vị trí việc làm có sự tương đồng về tính chất, mức độ phức tạp của công việc.

- *Hai là*, danh mục vị trí việc làm được xác định quá chi tiết (theo thực trạng công việc và biên chế được giao) dẫn đến chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức có sự tương đồng về loại hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cấp có thẩm quyền giao.

- *Ba là*, việc xác định vị trí việc làm gắn với ngạch tối thiểu (thấp nhất) chưa phản ánh được tính chất, mức độ phức tạp theo yêu cầu của nhiệm vụ đối với từng vị trí. Thực tế cho thấy, một số vị trí việc làm có cùng tính chất, mức độ phức tạp nhưng lại áp dụng ngạch tối thiểu khác nhau. Theo đó, việc phân công nhiệm vụ cho CBCCVC chưa thực sự gắn với vị trí việc làm (có thể thay đổi ngạch mà không thay đổi việc làm hoặc phân công việc làm mới mà không thay đổi ngạch).

- *Bốn là*, việc xác định vị trí việc làm gắn với bố trí đội ngũ CBCCVC nên chưa có tác động tích cực trong thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC.

2. Xây dựng vị trí việc làm theo yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa XII

Để đáp ứng mục tiêu cải cách tiền lương theo yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa XII, việc xác định vị trí việc làm đối với CBCCVC cần được nghiên cứu đổi mới theo hướng sau:

Để bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, vị trí việc làm phải được xác định phù hợp với chức danh, chức vụ, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và chức năng, nhiệm vụ do CBCCVC đảm nhiệm, bảo đảm tính hệ thống với cách tiếp cận “từ trên xuống - thống nhất - liên thông giữa các cấp quản lý và phù hợp với các quy định của Đảng và của pháp luật”. Theo cách tiếp cận này, vị trí việc làm đối với CBCCVC được xác định như sau:

- Các vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được xác định từ cao xuống thấp theo cấp quản lý, bảo đảm mối tương quan trong cả hệ thống chính trị.

- Các vị trí việc làm của công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính được xác định theo 3 nhóm: (1) Nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực; (2) Nghiệp vụ chuyên môn; (3) Hỗ trợ, phục vụ. Trong đó, nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực được xác định phù hợp với phân quyền, phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và được áp dụng liên thông giữa các cấp hành chính từ Trung ương đến cấp huyện; 02 nhóm vị trí việc làm còn lại được sử dụng chung tại các cấp hành chính.

Trên cơ sở khung danh mục vị trí việc làm đối với CBCCVC được xác định theo cách tiếp cận, nguyên tắc, phương pháp nêu trên, các cơ quan được phân công xác định vị trí việc làm theo các nhóm có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo là xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm. Trên cơ sở khung danh mục và bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định vị trí việc làm của từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức đó.

Triển khai thực hiện việc xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL của hệ thống chính trị, trong thời gian qua, Ban Tổ chức Trung ương, Ban cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan đã xây dựng danh mục VTVL của hệ thống Chính trị, theo Bảng tổng hợp số lượng vị trí việc làm (VTVL) cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị do Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị thì VTVL cán bộ, công chức khối Chính phủ quản lý gồm **814** vị trí, trong đó: (1). Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, trợ lý, thư ký: **132** vị trí (*VTVL lãnh đạo, quản lý của Bộ, cơ quan ngang bộ là 36 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực là 20 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ là 10 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Giám sát tài*

chính Quốc gia là 08 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý của Hội đặc thù là 03 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh là 32 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực (thuộc Chi cục) là 07 vị trí; VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện là 12 vị trí; VTVL chức danh chuyên gia là 02 vị trí; VTVL chức danh trợ lý, thư ký là 02 vị trí). (2). Nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành: **616** vị trí. (3). Nhóm VTVL chuyên môn dùng chung: **48** vị trí. (4). Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: **18** vị trí.

Theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 1581-CV/BTCTW²⁴, hiện nay Bộ Nội vụ đang phối các Bộ, ngành để rà soát danh mục VTVL cán bộ, công chức đã được tổng hợp. Theo đó, danh mục, số lượng, tên VTVL cán bộ, công chức sẽ có sự thay đổi và phụ thuộc vào kết quả rà soát, tổng hợp danh mục VTVL hiện đang được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua.

3. Một số nội dung lưu ý khi triển khai tuyển dụng, sử dụng quản lý công chức theo vị trí việc làm

a) Về tuyển dụng, sử dụng, bố trí, sử dụng công chức

Xác định vị trí việc làm không chỉ xác định khối lượng, số lượng công việc phải thực hiện ở một vị trí nhất định trong cơ quan, tổ chức hành chính mà quan trọng hơn là phải xác định được đặc điểm, đặc thù, tính phức tạp của công việc và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần thiết của công chức để thực hiện công việc đó. Do đó, đây là cơ sở quan trọng để thực hiện tuyển dụng công chức vào các cơ quan, đơn vị, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP đã quy định “việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của cơ quan sử dụng công chức”; quy định một trong những tiêu chuẩn, điều kiện của công chức dự thi nâng ngạch là “có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn”.

Như vậy, khi xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì cơ quan, tổ chức sẽ xác định các hoạt động và thời gian công chức phải thực hiện để hoàn thành từng công việc, từng hoạt động ở mỗi vị trí việc làm và kết quả (sản phẩm) công việc của vị trí việc làm cũng như điều kiện làm việc (trang thiết bị, phần mềm quản lý, phương tiện, môi trường làm việc, phạm vi hoạt động, quan hệ công tác) của từng vị trí việc làm, từ đó sẽ xác định khung năng lực cần có của công chức đảm nhận vị trí việc làm đó. Khung năng lực “là tập hợp các năng lực gắn với một chức danh hay vị trí công việc để hoàn thành các công việc của chức danh hay vị trí công việc đó. Cụ thể, khung năng lực trả lời các câu hỏi sau: vị trí chức danh công việc đòi hỏi người đảm nhận có những năng lực (phẩm chất, kỹ năng và kiến thức). Đồng thời, qua xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực có thể xác định được tiêu chuẩn về chuyên môn, kỹ năng cần thiết của từng vị trí việc làm. Đặc biệt, khung năng lực giúp xác định được các tiêu chí để lựa chọn ứng viên phù hợp với từng vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức. Dựa vào cấp độ yêu cầu cho từng năng lực,

²⁴ Công văn số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức

cơ quan hành chính nhà nước xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sử dụng, nâng ngạch công chức được rõ ràng và xác định cụ thể các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho vị trí việc làm đó và sử dụng thông tin này làm tiêu chí đánh giá trong suốt quá trình tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

b) Xác định biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức

Trong bối cảnh cải cách chế độ công vụ, công chức hiện nay thì Đảng và Nhà nước ta luôn hướng tới việc xây dựng một bộ máy gọn nhẹ với đội ngũ công chức có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu của nền công vụ. Tuy nhiên, do nhiều lý do, trong một thời kỳ dài bộ máy hành chính của chúng ta vẫn còn cồng kềnh, biên chế làm việc trong các cơ quan HCNN còn khá lớn, một bộ phận trong số đó làm việc kém hiệu quả, vẫn có công chức chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của nền công vụ hiện đại, “Cơ cấu công chức, viên chức còn chưa hợp lý về số lượng, chức danh ngạch, chức danh nghề nghiệp; trình độ, độ tuổi, dân tộc, giới tính, nhất là tương quan cơ cấu giữa các cơ quan trung ương với các cơ quan địa phương”. Vì vậy, để xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương thực hiện việc tinh giản biên chế. Tuy nhiên, “hiệu quả công tác tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, tổng số biên chế có xu hướng tăng lên”.

Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, việc quản lý công chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm, vị trí việc làm là điểm mấu chốt để đổi mới cơ chế quản lý biên chế công chức. Bởi lẽ, căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, cơ quan có thẩm quyền sẽ để xem xét, quyết định số biên chế trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. Qua xác định vị trí việc làm, các cơ quan, tổ chức có cơ sở để xác định đủ số lượng người làm việc, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc và phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức đó. Xác định vị trí việc làm gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức trong các cơ quan hành chính để xác định biên chế và bố trí, sắp xếp công chức khoa học, hiệu quả. Qua xác định vị trí việc làm, các cơ quan, tổ chức xác định được những trường hợp công chức có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí công việc đang đảm nhận, qua đó tiến hành các biện pháp để bố trí, sử dụng nhân sự phù hợp. Những công chức có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nhưng không thể bố trí việc làm khác; những người có hai năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, hoặc có hai năm liên tiếp, trong đó có một năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và một năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp thì sẽ đưa vào diện tinh giản biên chế. Điều này giúp việc sắp xếp lại đội ngũ công chức theo đúng ngành, nghề đào tạo, tạo điều kiện cho việc đưa ra khỏi bộ máy những trường hợp có năng lực yếu qua việc đánh giá, phân loại hàng năm để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.

Như vậy, qua xác định vị trí việc làm sẽ xác định được rõ, đủ, đúng, cần thiết số người làm việc trong mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trên cơ sở đó, xác định rõ những vị trí, những người không nhất thiết phải bố trí vào trong các cơ quan đó. Đó là giải pháp để góp phần tinh giản biên chế. Tuy nhiên hiện nay, qua xác định vị trí

việc làm có thể dẫn đến trường hợp nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương lại đề xuất tăng biên chế vì không ít đơn vị trong khi xây dựng đề án vị trí việc làm có tâm lý muốn tăng thêm hoặc chỉ ít là giữ nguyên biên chế nên chưa mô tả hết thực chất tính chất công việc của từng vị trí việc làm, công chức kê khai không đúng tỷ lệ thời gian thực hiện công việc của mình do lo sợ bị giảm biên chế. Do đó, trong xác định vị trí việc làm, cần tính toán một cách khoa học biên chế dành cho mỗi vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sao cho vừa bảo đảm khoa học vừa phải sát với thực tế yêu cầu công việc. Số lượng biên chế phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cơ quan, đơn vị.

c) Về đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm

- Thứ nhất: Xây dựng hệ thống chương trình đào tạo gắn với vị trí việc làm, như: (1) Khóa đào tạo chung dành cho công chức mới được tuyển dụng. (2) Đào tạo theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh. (3) Đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. (4) Đào tạo dành cho lãnh đạo, quản lý (5) Đào tạo kỹ năng để phát triển cá nhân như kỹ năng tham mưu, kỹ năng xây dựng đề án, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng huấn luyện và phát triển người khác; tạo động lực làm việc; ...

- Thứ hai: Gắn yêu cầu về chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo vị trí việc làm phải phục vụ thiết thực cho việc hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và đáp ứng tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm. Mỗi vị trí chức danh, việc làm tương ứng với một bản mô tả công việc. Cần tiếp cận và xác định được nội dung từ 3 khối: Kiến thức, Kỹ năng và Thái độ để xây dựng được chương trình, tài liệu bồi dưỡng chất lượng và phù hợp

- Thứ ba, thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các quy định về văn bằng, chứng chỉ đối với cán bộ, công chức, viên chức, theo đó hướng tới “cá thể hóa” yêu cầu về năng lực, trình độ đối với từng vị trí việc làm. Tuy nhiên, việc nâng cao chất lượng đội ngũ vẫn là nội dung được quan tâm và là mục tiêu của việc xây dựng hệ thống vị trí việc làm nói chung trong toàn hệ thống chính trị cũng như đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị./.

5. Bộ Nội vụ (Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức)

Tham luận về quản lý các chương trình, tài liệu, chứng chỉ đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xác định vai trò, nhiệm vụ của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường việc phân cấp, phân quyền trong đào tạo, bồi dưỡng; xác định nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng; phân loại chứng chỉ bắt buộc, không bắt buộc khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm tham gia các chương trình bồi dưỡng đối với CBCCVC, Vụ Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm tạo sự thay đổi căn bản và sâu sắc trong quản lý các chương trình, tài liệu, chứng chỉ đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ CBCCVC có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

1. Thực trạng công tác quản lý các chương trình, tài liệu

Trong thời gian qua, nội dung về quản lý đào tạo, bồi dưỡng đã được triển khai khẩn trương và nghiêm túc, cụ thể: phân công, phân cấp tổ chức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chính sách, chế độ đối với giảng viên; điều kiện và quyền lợi, trách nhiệm của công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; tạo lập cơ sở pháp lý để kiểm soát chất lượng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng CBCCVC trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới hình thức, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng hành chính cho công chức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức.

Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành và đưa vào giảng dạy các chương trình lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính; bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức. Các chương trình đã được xây dựng theo hướng giảm thời lượng giảng lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, tập trung bồi dưỡng các kỹ năng cho công chức thực thi nhiệm vụ. Yêu cầu các chương trình đảm bảo tính liên thông, dễ dàng cập nhật, bám sát với tình hình thực tế.

Bên cạnh đó, các chương trình đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao trình độ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng đối tượng cán bộ, công chức trong thời gian qua. Trong đó, các chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức có nội dung tốt nhất đáp ứng cả nội dung kiến thức lý luận và cả hướng dẫn nghiệp vụ công tác. Chương trình đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, tính thiết thực, sát với thực tế công tác của các công chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao

cấp. Tuy nhiên, mức độ trùng lặp của các chương trình là tương đối phổ biến, chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước chuyên viên cao cấp và tương đương nhiều nội dung trùng với chương trình chuyên viên chính và tương đương. Nội dung chương trình, tài liệu còn nặng lý thuyết thiếu thực hành, thiếu các kỹ năng thao tác công việc, thiếu các bài tập tình huống và kinh nghiệm xử lý công việc tại công sở. Các chương trình tài liệu đều thiết kế và biên tập để giảng viên truyền đạt kiến thức theo phương pháp giảng dạy truyền thống, khó áp dụng phương pháp giảng dạy mới nhất là sử dụng sự trợ giúp của các trang thiết bị hiện đại. Hầu như các chương trình được thiết kế bước đầu bám sát chức trách và nhiệm vụ của cán bộ, công chức ở các ngạch, chức danh công chức để mô tả công việc, kiến thức, kỹ năng cần có, trên cơ sở đó đưa ra các chương trình sát thực, nên tính thiết thực, hiệu quả không cao. Đối với chương trình bồi dưỡng dành cho các ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, sự khác biệt mang đặc thù cấp học, bậc học chưa nhiều. Nhìn chung, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ, công chức hiện nay được xây dựng dựa trên cơ sở chủ quan của người viết, xuất phát từ khả năng "cung" nhiều hơn là xuất phát từ nhu cầu của người học. Tuy đã có nhiều cố gắng trong biên soạn và cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính và cán bộ, công chức cơ sở, song nhìn chung tiến độ biên soạn còn chậm, nội dung các chương trình còn lạc hậu so với yêu cầu.

Nội dung chương trình, tài liệu vẫn cần được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện hơn nữa. Phương pháp biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đã được đổi mới nhưng vẫn còn khoảng cách với nhu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức và yêu cầu của hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Việc biên soạn các chương trình, tài liệu còn chậm; chưa ban hành được hệ thống chương trình bồi dưỡng dành cho viên chức. Các chương trình bồi dưỡng các ngạch công chức tương đương, các chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý chậm được ban hành, gây khó khăn cho hoạt động bồi dưỡng công chức.

2. Quan điểm đổi mới công tác quản lý các chương trình, tài liệu, chứng chỉ

- Xác định rõ hình thức, nội dung bồi dưỡng. Hình thức bồi dưỡng gồm: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm. Nội dung bồi dưỡng gồm: lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Đổi mới nội dung chương trình, tài liệu, phương thức bồi dưỡng, tránh trùng lặp về nội dung chương trình, tập trung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ) góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC một cách thực chất; xây dựng các công cụ đánh giá năng lực của CBCCVC làm căn cứ xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

- Cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không phù hợp, tránh trùng lặp về nội dung giữa các chương trình bồi dưỡng.

- Chuyển từ đào tạo, bồi dưỡng sang học tập; chuyển từ bồi dưỡng kiến thức đến nâng cao năng lực: có nghĩa là CBCCVC luôn ở trạng thái phát triển và học tập trong suốt quá trình làm việc và quá trình tự học. Chúng ta cần trang bị cho CBCCVC các năng lực cần thiết để thực hiện công việc. Vấn đề là ở chỗ năng lực vượt ra ngoài phạm vi của kiến thức để giải quyết các vấn đề thuộc thái độ và các kỹ năng. Chúng ta đang trong giai đoạn đầu chuyển sang phương pháp đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở năng lực, áp dụng một cách có điều chỉnh các hệ thống năng lực từ các nước phát triển sao cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Nhưng việc chuyển đổi hệ thống đào tạo từ truyền đạt kiến thức tới đào tạo trên cơ sở năng lực là một quá trình phức tạp mà có thể phải mất hàng thế hệ mới có thể hoàn thiện được. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có sự cam kết, theo đuổi và kiên trì lâu dài theo cách tiếp cận từng bước một.

3. Đổi mới quản lý các chương trình, tài liệu, chứng chỉ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không phù hợp, tránh trùng lặp về nội dung giữa các chương trình bồi dưỡng; không quy định chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với công chức ngạch cán sự và tương đương, vì vị trí việc làm của ngạch cán sự chủ yếu thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ và quy định về tiêu chuẩn ngạch cán sự hiện hành không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng chương trình quản lý nhà nước; để khắc phục sự trùng lặp về nội dung (phần kiến thức, kỹ năng chung về quản lý nhà nước) giữa các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức chuyên ngành hiện nay. Quy định công chức giữ các ngạch chuyên ngành tương đương cùng học 01 chương trình, tài liệu bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; phần nội dung theo yêu cầu của từng chuyên ngành sẽ thực hiện khi bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thực hiện theo phương án này sẽ cắt giảm được **61/64** chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức hiện có.

Quy định viên chức mỗi chuyên ngành chỉ học 01 chương trình bồi dưỡng (không chia theo hạng chức danh nghề nghiệp như đối với công chức). Đồng thời, bổ sung quy định trường hợp viên chức có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật được sử dụng thay thế chứng chỉ chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tương ứng. Thực hiện quy định này sẽ cắt giảm được **89/145** chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có.

Quy định các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm bao gồm: chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (*cấp vụ, cấp sở, cấp huyện, cấp phòng*); chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ (*vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, vị trí việc*

làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung); chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã.

CBCCVVC tham gia học các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Công chức phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức trước khi được bổ nhiệm ngạch (chương trình này là bắt buộc trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức).

Bộ Nội vụ đã rà soát, đề xuất đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm trong việc xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng (bổ quy định phải thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ trước khi ban hành), bảo đảm đồng bộ với phân công, phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng CBCCVVC.

Các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng đối với viên chức chuyên ngành được giao quản lý. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành, quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với CBCCVVC và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý.

Bổ sung quy định chuyển tiếp để bảo đảm quyền lợi của CBCCVVC, cụ thể như sau: các cơ quan được giao xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý phải ban hành chương trình trước ngày 01 tháng 7 năm 2022. CBCCVVC có chứng chỉ hoàn thành các chương trình bồi dưỡng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP hoặc đã được bổ nhiệm vào chức vụ, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì không phải tham gia các chương trình bồi dưỡng tương ứng theo quy định của Nghị định này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” và “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Nhưng muốn có cán bộ tốt thì cơ quan lãnh đạo, quản lý “phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu”. Huấn luyện cán bộ phải làm thường xuyên để nâng cao trình độ giác ngộ, phương pháp tư tưởng, phẩm chất đạo đức và năng lực làm việc cho cán bộ: làm sao cho cán bộ, ngành nào phải rất thông thạo về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành ấy; làm sao cho bất cứ cán bộ nào cũng phải “vững về chính trị, giỏi về chuyên môn”; thực hành khẩu hiệu “làm việc gì học việc ấy”/.

6. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ)

Tham luận Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021 và phương hướng công tác năm 2022 – Một số kiến nghị, đề xuất

Ban Tôn giáo Chính phủ đồng tình và nhất trí cao với nội dung báo cáo Tổng kết công tác năm 2021 và dự kiến chương trình công tác năm 2022 của ngành Nội vụ. Ban Tôn giáo Chính phủ xin báo cáo và làm rõ thêm một số tình hình và kết quả công tác năm 2021 và chương trình công tác năm 2022 của ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

1. Về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021

Năm 2021, các hoạt động tôn giáo diễn ra cơ bản ổn định, thuần túy tôn giáo, tuân thủ pháp luật, theo đúng Hiến chương, Điều lệ, tôn chỉ mục đích của tổ chức tôn giáo đề ra; xu hướng hoạt động gắn bó, đồng hành cùng dân tộc ngày càng thể hiện rõ nét trong tất cả các tổ chức tôn giáo. Tính đến hết tháng 11/2021, Nhà nước ta đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với 26.594.624 tín đồ, chiếm trên 27% dân số cả nước, trong đó có 54.125 chức sắc, 135.561 chức việc; có 29.658 cơ sở thờ tự. So với năm 2020, số lượng tín đồ tăng 57.491 người; chức sắc giảm 125 người; chức việc giảm 2.028 người (do một số địa phương xác định lại số chức việc theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo); cơ sở thờ tự tăng 358 cơ sở.

Các tổ chức tôn giáo tích cực vận động chức sắc, tín đồ tham gia công tác phòng, chống dịch Covid-19 với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với đất nước, với nhân dân. Khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Ban Tôn giáo Chính phủ đã chủ động tham mưu với lãnh đạo Bộ Nội vụ hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của chính quyền các địa phương; thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình và các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành quy định về phòng, chống dịch của chức sắc, tín đồ. Các tổ chức tôn giáo đã hoãn, hủy, tạm dừng nhiều hoạt động tôn giáo tập trung đông tín đồ tại cơ sở thờ tự, chuyển sang hình thức trực tuyến để đáp ứng nhu cầu của tín ngưỡng của tín đồ và đảm bảo quy định phòng dịch; hướng dẫn chức sắc, tín đồ nâng cao tinh thần cảnh giác, không tin, không nghe, không chia sẻ các thông tin tiêu cực, không đúng về dịch bệnh trên mạng xã hội; chủ động phát hiện và lên tiếng đấu tranh, phản bác các hoạt động lợi dụng tình hình dịch bệnh để chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc và các hành vi lợi dụng tình hình dịch bệnh để tuyên truyền mê tín dị đoan, gây hoang mang trong nhân dân.

Các tổ chức tôn giáo đã phát huy truyền thống tốt đẹp gắn bó, đồng hành cùng dân tộc; tích cực đóng góp các nguồn lực và chung tay với các cấp chính quyền trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, góp phần cùng toàn dân và cả hệ thống chính trị từng bước kiểm soát, ngăn chặn và đẩy lùi dịch bệnh. Một số đóng góp tiêu biểu của các tôn giáo

như: **(1)** Cử trên 3.000 tình nguyện viên tăng cường đến các bệnh viện dã chiến, các trung tâm cách ly y tế tập trung, các trung tâm điều trị Covid-19 để tham gia hỗ trợ cho các lực lượng tuyến đầu chống dịch và tiếp thêm sức mạnh cho các bệnh nhân Covid-19 vượt qua bệnh tật; **(2)** ủng hộ hàng chục tỉ đồng cho Quỹ vaccine phòng Covid-19 của Chính phủ và hàng trăm tỉ đồng cho Quỹ phòng, chống Covid-19; **(3)** ủng hộ tiền mặt và trao tặng 24 xe cứu thương, nhiều trang thiết bị, vật tư y tế cho các bệnh viện dã chiến, các vùng dịch với trị giá hàng chục tỉ đồng; **(4)** hỗ trợ hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho các vùng dịch, các “Siêu thị 0 đồng”, “Gian hàng 0 đồng”, “ATM gạo”, “Bếp yêu thương”... cùng hàng triệu suất ăn miễn phí cho người dân có hoàn cảnh khó khăn, không phân biệt có tôn giáo hay không có tôn giáo, với tổng trị giá hàng nghìn tỉ đồng; **(5)** chủ động đăng ký với các cấp chính quyền sử dụng hàng chục cơ sở tôn giáo làm bệnh viện dã chiến điều trị Covid-19, làm nơi cách ly y tế tập trung và tổ chức các hoạt động phòng, chống dịch; **(6)** tổ chức thu mua nông sản cho bà con nông dân tại các vùng dịch để chia sẻ, giảm bớt những khó khăn của người dân. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo còn tham gia ủng hộ nhiều nước trong công tác phòng, chống dịch, góp phần thúc đẩy ngoại giao nhân dân, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ban Tôn giáo Chính phủ chủ động tham mưu với lãnh đạo Bộ Nội vụ triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong các tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo tích cực vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tham gia vào công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị các cấp. Đại đa số chức sắc, tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 với ý thức và tinh thần trách nhiệm cao; bày tỏ tin tưởng vào sự thành công của cuộc bầu cử; các kênh truyền thông của Giáo hội các tổ chức tôn giáo tích cực tuyên truyền và đưa tin, hình ảnh các tôn giáo tham gia bầu cử góp phần tạo hiệu ứng tích cực; đồng thời, phản bác lại các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động và số chức sắc tôn giáo cực đoan. Kết quả, đã có **6.240** chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 (trong đó, có **05** vị chức sắc trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV; **88** chức sắc, chức việc và **35** tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh; **225** chức sắc, chức việc, nhà tu hành và **246** tín đồ trúng cử đại biểu HĐND cấp huyện; **646** chức sắc, chức việc, nhà tu hành và trên **5.000** tín đồ trúng cử đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026). Đây chính là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các tôn giáo và góp phần củng cố mối quan hệ giữa chính quyền với tổ chức giáo hội các tôn giáo.

Các tổ chức tôn giáo tích cực hưởng ứng, thực hiện chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ về việc treo cờ Tổ quốc tại các cơ sở tôn giáo trong các dịp lễ Tết, các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng của đất nước, các sự kiện trọng đại của các tổ chức tôn giáo. Qua đó, đã thể

hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm công dân của chức sắc, chức việc các tôn giáo và đồng bào có đạo đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua công tác vận động, tuyên truyền của các cấp chính quyền, đa số chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo đã đồng tình, ủng hộ chủ trương này, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, hiệu ứng tích cực trong nhân dân; việc treo cờ Tổ quốc đảm bảo trang trọng, thiêng liêng và trở thành việc làm thường xuyên, tự giác trong các dịp lễ, Tết cổ truyền của dân tộc, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của địa phương và các sự kiện trọng đại của các tổ chức tôn giáo. Cho đến nay, hầu hết các cơ sở tôn giáo đã thực hiện việc treo cờ Tổ quốc, trong đó có nhiều địa phương có trên 90% số cơ sở tôn giáo treo cờ Tổ quốc trong các dịp lễ Quốc Khánh (02/9), Tết Cổ truyền của dân tộc và các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng của đất nước.

Bên cạnh những mặt tích cực, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo vẫn nổi lên một số vấn đề đáng chú ý, như: **(1)** Các thế lực thù địch, phản động và số chức sắc cực đoan trong các tôn giáo tiếp tục lợi dụng tôn giáo hoạt động chống Đảng, Nhà nước. **(2)** Có 43 cơ sở tôn giáo, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung tại 16 tỉnh, thành phố không thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định của chính quyền địa phương. **(3)** Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện nhà, đất liên quan đến tôn giáo; hoạt động lấn chiếm, chuyển nhượng, hiến tặng trái phép đất đai liên quan đến tôn giáo tiếp tục xảy ra nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Nhiều tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc vẫn tiếp tục có đơn thư khiếu kiện “đòi lại” một số cơ sở vật chất có nguồn gốc liên quan tôn giáo, gây phức tạp về an ninh, trật tự. **(4)** Tình hình mâu thuẫn nội bộ, tranh giành quyền lợi, quyền lực trong lãnh đạo của một số tổ chức tôn giáo vẫn diễn ra nhưng chưa được giải quyết, ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tác động tiêu cực đến đời sống tôn giáo của chức sắc, tín đồ. **(5)** Các nhóm, phái tôn giáo chưa được công nhận, các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo” lợi dụng diễn biến tình hình dịch Covid-19 để đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo người tham gia, tuyên truyền mê tín dị đoan, gây hoang mang trong nhân dân. **(7)** Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo tại các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự.

2. Kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021

Ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo Bộ Nội vụ, đoàn kết, thống nhất, kỷ cương, kỷ luật hành chính được thực hiện nghiêm túc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Nổi bật là:

- Ban Tôn giáo Chính phủ đã chủ động tham mưu với Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Nội vụ xây dựng gần 20 báo cáo gửi lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ đề xuất các chủ trương công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời đề xuất xử lý đối với tình hình phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo mới phát sinh, trong đó có một số nội dung lớn như: **(1)** báo cáo Ban Bí thư đề xuất về việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; **(2)** trình Ban Bí thư đề xuất về việc Tổng kết 30 năm thực hiện

Thông báo số 34-TB/TW về chủ trương, công tác đối với đạo Cao Đài; **(3)** báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 08-KL/TW, ngày 02/8/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về xây dựng cốt cán trong tôn giáo; **(4)** góp ý dự thảo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện về đất đai liên quan đến tôn giáo theo đề nghị của Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ; **(5)** trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; **(6)** về tình hình, kết quả hướng dẫn, vận động các tổ chức tôn giáo tham gia phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; **(7)** tình hình, kết quả triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong các tôn giáo; **(8)** báo cáo Ban Kinh tế Trung ương về kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; **(9)** đề xuất Thủ tướng Chính phủ các nội dung hướng dẫn, giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội...

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch 03 năm thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và thành lập 10 đoàn công tác đi thực tế tại 10 tỉnh, thành phố triển khai các nội dung liên quan đến sơ kết Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức hội thảo với chức sắc đại diện một số tổ chức tôn giáo. Tham mưu ban hành Chương trình hành động của Ngành Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt, thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg, ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã triển khai biên soạn và ban hành bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng, sản xuất các ấn phẩm truyền thông về những thành tựu trong thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tôn giáo, đóng góp của các tôn giáo trong đời sống xã hội.

Ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và các sở, ban, ngành liên quan kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động cốt cán, chức sắc, chức việc các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; đấu tranh, phản bác một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc; xây dựng

các báo cáo Sơ kết, Tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tham mưu ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu các cấp về công tác tôn giáo để triển khai thực hiện tại địa phương.

- *Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường, đẩy mạnh và đổi mới với nhiều hình thức, nội dung phong phú.* Ban Tôn giáo Chính phủ còn tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong các tôn giáo; tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ chức tôn giáo về các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân góp phần nâng cao ý thức tự giác của chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tổ chức tôn giáo trong thực hiện công tác bầu cử.

Trong năm 2021, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người nước ngoài đang hoạt động tôn giáo tại Việt Nam; xây dựng Tờ gấp phục vụ cho công tác tuyên truyền; tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho 350 người chuyên hoạt động tín ngưỡng và phối hợp với các địa phương tổ chức 04 lớp bồi dưỡng kiến thức, pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo, chức sắc, tín đồ các tôn giáo. Ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương cũng đã tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn; xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đảng các cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tham mưu tổ chức 98 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho 8.808 cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị; 536 hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 62.376 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo tại địa phương. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo còn được tổ chức lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chi bộ, các hoạt động hội họp, sinh hoạt của các tổ dân phố, các khu dân cư tại các địa phương.

- *Công tác thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều đổi mới, sáng tạo.* Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 nhưng ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã có nhiều đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý nhà nước; đã chủ động thiết lập kênh liên lạc online với lãnh đạo các tổ chức tôn giáo để trao đổi và hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thực hiện các hoạt động, sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật; chủ động hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các tỉnh, thành phố và các tổ chức tôn giáo triển khai thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tập trung giải quyết các kiến nghị, nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, đặc biệt là trong vấn đề về đất đai, xây dựng... theo phân cấp ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu lãnh đạo Bộ Nội vụ và chủ động ban hành 15 văn bản hướng dẫn các tổ chức tôn giáo triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của chính quyền các địa phương; vận động các tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực tham gia đóng góp các nguồn lực và chung tay với các cấp chính quyền trong công tác phòng, chống dịch. Các văn bản và hướng dẫn trên đã được các tổ chức tôn giáo và đông đảo chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo hưởng ứng.

Ngành quản lý nhà nước về tôn giáo đã tăng cường nắm tình hình, chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm giải quyết, xử lý các kiến nghị, nhu cầu chính đáng của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, xử lý các vi phạm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để ổn định tình hình tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo xây dựng Hiến chương, Điều lệ và thực hiện các thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo; hướng dẫn thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cơ sở thờ tự tôn giáo, qua đó, đã tạo được sự tin tưởng của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương... Trong năm 2021, ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương đã chủ động hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về phong chức, phong phẩm cho **960** chức sắc các tôn giáo; bổ nhiệm **4.228** chức việc và tiếp nhận thông báo tuyên chuyển đối với **1.012** chức việc, nhà tu hành các tôn giáo; đã tham gia thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép xây dựng **220** cơ sở thờ tự tôn giáo và cấp phép sửa chữa cho **223** cơ sở thờ tự tôn giáo...

- *Công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc và người có uy tín trong các tôn giáo được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả*, với nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng, góp phần tăng cường quan hệ gắn bó giữa các tổ chức tôn giáo với các cấp chính quyền trên tinh thần đối thoại thẳng thắn, cởi mở. Thông qua công tác vận động, tranh thủ, đa số chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo đã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động, sinh hoạt tôn giáo; tích cực đóng góp các nguồn lực và tham gia cùng các cấp chính quyền trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 với tinh thần và trách nhiệm cao... Chủ động tham mưu với Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo Bộ Nội vụ có thư gửi chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo để ghi nhận, biểu dương những đóng góp tích cực, tiêu biểu của các tổ chức, cá nhân tôn giáo cho công tác phòng, chống dịch Covid-19; quan tâm thăm hỏi, động viên các chức sắc, chức việc tiêu biểu và đồng bào có đạo nhân dịp các lễ trọng của các tổ chức tôn giáo...

Ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương cũng đã chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp có những hình thức chúc mừng phù hợp đối với các lễ trọng của các tôn giáo, qua đó thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các tôn giáo. Đồng thời, đã hướng dẫn, hỗ trợ cho chức sắc các tôn giáo tổ chức các lễ trọng theo hình thức trực tuyến, vừa đảm bảo nghi thức tôn giáo,

vừa đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 và bà con giáo dân vẫn được bày tỏ đức tin, niềm tin tôn giáo của mình; qua đó, đã góp phần củng cố niềm tin của chức sắc, tín đồ các tôn giáo đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền. Các tổ chức tôn giáo ngày càng thực hiện theo phương châm hành đạo “gắn bó đồng hành cùng dân tộc”, tích cực chung tay chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, không phân biệt là người có tôn giáo hay không có tôn giáo, góp phần làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- *Công tác phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.* Ban Tôn giáo Chính phủ chủ động trao đổi thông tin với các bộ, ban ngành ở Trung ương và các địa phương liên quan để thống nhất tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về công tác tôn giáo; tham mưu lãnh đạo Bộ Nội vụ cử Tổ Công tác tăng cường lực lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa bàn các tỉnh, thành phố phía Nam; chủ động phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương liên quan hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo tham gia phòng, chống dịch Covid-19; thống nhất đánh giá tình hình và tham mưu, đề xuất Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan kịp thời giải quyết các vụ việc phức tạp về tranh chấp, khiếu kiện đất đai liên quan đến tôn giáo ngay tại cơ sở, không để thế lực xấu lợi dụng kích động gây phức tạp... Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ đã phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản số 89/TTg-V.I, ngày 15/11/2021 chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai việc xử lý, giải quyết các vụ, việc khiếu kiện phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các tỉnh, thành phố đã tăng cường nắm tình hình, phát hiện và phối hợp với các ban, ngành liên quan ở địa phương xử lý kịp thời các hoạt động vi phạm về mua, bán, chuyển nhượng đất đai trái pháp luật; việc chuyển nhượng, bổ nhiệm, phong chức, phong phẩm và các hoạt động đào tạo chức sắc tôn giáo không đúng quy định pháp luật; hoạt động của các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới “đạo lạ”, “tà đạo”, hoạt động trái thuần phong mỹ tục ảnh hưởng đời sống xã hội và các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành phối hợp giải quyết, hạn chế điểm nóng, ổn định sinh hoạt tôn giáo ở địa phương. Trong năm 2021, ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương đã phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, giải quyết đối với 165/203 vụ việc vi phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần ổn định tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trong cả nước.

- *Công tác đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả.* Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan tham gia đối thoại nhân quyền Việt - Mỹ lần thứ 25; chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an triển khai các mặt công tác đối với việc Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ (USCIRF) kiến nghị đưa Việt Nam trở lại “danh sách các nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo - CPC”; xây dựng lập luận về tự do tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác tuyên truyền đối ngoại; xây dựng nội dung Tờ

gấp Tuyên truyền thành tựu đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam; thường xuyên duy trì quan hệ với một số cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để cung cấp các thông tin chính thống, hướng dẫn truy cập website của Ban Tôn giáo Chính phủ phục vụ đấu tranh nhân quyền với các thế lực thù địch vu cáo Việt Nam về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Trong năm 2021, Bộ Ngoại giao Mỹ tiếp tục không đưa Việt Nam vào “danh sách các nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo – CPC” và “Danh sách các nước cần theo dõi đặc biệt – SWL”.

Mặc dù toàn ngành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: **(1)** Việc xử lý hoạt động vi phạm pháp luật của một số chức sắc tôn giáo cực đoan ở một số nơi còn hạn chế dẫn đến các đối tượng tiếp tục có hoạt động chống đối, nhất là trong các dịp diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước; **(2)** việc phát hiện và xử lý hoạt động vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng liên quan đến tôn giáo chưa được kịp thời; **(3)** tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tôn giáo và mâu thuẫn nội bộ tổ chức tôn giáo tiềm ẩn nhiều phức tạp về an ninh, trật tự nhưng chưa được quan tâm giải quyết dứt điểm; **(4)** công tác thống kê số liệu tín ngưỡng, tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo (số liệu thống kê chưa thống nhất giữa các ban, bộ, ngành)...

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là: **(1)** Pháp luật liên quan đến tôn giáo còn bất cập, thiếu đồng bộ; **(2)** Tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở một số địa phương thiếu ổn định, dẫn đến tình trạng một bộ phận công chức không yên tâm công tác, thiếu tâm huyết với nghề; **(3)** Một số chức sắc tôn giáo do nhận thức chưa đầy đủ, hoặc do lợi ích cá nhân, hoặc bị các đối tượng thiếu thiện chí kích động đã cố tình không tuân thủ quy định của pháp luật, nhất là các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng liên quan đến tôn giáo; **(4)** Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp gặp nhiều khó khăn; năng lực nghiệp vụ quản lý nhà nước và khả năng dự báo tình hình về tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận công chức làm công tác tôn giáo còn hạn chế; **(5)** một số cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là ở cơ sở chưa quan tâm, chú trọng đến công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, dẫn đến chậm nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động của các tín ngưỡng, tôn giáo và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động và sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; **(6)** tình hình cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo tại một số địa phương có sự thay đổi sau Đại hội đảng các cấp, ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

3. Phương hướng công tác năm 2022

Trong năm 2022, nhiều tổ chức tôn giáo sẽ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ theo quy định của Hiến chương, Điều lệ như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội Phật giáo cấp tỉnh và Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX (nhiệm kỳ 2022 - 2027); Đại hội đồng nhiệm kỳ của các Hội thánh Tin lành; Đại hội lần thứ XV của Hội đồng Giám mục Việt Nam; Đại hội của các Hội thánh Cao Đài và các tổ chức tôn giáo khác... Trong khi đó, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp

sẽ tác động rất lớn đến việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức tôn giáo. Các hiện tượng tôn giáo mới, “tà đạo”, “đạo lạ” tiếp tục lợi dụng để tiến hành các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo người tham gia, gây phức tạp về an ninh, trật tự ...

Trước tình hình trên, trong năm 2022, ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, tham mưu triển khai Chương trình hành động của Ngành Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo Bộ Nội vụ.

Hai là, tiếp tục triển khai thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ sau sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Tham gia góp ý trong sửa đổi, bổ sung một số quy định trong các luật chuyên ngành liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo (theo chương trình của Quốc hội) nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy các tổ chức tôn giáo có thể mạnh, tiềm năng tham gia, tổ chức các hoạt động xã hội, đóng góp nguồn lực cho xây dựng và phát triển đất nước.

Ba là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức Đại hội, Đại hội đồng nhiệm kỳ, các hội nghị thường niên và các hoạt động tôn giáo lớn diễn ra trong năm 2022 theo quy định của pháp luật. Tiếp tục duy trì cơ chế làm việc định kỳ giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Ban Thường vụ Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Lãnh đạo một số tổ chức Tin Lành, Cao Đài... Chủ động triển khai các biện pháp, công tác đối với đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức tôn giáo; triển khai Kế hoạch công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng năm 2022.

Bốn là, tiếp tục tăng cường công tác vận động, tranh thủ tạo sự đồng thuận, cởi mở với chức sắc tôn giáo; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; về các vụ việc vi phạm pháp luật của chức sắc cực đoan để giáo hội, tín đồ và nhân dân hiểu rõ và đồng thuận với chính quyền, hạn chế sự chi phối của các chức sắc cực đoan đối với quần chúng tín đồ. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách để phát huy nguồn lực của các tổ chức tôn giáo trong việc tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa về y tế, giáo dục, giáo dục dạy nghề, từ thiện xã hội, bảo trợ xã hội...

Năm là, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo; tập trung rà soát, xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, nổi cộm về đất đai liên quan đến tôn giáo, nhất là các vụ việc đã có chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Có kế hoạch, biện pháp xử lý một số vụ việc, đối tượng cực đoan trong tôn giáo để đảm bảo tính rắn đẽ, tính

tuân thủ, chấp hành pháp luật; đồng thời, khích lệ xu hướng tích cực, tiến bộ trong các tôn giáo; quản lý chặt chẽ các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới có tính cực đoan, không để hình thành tổ chức hoạt động trái pháp luật, gây bức xúc trong xã hội. Thống nhất đánh giá, xử lý thông tin, giải quyết, hiệu quả các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; chủ động cung cấp thông tin tuyên truyền chính sách, pháp luật về tôn giáo.

Sáu là, đẩy mạnh công tác đối ngoại về tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn về tôn giáo quốc tế và khu vực; chủ động thông tin về tình hình tôn giáo tại Việt Nam để cộng đồng quốc tế hiểu và ủng hộ Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại. Tiếp tục hỗ trợ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; giúp đỡ, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan chủ động xây dựng lập luận phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và các hoạt động chống phá Việt Nam về lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

Bảy là, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và việc ứng dụng công nghệ thông tin theo tinh thần xây dựng Chính phủ điện tử, chính phủ số để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong các tổ chức tôn giáo, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên cổng dịch vụ công Quốc gia đáp ứng xu thế hiện đại hóa hiện nay. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra chuyên ngành và tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo kết hợp công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại các tỉnh, thành phố; chủ động triển khai công tác tiếp công dân và xử lý, giải quyết theo thẩm quyền các vụ việc liên quan.

Tám là, tăng cường nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn để cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định và ban hành chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, trọng tâm là các vấn đề nóng, cấp thiết đang đặt ra trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án, Dự án theo Chương trình, Kế hoạch đã được phê duyệt; hoàn thiện và triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị; Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2022, Ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo xin kiến nghị, đề xuất với Chính phủ và cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố như sau:

4.1. Đối với Thủ tướng Chính phủ

- Quan tâm củng cố tổ chức bộ máy của ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng ổn định để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo các bộ, ban, ngành và địa phương tiếp phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ triển khai công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến tôn giáo để tạo sự thống nhất, đồng bộ và phát huy nguồn lực của các tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đất đai có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo và nghiên cứu, xem xét ban hành quy định về tiêu chí để xác định hạn mức xây dựng cơ sở tín ngưỡng và giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc xây dựng cơ sở tôn giáo, làm Trụ sở của tổ chức tôn giáo và làm cơ sở đào tạo tôn giáo trong thời gian tới. Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc các cơ sở đã được UBND các tỉnh, thành phố đưa vào danh kiểm kê.

- Chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ để tham mưu với Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

- Chấp thuận giao Tổng cục thống kê chủ trì, phối hợp với Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) tiến hành tổng điều tra về tín ngưỡng, tôn giáo để phục vụ tham mưu, hoạch định, ban hành chính sách, pháp luật và phục vụ công tác đối ngoại.

- Đề xuất Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho kéo dài Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo theo Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 9/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ để triển khai Đề án “Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về tín ngưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2021 - 2025”.

4.2. Đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; quản lý chặt chẽ các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới có tính cực đoan, không để hình thành tổ chức hoạt động trái pháp luật, gây bức xúc trong xã hội; chủ động phát hiện và ngăn chặn các hoạt động lệch chuẩn tâm linh trục lợi tâm linh gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Thường xuyên tiếp xúc, vận động chức sắc, chức việc tôn giáo; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo đăng ký và tổ chức các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc.

- Quan tâm củng cố tổ chức bộ máy và giao chỉ tiêu, biên chế, bố trí điều kiện, phương tiện làm việc để Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) có đủ điều kiện về nguồn lực (nhân lực và các điều kiện đảm bảo) thực hiện nhiệm vụ. Trước mắt, đề nghị giữ nguyên mô hình tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương như hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) và các bộ, ngành chức năng xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo (nhất là các vụ, việc đã có kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 89/TTg-V.I ngày 15/11/2021, đảm bảo ổn định tình hình, không để phát sinh phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”; triển khai các mặt công tác đối với đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức tôn giáo; xử lý kịp thời, nghiêm minh các đối tượng phản động, chức sắc tôn giáo cực đoan có hành vi vi phạm pháp luật./.

7. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)

Tham luận về cải cách thủ tục hành chính trong công tác Thi đua – Khen thưởng

Trong năm 2021, bên cạnh việc phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, có giai đoạn dài phải điều chỉnh, bố trí công chức, viên chức và người lao động cơ quan làm việc giãn cách trong thời gian thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các quy định của UBND Thành phố Hà Nội về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cũng như những khó khăn do phải đi thuê địa điểm làm việc để thực hiện Dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được Bộ trưởng Bộ Nội vụ và cấp có thẩm quyền giao đảm bảo chất lượng và tiến độ. Chú trọng tham mưu thực hiện các nhiệm vụ xây dựng thể chế, trọng tâm là hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trình Quốc hội; Xây dựng, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16/7/2021 phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2021 và Kế hoạch 05 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tham mưu Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid -19”, trình Phó Chủ tịch nước ban hành Kế hoạch số 16 ngày 31/8/2021 triển khai tổ chức thực hiện Chỉ thị 19/CT-TTg; kế hoạch và hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua đặc biệt trên. Xây dựng, trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tổng kết công tác khen thưởng thành tích kháng chiến; trình Bộ trưởng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025... Thực hiện tốt vai trò cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương: Chuẩn bị tốt nội dung, điều kiện tổ chức 02 phiên họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương sơ kết, đánh giá công tác của Hội đồng và các phiên họp của Thường trực Hội đồng.

Công tác thẩm định hồ sơ trình khen thưởng kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, của các bộ, ngành, địa phương; đặc biệt là công tác thẩm định, trình khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Công tác văn phòng, tổ chức cán bộ, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn, ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính được thực hiện đảm bảo phục vụ hoạt động của cơ quan; vừa qua đã thực hiện luân chuyển, điều động 04 đồng chí lãnh đạo Vụ và đang thực hiện chuyển đổi nhiệm vụ cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Tập trung triển khai dự án Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Kính thưa các đồng chí!

Bên cạnh những kết quả nổi bật đã thực hiện trong năm 2021, công tác thi đua, khen thưởng còn một số tồn tại, hạn chế, trong đó có yếu tố chủ quan như chất

lượng thì quy định hiện hành về thủ tục hành chính trong khen thưởng đã làm ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhất là trong công tác thẩm định hồ sơ, trình khen thưởng cấp nhà nước, cụ thể như:

- Theo quy định khen thưởng đối ngoại, thì cơ quan thẩm định phải xin ý kiến của 03 cơ quan (Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ban Đối ngoại Trung ương), sau đó trình xin chủ trương của Ban Bí thư, Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định. Đối với khen thưởng thành tích phát triển kinh tế - xã hội cho tập thể trực thuộc bộ, tỉnh và tập thể cấp bộ, cấp tỉnh, khen cho cá nhân người đứng đầu cũng phải xin ý kiến của các cơ quan liên quan: Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Bộ quản lý ngành đối với tập thể thuộc UBND cấp tỉnh và người đứng đầu hoặc ý kiến hiệp ý của địa phương đối với đơn vị đứng chân trên địa bàn. Do vậy, quá trình thẩm định, trình khen thưởng phụ thuộc vào thời gian cho ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp các cơ quan liên quan chưa đồng thuận, phải tiếp tục báo cáo giải trình của cấp trình khen thì thời gian sẽ kéo dài. Trong khi đó, pháp luật hiện hành chỉ quy định thời gian xem xét, thẩm định 20 ngày, chưa có quy định về thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin, theo quy định khi gửi hồ sơ khen thưởng trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban TĐKT Trung ương), các ban, bộ, ngành, địa phương đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ đến Ban TĐKT Trung ương, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước; Ban TĐKT Trung ương gửi hồ sơ khen thưởng bằng văn bản và bản điện tử của toàn bộ hồ sơ khen thưởng đến Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay các ban, bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện đầy đủ việc gửi bản điện tử của toàn bộ hồ sơ khen thưởng đến Ban do nhiều lý do khác nhau như điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, yếu tố con người. Do vậy, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thẩm định, trình khen thưởng.

Kính thưa các đồng chí!

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, năm 2022, Ban TĐKT Trung ương xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

Theo Nghị quyết Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Quốc hội sẽ thông qua Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Ngay sau khi Luật được ban hành, Ban TĐKT Trung ương sẽ tham mưu với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét, ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật; trong đó quy định cụ thể các thủ tục hành chính theo đúng quan điểm, mục tiêu xây dựng Luật. Với những cải cách rất mạnh mẽ như:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và 02 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xuống chỉ còn 01 bộ (bản chính) được gửi về cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương để thẩm định và lưu trữ; đối với số lượng

hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định.

- Giảm bớt thành phần trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do người đứng đầu cấp trình khen thưởng phát hiện khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại.

- Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo hướng đơn giản hóa thủ tục do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện thông qua các phong trào thi đua; khen thưởng đột xuất, khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước để đảm bảo khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, công trạng rõ ràng và phục vụ nhiệm vụ chính trị đối ngoại.

- Bổ sung quy định “ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng” là một nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng để thể chế hóa chủ trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.

Tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định công bố các thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng; đồng thời, thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định.

Như vậy, thông qua đẩy mạnh cải cách thể chế trong thi đua, khen thưởng, các thủ tục hành chính cũng được cải cách, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành và quá trình tổ chức thực hiện Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tại Hội nghị, xin trân trọng đề nghị lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm sâu sát hơn đối với công tác thi đua, khen thưởng và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng; nghiên cứu kỹ để thực hiện đúng các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng. Trong trường hợp đề nghị khen thưởng nhân kỷ niệm hoặc sự kiện chính trị quan trọng của bộ, ngành, địa phương cần được triển khai sớm và dành thời gian để cơ quan thẩm định hoàn tất các thủ tục (như đã nêu trên) để đảm bảo công tác khen thưởng kịp thời, phát huy tác dụng động viên, cổ vũ tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thời gian qua, do tình hình dịch bệnh COVID-19 về công tác đề nghị khen thưởng rất chậm chạp: Tờ trình, hồ sơ gửi rất chậm, không đúng quy định về thời gian; hồ sơ không đầy đủ nhưng vẫn gửi... cần phải thực hiện đảm bảo quy định.

Chuẩn bị đón chào mừng năm mới 2022! Xin kính chúc đồng chí Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Bộ trưởng, các đồng chí Thứ trưởng và các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc!

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

8. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)

Tham luận về “Chuyển đổi số trong lĩnh vực Lưu trữ - Nhìn từ khía cạnh Văn hóa số”

1. Tổng quan

- Xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số và Nền kinh tế số là hướng đi của hầu hết các nước phát triển trên thế giới trong những năm vừa qua.

- Trong bối cảnh đó, khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức và định hướng sự mô hình hoạt động của Chính phủ, Nền kinh tế và toàn xã hội.

- Công nghệ thông tin và truyền thông đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội, làm thay đổi cách thức ghi tin (tạo lập), truyền đạt, trao đổi và lưu trữ thông tin của toàn xã hội, làm thay đổi cách thức giao tiếp giữa người với người trong xã hội; là cơ sở cho sự chuyển đổi văn hóa, hướng tới Văn hóa số.

2. Văn hóa số và tài liệu lưu trữ số

a) Khái niệm:

- Văn hóa số là một khái niệm mô tả cách công nghệ và internet đang định hình cách thức tương tác giữa con người trong xã hội. Đó là cách con người cư xử, suy nghĩ và giao tiếp trong xã hội, là sản phẩm của sự phát triển công nghệ và nhân mạnh bởi mối quan hệ giữa con người và công nghệ.

Đó là cách con người cư xử, suy nghĩ và giao tiếp trong xã hội, là sản phẩm của sự phát triển công nghệ và nhân mạnh bởi mối quan hệ giữa con người và công nghệ và dần dần tạo nên các quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức của con người trong xã hội.

- Văn hóa số có thể hiểu là các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số (Cẩm nang Chuyển đổi số, Bộ TTTT).

- Tài liệu lưu trữ số là một loại di sản văn hóa số (digital cultural heritage), chứa đựng ba ý nghĩa quan trọng: (1) là tài nguyên thông tin dạng số có giá trị lâu dài, (2) được xác lập quyền sở hữu trong không gian số, (3) là sự kết hợp chặt chẽ giữa di sản văn hóa và công nghệ số.

- Tài liệu lưu trữ số đòi hỏi sự sáng tạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để thực hiện chuyển đổi số cách thức quản lý, lưu trữ và khai thác.

b) Tác động của văn hóa số:

- Phá vỡ hệ thống phân cấp trong quản lý truyền thống và thúc đẩy tốc độ làm việc của con người, giúp người lãnh đạo đưa ra quyết định nhanh hơn, chuẩn hơn (trên cơ sở phân tích dữ liệu).

- Thúc đẩy chuyển đổi số - văn hóa cho phép các tổ chức, cá nhân chủ động giải quyết công việc thông qua môi trường số, đồng thời nâng cao khả năng học hỏi của lực lượng lao động trong toàn xã hội.

- Việc trao đổi và xử lý thông tin qua môi trường số sẽ thúc đẩy được ý kiến, quan điểm và sự sáng tạo của mỗi cá nhân trong tổ chức và xã hội.

3. Văn hóa số và sự chuyển đổi trong lĩnh vực lưu trữ

a) Chuyển đổi tư duy và cách thức quản lý thông tin lưu trữ

- Tư duy quản lý dữ liệu (thông tin, siêu liên kết thông tin) thay thế tư duy quản lý tài liệu (vật mang tin)

- Quản lý dữ liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo nguyên tắc tập trung thống nhất để bảo đảm an toàn thông tin và hiệu quả trong khai thác, sử dụng phạm vi toàn quốc và quốc tế.

- Quản lý tập trung thống nhất về mặt xử lý nghiệp vụ lưu trữ số (Nền tảng số)

- Xác định Hạ tầng công nghệ và Nền tảng hệ thống phần mềm đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực lưu trữ

- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

b) Chuyển đổi cách thức xác thực thông tin lưu trữ

- Nhu cầu xác thực số của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong tương lai với phạm vi trong nước và quốc tế là tất yếu

- Tài liệu lưu trữ là chứng cứ quan trọng về lịch sử quốc gia, dân tộc, là bằng chứng về quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đối với tài liệu truyền thống, cơ quan lưu trữ đang đóng vai trò xác thực bằng cách cấp bản chứng thực lưu trữ (trong đó chỉ rõ tài liệu được sao chụp từ hồ sơ nào, hộp nào, phong nào trong kho lưu trữ).

- Xác thực tài liệu lưu trữ số (bản gốc có ký số) cần nghiên cứu, tìm tòi giải pháp công nghệ và đầu tư đầy đủ về hạ tầng công nghệ, thiết bị và giải pháp phần mềm lâu dài.

- Xét dưới góc độ văn hóa và xã hội, xác thực số nói chung và xác thực tài liệu lưu trữ số nói riêng là nhu cầu thiết yếu của công dân (công dân số) trong tương lai.

- Xác thực số đối với tài liệu lưu trữ có giá trị chứng cứ liên quan đến bảo vệ chủ quyền, bảo vệ danh dự của quốc gia, dân tộc, tổ chức, cá nhân yêu cầu bảo đảm tính khoa học và pháp lý phạm vi trong nước và quốc tế (xác thực số xuyên quốc gia)

- Chính vì vậy, đầu tư xây dựng Hệ thống xác thực số quốc gia và Hệ thống xác thực tài liệu lưu trữ số quốc gia là cần thiết và cấp bách.

c) Chuyên đổi cách thức phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ

- Nhu cầu khai thác thông tin lưu trữ qua Internet và các phương tiện truyền thông xã hội trong thời gian tới là tất yếu.
- Cơ quan lưu trữ sẵn sàng và chủ động.
- Dữ liệu lưu trữ số cần sẵn sàng để chia sẻ và phục vụ kịp thời.
- Số hóa và chuyển đổi tài liệu lưu trữ quốc gia thành dữ liệu số (chuyển đổi dữ liệu mô tả tài liệu, số hóa tài liệu lưu trữ có tần xuất sử dụng cao) là yêu cầu cấp thiết để phục vụ nhu cầu thông tin cho lãnh đạo các cấp và người dân.
- Xây dựng Nền tảng và tạo dựng không gian số thực hiện phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phạm vi trong nước và quốc tế.
- Phát huy di sản văn hóa là tài liệu lưu trữ đối với mọi hoạt động của quốc gia, dân tộc, cơ quan, tổ chức, gia đình, dòng họ, cá nhân.

4. Đề xuất và kiến nghị

a) Đối với Chính phủ:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ lưu trữ số: Hệ thống quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ số của các cơ quan nhà nước (từ giai đoạn hiện hành đến giai đoạn chuyển giao vào lưu trữ lịch sử); Hệ thống xác thực tài liệu số quốc gia.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ số Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam là cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ khai thác, sử dụng trực tuyến.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ số.
- Đào tạo nguồn nhân lực văn thư - lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

b) Đối với các bộ, ngành, địa phương:

- Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của văn thư, lưu trữ số. Văn thư số là bước khởi đầu và quyết định sự thành công của Chính phủ số. Lưu trữ số là ghi lại bằng chứng về quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân... ghi lại Chứng cứ lịch sử gốc của quốc gia, dân tộc... trong không gian số.
- Triển khai các nhiệm vụ đã giao tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước (trong đó đã nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình, giải pháp xây dựng hệ thống lưu trữ số).

9. UBND thành phố Hà Nội

Tham luận về đổi mới hệ thống tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội

Trước hết, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thống nhất cao với dự thảo Báo cáo tổng kết kết quả năm 2021 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2022 của ngành Nội vụ do đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ vừa trình bày.

Được tham luận tại Hội nghị, thay mặt UBND thành phố Hà Nội, tôi xin được trình bày về Đổi mới hệ thống tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội, cụ thể:

I. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã mở ra nhiều thuận lợi cho các địa phương triển khai, trong đó có Hà Nội

Nghị quyết của Trung ương đã chỉ ra hàng loạt các vấn đề còn tồn tại, yếu kém về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập như: (1) Quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu còn theo đơn vị hành chính, chưa chú trọng quy hoạch theo ngành, lĩnh vực. (2) Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp còn chồng chéo, manh mún, phân tán, chồng chéo. (3) Cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức chưa hợp lý, chất lượng chưa cao, năng suất lao động thấp. (4) Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính còn hình thức. (5) Xã hội hoá lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn chậm. (6) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn bất cập. Nghị quyết cũng đã phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan; đồng thời đưa ra Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt và 08 nhóm giải pháp rõ ràng, nhất quán trong triển khai thực hiện.

II. Hà Nội đã triển khai có hiệu quả đổi mới hệ thống tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Thành phố chủ trương thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương và tập trung triển khai các giải pháp tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, kết quả cụ thể:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thông tin, tuyên truyền:

Thành phố thành lập Ban Chỉ đạo quản lý tổ chức bộ máy và biên chế do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy làm Trưởng ban, chỉ đạo rà soát toàn bộ đơn vị sự nghiệp công lập trong hệ thống chính trị Thành phố theo nguyên tắc chung thống nhất (khác với trước đây chỉ một số đơn vị thực hiện); Triển khai Hội nghị tập huấn và tổ chức tuyên truyền kịp thời. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thống nhất nhận thức và hành động, xác định việc đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập là quy luật tất yếu trong tình hình hiện nay.

2. Về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

Với sự vào cuộc quyết liệt, đến nay Hà Nội đã sắp xếp giảm 280/2.780 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 (tỷ lệ 10,1%); giảm 280 cấp trưởng, 560 cấp phó; giảm 840 người làm việc tại các vị trí việc làm dùng chung và vị trí việc làm chuyên môn cần tinh gọn; nhiều trụ sở sau sắp xếp được thu hồi và có phương án sử dụng hiệu quả hơn.

Thành phố đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện khoa học, đồng bộ, đúng quy định; sáng tạo trong quá trình thực hiện, như:

- Nhiều cách làm hay được Trung ương ghi nhận và cụ thể hóa tại Nghị quyết số 19-NQ/TW như: sáp nhập 03 đơn vị Trung tâm văn hóa, Trung tâm thể thao, Đài truyền thanh cấp huyện; sáp nhập 02 đơn vị Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện; sáp nhập 02 đơn vị Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện và giao UBND cấp huyện quản lý.

- Năm 2021, Hà Nội tiếp tục xem xét các nội dung sắp xếp đơn vị sự nghiệp có tính chất phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn như: sắp xếp 05 Ban QLDA ĐTXD cấp Thành phố sau 04 năm tổ chức lại từ 26 Ban QLDA; sắp xếp 21 trường cao đẳng, trung cấp; Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội thuộc Sở Tài nguyên môi trường có chi nhánh tại 30 QHTX và nhiều thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp; các trạm thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông gắn trên địa bàn cấp huyện. UBND Thành phố đã nghiên cứu xem xét kỹ lưỡng, thấu đáo bằng các chuyên đề riêng; báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy nghe và thảo luận toàn diện, chỉ đạo tạo đồng thuận cao, quan điểm chủ đạo của Thành phố đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện ở những nơi có hiệu quả.

Một số nội dung xác định tính cấp thiết như sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp nghề; sắp xếp các cơ sở bảo trợ xã hội, Hà Nội chủ động làm sớm và báo cáo xin ý kiến Bộ Lao động - TB&XH mà không chờ hướng dẫn.

3. Về quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thực hiện chỉ tiêu tinh giản, theo đó yêu cầu giảm 12.890 biên chế giai đoạn 2016-2021, mỗi năm giảm 3.692 biên chế/năm là một áp lực lớn với Thủ đô, tuy nhiên nhiều bằng nhiều giải pháp, Hà Nội đã hoàn thành chỉ tiêu.

Sau sắp xếp đơn vị sự nghiệp, Hà Nội đã nhanh chóng phê duyệt vị trí việc làm, chỉ đạo các đơn vị xây dựng quy trình giải quyết công việc. Nâng cao chất lượng đánh giá viên chức, Thành phố quy định thống nhất biểu mẫu và quy trình đánh giá tháng đối với viên chức trong cả hệ thống sau khi tổng kết đánh giá 03 năm thực hiện; kiên quyết giải quyết nghỉ tinh giản hoặc chấm dứt hợp đồng đối với viên chức không làm được việc, có phẩm chất và thái độ không phù hợp.

Thành phố cũng chỉ đạo có lộ trình giải quyết dứt điểm hợp đồng chuyên môn tại đơn vị sự nghiệp chưa tự chủ, công tác tuyển dụng được phân cấp triệt để nhằm tăng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập, chất lượng đội ngũ viên chức ngày một nâng lên.

4. Về đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập

Đến nay Hà Nội đã chuyển 199 đơn vị sự nghiệp sang tự chủ, giảm 19.980 biên chế hưởng lương ngân sách. Để thực hiện được, Hà Nội ban hành Kế hoạch nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021 cụ thể, có nguyên tắc xác định rõ ràng; thủ trưởng đơn vị nào không hoàn thành hoặc cố tình trì hoãn

để được hưởng cả 02 nguồn tài chính sẽ xem xét trách nhiệm hoặc thay thế, những đơn vị không hiệu quả kiên quyết sáp nhập để nâng cao quy mô, hiệu quả.

Qua đánh giá 199 đơn vị tự chủ, hiệu quả mang lại rõ nét: Tạo quyền chủ động cho các đơn vị trong việc quản lý chi tiêu tài chính, tăng cường phân cấp trong quản lý giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới; tạo điều kiện mở rộng, khai thác và phát triển nguồn thu, huy động các nguồn vốn trong xã hội để đầu tư, nâng cao hơn nữa chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Tăng thu nhập cho người lao động, khuyến khích, tạo động lực làm việc. Điển hình như khối các Bệnh viện Hà Nội như Bệnh viện Phụ Sản, Bệnh viện Xanh pôn, Bệnh viện Tim..., sau khi chuyển sang tự chủ, hiệu quả mang lại rất cao như: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phục vụ bệnh nhân. Nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, hiệu quả phục vụ của đội ngũ bác sỹ, nhân viên y tế. Thu nhập cán bộ công chức, viên chức tăng lên. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại tiên tiến, có thể triển khai điều trị nhiều loại bệnh khó mà trước đây phải sang nước ngoài mới chữa trị được.

Hà Nội cũng đặc biệt chú trọng khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kết quả đến năm 2021 toàn Thành phố có 581 đơn vị sự nghiệp giáo dục ngoài công lập (tỷ lệ 20,6%) với 32.958 giáo viên (chiếm tỷ lệ 26%).

5. Về nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập:

Thành phố chủ động tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên; cụ thể hóa quyền của các đơn vị về tuyển dụng (theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP), tổ chức bộ máy (theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP), vị trí việc làm (theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP) ngay tại Quyết định phân cấp ngành nội vụ. Việc phân cấp mạnh mẽ giúp giảm rõ rệt về thủ tục hành chính, thời gian giải quyết công việc, có điều kiện tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng kịp thời cho người dân và xã hội.

6. Về công tác kiểm tra, giám sát

Hà Nội thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá các đơn vị sau sắp xếp để thực hiện hiệu quả hơn: như các Ban Quản lý dự án, Ban Quản lý duy tu, các Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao, Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện, Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch Thành phố... Xác định nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp mới là mục tiêu hướng tới, việc sắp xếp tinh gọn bước đầu mới là biện pháp giảm cơ học, Thành phố tổ chức nhiều Đoàn kiểm tra chuyên đề sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; ngoài ra, công tác kiểm tra còn được lồng ghép trong các Đoàn kiểm tra cải cách hành chính, Đoàn Kiểm tra công vụ. Qua kiểm tra, tiếp tục phát huy những mặt đạt được, kịp thời khắc phục điều chỉnh các khiếm khuyết để làm tốt hơn nữa, các đơn vị sau thời gian ngắn tâm tư đã nhanh chóng ổn định và phát triển.

III. Vấn đề quyết định đến sự thành công của Hà Nội

1. Công tác thể chế chính sách những năm gần đây đã được thay đổi căn bản, Nghị quyết Trung ương chỉ đạo sâu sát, toàn diện. Chính phủ ban hành các Nghị

định triển khai kịp thời. Đặc biệt, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành đến 10 Nghị định lĩnh vực nội vụ, có hiệu lực trong Quý III-IV/2020; trực tiếp ban hành 11 Thông tư hướng dẫn. Trong năm 2021, các văn bản trả lời của Bộ Nội vụ đối với các kiến nghị của Hà Nội đều rất nhanh chóng, rõ quan điểm và dễ thực hiện; các tồn tại về chứng chỉ chức danh nghề nghiệp cơ bản được tháo gỡ.

2. Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị thành phố Hà Nội đã nhận thức đúng đắn, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ viên chức. Làm tốt công tác tuyên truyền từ Thành phố đến cơ sở, qua đó tạo sự đồng thuận để phát triển kinh tế xã hội, giảm chi ngân sách, nâng cao hiệu quả hoạt động. Thường xuyên, chủ động nắm bắt tình hình dư luận, tư tưởng đội ngũ, kịp thời tuyên truyền, giải quyết những dấu hiệu, biểu hiện phức tạp về tư tưởng.

3. Quy trình thực hiện đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập được công khai, dân chủ, minh bạch; thống nhất nguyên tắc thực hiện, các bước thực hiện theo lộ trình phù hợp, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

4. Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả sau sắp xếp, đảm bảo triển khai đúng Đề án và tinh thần của Ban Chỉ đạo Thành phố; bên cạnh kết quả đạt được chỉ ra những công việc cần quan tâm hoặc thực hiện tốt hơn.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị sớm có giải pháp giải quyết căn bản về biên chế viên chức giáo dục và ký hợp đồng vị trí việc làm viên chức giáo viên

1.1. Về biên chế giáo viên

Hà Nội có quy mô đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục lớn, hiện có 2.231 đơn vị sự nghiệp giáo dục/2.483 đơn vị sự nghiệp (tỷ lệ 90%) với 99.444 biên chế (chiếm 86% biên chế sự nghiệp Bộ Nội vụ giao năm 2021). Biên chế viên chức giáo viên theo định mức còn thiếu 7.134 chưa được bổ sung; nhu cầu tăng trường, tăng lớp, tăng biên chế do dân số và học sinh vẫn tăng theo tốc độ đô thị hóa; tự chủ lĩnh vực giáo dục khó khăn; đã và đang đặt ra bài toán hết sức khó khăn với Thủ đô trước yêu cầu đảm bảo đồng thời tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng giáo dục (đảm bảo có học sinh có giáo viên đứng lớp).

Để triển khai có hiệu quả việc tiếp tục tinh giản biên chế sự nghiệp tối thiểu 10% nhiệm kỳ 2021 - 2025, Hà Nội kính đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có giải pháp giải quyết kịp thời đối với các tồn tại lĩnh vực giáo dục, xác định rõ lại tỷ lệ định mức biên chế, chương trình học theo định mức mới, quan điểm về tự chủ đối với cơ sở giáo dục các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở để các địa phương có cơ sở thực hiện. Các chủ trương của Trung ương thì đã rất rõ, nhưng khi các cơ chế chính sách chưa được ban hành kịp thời mà vẫn giảm biên chế cơ học là chưa phù hợp với chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

1.2. Về ký hợp đồng theo Nghị quyết 102-NQ

Nghị quyết số 102/NQ-CP của Chính phủ cho phép đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên có thể ký hợp đồng từ nguồn thu sự nghiệp (mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng). Tuy nhiên thực tiễn nguồn thu của các trường mầm non, THCS là rất thấp, trường Tiểu học không thu học phí. Hà Nội có 1/3 tổng số trường công lập từ bậc học mầm non đến THCS thuộc UBND cấp huyện (703 trường) có tỷ lệ tự chủ dưới 10% (phân loại là đơn vị ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên), 7/30 quận, huyện không có trường công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Do vậy, việc triển khai trên thực tế còn rất nhiều bất cập, chưa tháo gỡ được triệt để.

Hà Nội kiến nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, điều chỉnh Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế theo hướng mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng, cho phép các quận, huyện, thị xã tự cân đối ngân sách chi trả cho HĐLĐ. Trong thời gian chưa có văn bản điều chỉnh, cho phép thành phố Hà Nội được tạm ký HĐLĐ đối với số giáo viên còn thiếu tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có mức tự đảm bảo chi thường xuyên dưới 10%, nguồn kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục của UBND quận, huyện, thị xã.

2. Về quản lý, kiểm soát khi giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Hiện nay, mô hình các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên còn một số tính chất đặc thù: (1) Tính chất tự chủ của đơn vị bảo đảm chi thường xuyên mới là tự chủ chi lương và kinh phí thường xuyên, vẫn thuộc đối tượng nhà nước quan tâm đầu tư. (2) Việc giao tự chủ tài chính có thời hạn, nhiều đơn vị đã tự chủ không còn khả năng chi trả lương do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 mà Nhà nước phải cấp bù, hỗ trợ ngân sách. (3) Chưa có cơ sở để UBND Thành phố ban hành hướng dẫn cụ thể về vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp do Bộ chuyên ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn. (4) Quan điểm về biên chế và quản lý, sử dụng viên chức tại đơn vị tự chủ còn nhiều ý kiến hiểu khác nhau về: chế độ viên chức có sự phân biệt trong cùng 01 đơn vị; vấn đề quản lý viên chức khi chuyển công tác, vấn đề bổ nhiệm, vấn đề tự chủ một thời gian không có khả năng tự chủ, vấn đề trách nhiệm quản lý nhà nước khi phân cấp mạnh.

Hà Nội kiến nghị Bộ Nội vụ, Bộ quản lý chuyên ngành nghiên cứu xây dựng khung pháp lý thống nhất để kiểm soát khi phân quyền cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, trước mắt Bộ quản lý chuyên ngành sớm ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

3. Đề nghị có giải pháp khả thi đối với việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự bảo đảm chi thường xuyên giai đoạn dịch bệnh Covid-19

Đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập, một số đơn vị sự nghiệp đã tự chủ chi thường xuyên đang gặp khó khăn về nguồn chi trả lương, những đơn vị dự kiến tự chủ theo kế hoạch năm

2021, 2022 phải điều chỉnh lùi lại các năm tiếp theo. Để thực hiện được đến năm 2025 có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ so với năm 2015, kiến nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ có giải pháp và hướng đi phù hợp trong việc nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập trong tình hình mới.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của thành phố Hà Nội, rất mong nhận được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ ngành để Hà Nội tiếp tục phát huy kết quả đạt được, thực hiện tốt các nhiệm vụ ngành Nội vụ giao giai đoạn tới./.

10. UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Tham luận về tổ chức triển khai thực hiện quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh

Kính thưa các đồng chí!

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị, trên cơ sở tinh gọn bộ máy gắn với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, từ lâu đã là một chủ trương quan trọng được Đảng, Nhà nước quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát nhằm không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, hướng đến đổi mới mạnh mẽ và linh hoạt hoạt động của chính quyền địa phương nói riêng. Từ đó, các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có thể được huy động tối đa, nhanh chóng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Cũng xuất phát từ yêu cầu phát triển đất nước và thực tiễn quản lý đô thị tại các thành phố có tốc độ đô thị hóa cao, dân cư tập trung đông, khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 được ban hành, chỉ trong 02 năm (2019 và 2020), trên cơ sở hồ sơ trình của Chính phủ (do Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì soạn thảo), Quốc hội đã lần lượt thông qua Nghị quyết về thí điểm tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể khẳng định, được triển khai thực hiện ngay tổ chức chính quyền đô thị là điều kiện rất thuận lợi cho sự phát triển nhanh, ổn định và bền vững của Thành phố. So với giai đoạn thí điểm trước đây, quy mô thực hiện có thu hẹp hơn (chỉ tập trung ở khu vực đô thị hóa cao) chính là bước đi thận trọng và phù hợp với tình hình mới. Khi đó, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân quận, phường được điều chỉnh hợp lý cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, phường. Cùng với việc tăng số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố hoạt động chuyên trách, giúp tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực, bộ máy chính quyền Thành phố dần được tổ chức tinh gọn hơn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn mà vẫn đảm bảo và phát huy được quyền làm chủ của Nhân dân.

Kính thưa các đồng chí!

Định hướng triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều mặt thuận lợi, xuất phát từ quy định của pháp luật đã dần phân định nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù của chính quyền đô thị có những điểm khác biệt với chính quyền nông thôn; từ quyết tâm chính trị và sự đồng lòng của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân Thành phố; từ cơ hội thực hiện thống nhất chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; từ đặc điểm phát triển đa dạng của Thành phố, vừa xây dựng đô thị thông minh, củng cố khu đô thị trung tâm hiện hữu, phát triển đô thị mới, đô thị vệ tinh, vừa quy hoạch, xây dựng, hướng đến đô thị hóa nông thôn ở các huyện ngoại thành.

Để biến chủ trương thành hành động, tháng 12 năm 2020, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Khóa XI đã xác định chủ đề năm 2021 của Thành phố là **“Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”**, vừa góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, vừa khẳng định một lần nữa quyết tâm chính trị, tầm quan trọng và mối liên hệ khăng khít - việc xây dựng thành công chính quyền đô thị sẽ góp phần thúc đẩy và cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố.

Trên cơ sở Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14²⁵, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện²⁶, theo đó, xác định nội dung từng công việc, phân công trách nhiệm cụ thể đối với cơ quan, tổ chức liên quan, tham mưu cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai hiệu quả. Đồng thời, Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 cũng được thành lập theo quy định²⁷.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, Thành phố tổ chức Hội nghị quán triệt những nội dung trọng tâm của Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đến lãnh đạo các Sở, ngành; cấp ủy đảng, lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Phòng Nội vụ các quận, thành phố Thủ Đức; Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường. Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tổ chức Hội nghị triển khai công tác cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư. Có thể nói, các hội nghị, văn bản chỉ đạo trên vừa là định hướng để các cơ quan, đơn vị căn cứ thực hiện, đảm bảo nội dung và tiến độ đề ra, vừa là cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là yêu cầu, cũng là động lực phấn đấu của mỗi cơ quan, đơn vị nói riêng, của Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

Kính thưa các đồng chí!

Trước tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố khóa X, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, huyện, xã, thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026 vẫn diễn ra thành công tốt đẹp, đúng luật, đúng tiến độ, dân chủ, an toàn và thực sự là ngày hội của toàn dân. Tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu tại Thành phố đạt 99,39% (nhiệm kỳ trước đạt 99,36%)²⁸. Thành phố bầu được 30 đại biểu Quốc hội, 94/95 đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (khuyết 01 đại biểu), 209/210 đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức và 05 huyện (khuyết 01 đại biểu), 1.822/1.837 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn (khuyết 15 đại biểu).

Tại kỳ họp lần thứ nhất, Hội đồng nhân dân Thành phố đã bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; 18 Ủy viên Ủy

²⁵ Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 07/4/2021

²⁶ Kế hoạch số 1297/KH-UBND ngày 27/4/2021

²⁷ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/6/2021, Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 (kiện toàn) của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định số 88-QĐ/TU ngày 29/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy.

²⁸ Thành phố có 3.090 Khu vực bỏ phiếu, không có Khu vực bỏ phiếu phải tiến hành bỏ phiếu lại, không có Khu vực bỏ phiếu bị hủy kết quả bầu cử. Cử tri đi bầu trật tự, thể hiện ý thức trách nhiệm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

ban nhân dân Thành phố; 89 Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân Thành phố; 649 Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân 16 quận.

Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, 16 quận đã bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường trực thuộc, đảm bảo công tác quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Thành phố cũng ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường²⁹. Thực hiện xét chuyển Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và công chức cấp xã ở phường được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 thành công chức hành chính làm việc tại phường đang công tác đối với 2.735 trường hợp. Bổ sung biên chế công chức đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận để thực hiện chính quyền đô thị đối với 3.735 trường hợp³⁰.

Về sắp xếp, bố trí nhân sự dôi dư, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Tổ Công tác, Tổ Giúp việc³¹ xây dựng và thực hiện “Đề án sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư khi tổ chức chính quyền đô thị, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức”³². Theo đó, số trường hợp thuộc diện cần sắp xếp do không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường là 291 trường hợp³³, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, phường đã khẩn trương xây dựng phương án sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Về tổ chức bộ máy, Thành phố đã chủ động triển khai sắp xếp số lượng cấp phó, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố³⁴; ban hành quy định về danh mục tên gọi và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận³⁵; Quy chế làm việc (mẫu) của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, quận,

²⁹ Công văn số 3587/UBND-VX ngày 29/10/2021.

³⁰ Căn cứ Kết luận số 151-KL/TU ngày 05/8/2021 của Thành ủy, Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 23/9/2021, theo đó, biên chế công chức bình quân làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là 15 người (số bình quân này được tính cho tổng số phường của mỗi quận, thành phố Thủ Đức).

³¹ Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 23/3/2021.

³² Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 16/7/2021

³³ Trong đó có 50 cán bộ chuyên trách Hội đồng nhân dân quận, 241 cán bộ chuyên trách Hội đồng nhân dân phường.

³⁴ Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kế hoạch về triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; xếp hạng các đơn vị thuộc khối cai nghiện ma túy; xếp hạng, xếp hạng lại Trung tâm Y tế quận, huyện không có giường bệnh trực thuộc Sở Y tế.

³⁵ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021. Theo đó, Ủy ban nhân dân quận có 12 cơ quan chuyên môn, trong đó Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận đổi tên thành Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

phường³⁶. Riêng thành phố Thủ Đức có 13 cơ quan chuyên môn, trong đó có Phòng Khoa học và Công nghệ³⁷, phù hợp với định hướng phát triển thành phố Thủ Đức thành trung tâm đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ cao.

Về phân cấp, ủy quyền, bên cạnh việc đề xuất thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh, để triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương và cơ chế ủy quyền theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành quyết định ủy quyền cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố³⁸. Các Quyết định này đã góp phần tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phát huy vai trò, thế mạnh của mình trong thực hiện nhiệm vụ được giao, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, để tạo sự chủ động và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của thành phố Thủ Đức, Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc xây dựng Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Thủ Đức³⁹, đồng thời xây dựng Đề án phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Nhìn chung, các nhiệm vụ triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản đảm bảo tiến độ theo yêu cầu đề ra, đảm bảo việc chuyển tiếp thực hiện nhiệm vụ giữa hai giai đoạn. Mặc khác, dù mới đi vào hoạt động, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức cũng đã giải quyết được khối lượng công việc rất lớn, bộ máy chính quyền nhanh chóng đi vào hoạt động và vận hành hiệu quả, việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp được bảo đảm liên tục, giữ vững tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Kết quả trên là sự nỗ lực không ngừng của cả hệ thống chính trị Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức trong năm 2021.

Kính thưa các đồng chí!

Đạt được những kết quả bước đầu khả quan như hiện nay, sự đồng lòng của Nhân dân chính là nguồn động lực to lớn để cán bộ, công chức, viên chức Thành phố tiếp tục phát huy truyền thống năng động, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nhanh và bền vững, “vì cả nước, cùng cả nước, vì hạnh phúc của Nhân dân”.

Thành phố cũng luôn duy trì trạng thái chủ động, vừa tích cực đưa các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ vào cuộc sống, vừa thường xuyên

³⁶ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND, 33/2021/QĐ-UBND, 34/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021.

³⁷ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

³⁸ Quyết định số 4712, 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2018

Quyết định số 297, 298/QĐ-UBND ngày 18/01/2019

Quyết định số 1279, 1280/QĐ-UBND ngày 14/4/2021

³⁹ Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 05/7/2021

tổng kết thực tiễn, không ngừng nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc⁴⁰. Trong năm 2022, Thành phố sẽ tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết thay thế, tạo điều kiện cho Thành phố xây dựng, phát triển phù hợp với mô hình chính quyền đô thị trong giai đoạn mới. Có thể nói, xuyên suốt quá trình thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, Thành phố luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cơ quan Trung ương, đặc biệt là Bộ Nội vụ, giúp công tác triển khai được tổ chức hài hòa, kịp thời, hiệu quả, góp phần giải quyết thấu đáo các vấn đề cốt lõi của một “đô thị đặc biệt”.

Thời gian tới đây, để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả tổ chức chính quyền đô thị, góp thêm phần nào kinh nghiệm thực tiễn cho công cuộc cải cách tổ chức bộ máy, công vụ - công chức của ngành Nội vụ nói riêng và tiến trình đổi mới nền hành chính nhà nước nói chung, Thành phố sẽ không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chú trọng vai trò của Hội đồng nhân dân Thành phố, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc đảm bảo và phát huy hơn nữa quyền được tiếp nhận thông tin, quyền đại diện và quyền dân chủ của Nhân dân; vận động, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; góp phần nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và kiểm soát quyền lực nhà nước. Tập trung phát triển yếu tố “con người”, thường xuyên rà soát tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, tinh thần trách nhiệm cao, có tác phong và phương pháp làm việc khoa học, năng động, sáng tạo phù hợp với yêu cầu hội nhập và xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ. Chú trọng nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Gắn tiến trình xây dựng chính quyền đô thị với xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Đây cũng là những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình đổi mới quản lý Thành phố, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo./.

⁴⁰ Công văn số 3245/UBND-NCPC ngày 01/10/2021

11. UBND thành phố Cần Thơ

Tham luận về tình hình, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở thành phố cần thơ và định hướng tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2026

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị, thành phố Cần Thơ xin trình bày trước Hội nghị tổng kết công tác năm 2021 của ngành Nội vụ tham luận về “*tình hình, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở thành phố Cần Thơ và định hướng tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2016*”.

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP và Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành văn bản chỉ đạo và Kế hoạch triển khai thực hiện. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan rà soát đề đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản đề nghị các Bộ ngành⁴¹ nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; đề xuất nội dung cần phân cấp quản lý phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của địa phương và xem xét sửa đổi, bổ sung văn bản hướng dẫn quản lý nhà nước cho phù hợp với thực tế quản lý. Qua đó, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở thành phố Cần Thơ và định hướng tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2026, như sau:

1. Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giai đoạn 2016-2021

a) Kết quả đạt được:

Về cơ bản, các nội dung phân cấp đã đáp ứng trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và địa phương, qua đó phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương trên cơ sở điều kiện, khả năng của mỗi cấp hành chính. Nhìn chung, các nội dung được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ phân cấp được địa phương thực hiện tương đối thống nhất, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương, đồng thời đã tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương tổ chức bộ máy quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, giúp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Các quy định phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được thành phố thực hiện tương đối thống nhất và có hiệu quả, giúp nâng cao tính chủ động cho các sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương, góp phần giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn yêu cầu của các tổ chức và Nhân dân tại địa phương.

Qua triển khai thực hiện, nhiều nội dung phân cấp, phân quyền quản lý đã được cụ thể hóa bằng 27 văn bản quy phạm pháp luật của thành phố trên từng ngành, lĩnh vực (nội vụ, tài nguyên và môi trường, văn hóa, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, tài chính, đầu tư), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng ngành, từ thành phố đến cơ sở. Đồng thời, trên cơ sở chủ trương của Đảng,

⁴¹ Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch.

quy định của Chính phủ, thành phố thực hiện tốt công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tinh giản biên chế để bố trí, đảm bảo cơ bản nguồn nhân lực thực thi tốt các nhiệm vụ được phân cấp, đồng thời rà soát chức năng, nhiệm vụ để sắp xếp, sửa đổi lại cho phù hợp quy định, tránh chồng chéo, trùng lặp, đảm bảo theo theo nguyên tắc “Một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính”.

Hàng năm các sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, rà soát các nội dung phân cấp để kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp cho phù hợp với quy định của Trung ương, bước đầu khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và địa phương. Các sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên rà soát đề xuất cắt giảm các loại giấy tờ, hồ sơ thủ tục hành chính không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính để tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

b) Khó khăn, vướng mắc:

Mặc dù chính sách phân cấp, phân quyền được thể hiện rõ thông qua Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 21/NQ-CP và Nghị quyết số 99/NQ-CP nhưng tất cả những nội dung này mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc, các văn bản quy định phân cấp, phân quyền đối với ngành, [ĩnh vực còn chưa đồng bộ và thống nhất. Ngoài ra, sự phân định trách nhiệm, quyền hạn của Trung ương và địa phương, cũng như giữa các cấp chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực chưa hợp lý hoặc thiếu rõ ràng, dẫn đến những bất cập trong quá trình thực hiện theo các chiều hướng khác nhau.

Trong thời gian qua, việc phân cấp quản lý nhà nước chưa có sự phân biệt giữa chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn, nên việc phân cấp trên một số lĩnh vực đối với một số địa phương chưa thật sự phù hợp; phân định thẩm quyền tổ chức bộ máy và nhân sự, mô hình tổ chức chính quyền địa phương cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã, giữa chính quyền đô thị và nông thôn chưa có sự phân biệt rõ. Trong một số lĩnh vực, khi phân cấp nhiệm vụ cho cấp dưới thực hiện, nhưng nhiều đơn vị cấp dưới chưa đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp nên hiệu quả thực hiện phân cấp chưa cao, nhất là trong lĩnh vực xây dựng (như việc phân cấp đầu tư xây dựng cho cấp xã hiện còn hạn chế do các xã chưa có chuyên môn, năng lực khi làm chủ đầu tư).

Phân cấp, phân quyền nhưng không kèm theo điều kiện bảo đảm, không được tăng cường tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Vì vậy, địa phương rất khó trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

Mặt khác, trong một vài ngành, lĩnh vực, do hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện hoặc thiếu hướng dẫn cụ thể, nên quá trình triển khai thực hiện còn gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện phân cấp tại các địa phương; việc phân

công, phân cấp, phân quyền chưa gắn với ràng buộc trách nhiệm, với tăng cường kiểm tra, giám sát và chưa có cơ chế đủ mạnh để kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện.

2. Định hướng phân cấp, phân quyền theo ngành, lĩnh vực của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2026

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP và Nghị quyết số 99/NQ-CP, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ định hướng trong thời gian tới sẽ ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân cấp, phân quyền đối với các lĩnh vực: Nội vụ, tài chính, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng.

b) Giải pháp thực hiện phân cấp, phân quyền trong từng ngành, lĩnh vực

- Chỉ đạo các sở, ngành thành phố thường xuyên rà soát, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật có quy định phân cấp quản lý nhà nước đề tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định phân cấp, ủy quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị;

- Thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị nhằm loại bỏ sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm một việc chỉ do một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, tạo cơ sở để thực hiện hiệu quả việc đẩy mạnh phân cấp; thường xuyên rà soát để đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết theo hướng tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp;

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng dẫn của Chính phủ và của Bộ, ngành Trung ương nhằm đáp ứng yêu cầu về nhân lực để thực hiện nhiệm vụ khi được phân cấp, phân quyền; đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực để thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ được phân cấp;

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật ngành, lĩnh vực, quy định nội dung phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng, chưa phù hợp, còn chồng chéo để kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, nghiên cứu hướng dẫn, hoặc sửa đổi bổ sung cho phù hợp để thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân cấp;

- Tăng cường việc thanh tra, kiểm tra đối với những nội dung đã phân cấp nhằm kịp thời phát hiện những bất cập, thiếu sót, sai phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Đề xuất nội dung định hướng phân cấp và các văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện phân cấp, phân quyền giai đoạn 2016-2021, để đảm bảo định hướng thực hiện cho giai đoạn 2021-2026, Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy định, hướng dẫn các nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực để địa phương thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và các nội dung được phân cấp, phân quyền, cụ thể như sau:

a) Lĩnh vực thông tin và truyền thông:

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét điều chỉnh hoặc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT cho phù hợp Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, hiện nay một số văn bản quy định chưa được hướng dẫn, cụ thể: Điều 6 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ chưa quy định cụ thể đối với doanh nghiệp đang hoạt động trên 05 năm có khả năng tạo ra hoặc ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được cơ quản lý có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này; khoản 7 Điều 20 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP của Chính phủ chưa nêu rõ tổ chức, cá nhân nào được quyền xác định thông số kỹ thuật của thiết bị bức xạ; Bộ Khoa học và Công nghệ chưa có văn bản quy định cụ thể danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP.

c) Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Về điều kiện và hình thức sử dụng đất, sở hữu nhà ở, công trình của tổ chức kinh tế trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Đề xuất xem xét quy định thống nhất về khái niệm cũng như hình thức sử dụng đất đối với đối tượng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giữa Luật Đất đai năm 2013 và các Luật có liên quan để địa phương có cơ sở áp dụng thực hiện;

- Về chính sách đất đai liên quan đến tôn giáo: Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) xem xét có văn bản hướng dẫn chung về định mức sử dụng đất đối với cơ sở tôn giáo để xây dựng cơ sở thờ tự hợp pháp (như quy định diện tích giao đất tôn giáo tính theo số lượng tín đồ sinh hoạt trên địa bàn...) để các địa phương có cơ sở giao đất cho tôn giáo một cách thống nhất, tránh trường hợp có nơi giao đất nhiều, nơi thì giao ít gây thắc mắc cho các tổ chức tôn giáo. Bên cạnh đó, xem xét trình Chính phủ điều chỉnh một số quy định về đất đai liên quan đến tôn giáo tại điểm b mục 3 Chỉ thị số 1940/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với quy định pháp luật đất đai hiện hành. Đồng thời, bổ sung quy định trình tự, thủ tục đối với trường hợp cơ sở tôn giáo có nhu cầu giao đất nông nghiệp và thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất nông nghiệp có nhu cầu chuyển sang đất tôn giáo để mở rộng cơ sở thờ tự phục vụ hoạt động tín ngưỡng tại địa phương.

- Bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp do cán bộ, công chức, viên chức đang sử dụng đất: Đề nghị xem xét có chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với nhân khẩu trong hộ gia đình có đất bị thu hồi là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp), để đảm bảo bình đẳng như nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài ra cần quy định cụ thể cho thành viên hộ

nếu thuộc trường hợp đã nhận lương hưu 01 lần hoặc cán bộ đang công tác tại xã, ấp, khu vực.

- *Xử lý ruộng hợp có dấu hiệu phân lô, bán nền hình thành khu dân cư tự phát*: Đề nghị bổ sung quy định về khái niệm, quy mô, hình thức và chế tài xử lý đối với các khu dân cư tự phát để địa phương có cơ sở áp dụng thực hiện (vì hiện nay các tỉnh, thành phố đã phát sinh trường hợp này rất nhiều nhưng chưa có hình thức xử lý cho phù hợp). Bên cạnh đó, đề xuất bổ sung quy định cụ thể điều kiện, trình tự thực hiện tách thửa các loại đất, vì quy định pháp luật hiện hành chỉ quy định chung và giao cho địa phương quyết định theo thẩm quyền.

- *Về ký hiệu loại đất trong công tác lập quy hoạch*: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Xây dựng nghiên cứu, điều chỉnh tên gọi các loại đất trong đô thị được thống nhất, hiệu quả trong công tác quản lý về lĩnh vực đất đai và lĩnh vực quy hoạch xây dựng.

- *Về quản lý, sử dụng chi phí thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện*: Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán, nhiệm vụ chi và hướng dẫn về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp quy định pháp luật đất đai hiện hành. Trong đó, bổ sung quy định cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để địa phương có cơ sở thực hiện theo quy định.

- *Việc xác định mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại dịch vụ*: Đề nghị bổ sung quy định về cách xác định lại mục đích sử dụng đất từ đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC) sang đất thương mại, dịch vụ (TMD) cũng như việc thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan.

- *Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa*: Đề nghị bổ sung chế độ sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa có nguồn gốc công nhận quyền sử dụng đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng và điều kiện thực hiện quyền đối với làm nghĩa trang, nghĩa địa.

- *Việc điều chỉnh vị trí đất ở*: Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục điều chỉnh vị trí đất ở để địa phương có cơ sở thực hiện, đáp ứng nhu cầu thực tế của người sử dụng đất.

- *Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: Đề nghị bổ sung giấy tờ liên quan đến pháp nhân trong việc giải quyết thủ tục về đất đai liên quan đến Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để có cơ sở xác định loại hình doanh nghiệp và hình thức sử dụng đất khi thực hiện thủ tục đất đai cho doanh nghiệp theo quy định

- *Việc áp dụng quy định pháp luật trong công tác đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư sử dụng đất*: Kiến nghị bổ sung quy định đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất nói chung và thủ tục xác định giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong đấu thầu dự án nói riêng vào Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai, do pháp luật đất đai hiện hành chưa quy định trường hợp giao

đất, cho thuê đất theo kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định để làm rõ nguyên tắc, điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với đất hỗn hợp (ví dụ như xác định tối thiểu tỷ lệ đất sạch trong dự án có sử dụng đất bắt buộc phải đấu giá).

d) Lĩnh vực tài chính:

Kiến nghị Chính phủ sớm trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ (bãi bỏ Nghị định số 103/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

đ) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:

Đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 2 Điều 6 Thông tư số 08/2014/TTBVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành “2. *Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ” cấp huyện tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận lại và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận*”, nhằm thuận lợi, đảm bảo tiến độ và đảm bảo khách quan trong việc công nhận lại danh hiệu nêu trên.

e) Lĩnh vực nội vụ:

- Kiến nghị Chính phủ:

+ Chỉ đạo Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ hoặc trực tiếp ban hành tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực; tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp chủ trương, quy định Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

+ Chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn địa phương việc thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện theo chủ trương Nghị quyết số 19-NQ/TW.

+ Chỉ đạo Bộ quản lý ngành lĩnh vực sớm ban hành tiêu chí xếp hạng theo khoản 1 Điều 18 Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công và kịp thời sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định tiêu chí xếp hạng đối với ngành, lĩnh vực có thay đổi khi sắp xếp tổ chức theo Nghị quyết số 19/NQ-TW.

- Kiến nghị Bộ Nội vụ:

+ Sớm tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế, hướng dẫn cụ thể nội dung thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập để địa phương có cơ sở thực hiện;

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cách tính định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp bảo đảm một phần chi

thường xuyên theo hai nhóm “số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện và thẩm định định mức thống nhất, phù hợp quy định;

+ Phối hợp với Bộ Y tế sớm ban hành quy định định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập y tế, làm cơ sở để địa phương thực hiện;

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành sớm ban hành danh mục vị trí việc làm công chức dùng chung, nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức và cơ cấu ngạch công chức làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện; hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý và văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên đây là Báo cáo tham luận của thành phố Cần Thơ về “tình hình, kế qua thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở thành phố Cần Thơ và định hướng tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2016”.

12. UBND tỉnh Lâm Đồng

Tham luận về khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số để đáp ứng tỷ lệ cán bộ người dân tộc theo Quyết định số 402/QĐ-TTg của tỉnh Lâm Đồng

Được sự cho phép của chủ trì Hội nghị, đại diện cho tỉnh Lâm Đồng, tôi xin báo cáo tham luận về nội dung ***“Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số để đáp ứng tỷ lệ cán bộ người dân tộc theo Quyết định số 402/QĐ-TTg của tỉnh Lâm Đồng”***.

Kính thưa Hội nghị!

Tỉnh Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 9.781,27 km², 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện và 02 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc); 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường và 13 thị trấn) với 1.376 thôn, tổ dân phố (877 thôn, 499 tổ dân phố); dân số toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2020 là 1.315.389 người, với 47 dân tộc đang cùng sinh sống đan xen với nhau, tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 25,72% (dân tộc gốc Tây Nguyên chiếm 17%); từ đó đã tạo nên một cộng đồng đa dạng trong văn hóa cũng như phong tục tập quán của tỉnh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 5106/KH-UBND ngày 29/8/2016 về triển khai thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo, Kế hoạch đã cụ thể hóa các tỷ lệ người dân tộc thiểu số để giao cụ thể số lượng người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đây là cơ sở để thực hiện, tuyển dụng bố trí đối với người dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, tỉnh Lâm Đồng thường xuyên quán triệt, phổ biến Quyết định số 402/QĐ-TTg đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về công tác phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị nghiên cứu, tham mưu lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 402/QĐ-TTg vào tất cả các khâu của công tác cán bộ, từ việc tham mưu, hoàn thiện thể chế đến công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các chế độ, chính sách khác; tính đến nay, công tác phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số của tỉnh đã đạt một số kết quả nhất định, cụ thể:

Tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong biên chế từ cấp tỉnh đến cấp xã có 3.658 người, chiếm 11,63%, trong đó: công chức cấp tỉnh, huyện: 110 người, chiếm tỷ lệ 4,76%; viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập: 3.016, chiếm tỷ lệ 10,65%; Cán bộ, công chức cấp xã: 532, chiếm tỷ lệ 18,30%; Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ CBCCVC người dân tộc thiểu số: Tiến sĩ 01, thạc sĩ 41, đại học 2.128.

Ngoài việc phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số thông qua công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch,... tỉnh luôn quan tâm, chú trọng trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo số lượng người dân tộc thiểu số theo quy định cũng như nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng nhiệm vụ theo quy định; đặc biệt, khi triển khai công tác tuyển dụng trên địa bàn, tỉnh Lâm Đồng thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm túc các nội dung mang tính đặc thù, ưu tiên dành cho người dân tộc thiểu số đúng theo quy định, cụ thể: trong kế hoạch tuyển dụng xác định rõ số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số được ưu tiên cộng điểm vào kết quả thi; người dự tuyển vào công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận được miễn phần thi môn ngoại ngữ,...

Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 tỉnh đã tuyển dụng được 1.304 công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, trong đó công chức hành chính 41 người, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp 1.080 người; cán bộ, công chức cấp xã 183 người; Hiện nay tỉnh đã xây dựng kế hoạch để xét tuyển công chức để tuyển dụng người dân tộc thiểu số đi học theo chế độ cử tuyển về địa phương công tác.

Ngoài việc tuyển dụng công chức, viên chức, tỉnh còn thực hiện đề án tuyển chọn, đào tạo trí thức trẻ người dân tộc thiểu số gốc tây nguyên tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND tại các xã (Đề án 50); đến cuối năm 2018, khi tổng kết Đề án đã có 17 trường hợp bố trí, sắp xếp thành CBCC cấp xã.

Công tác tuyển dụng đã đạt được các kết quả nhất định góp phần nâng cao tỷ lệ CBCCVC là người dân tộc thiểu số của địa phương; Tuy nhiên, một số cơ quan, địa phương, đơn vị chưa tuyển dụng đủ số lượng người dân tộc thiểu số được giao theo Kế hoạch số 5106/KH-UBND của tỉnh do trong quá trình tuyển dụng gặp một số khó khăn vướng mắc, cụ thể:

1. Nhiều sinh viên người dân tộc thiểu số có trình độ đại học, cao đẳng nhưng đa số là các chuyên ngành mà địa phương ít có nhu cầu nên rất khó tuyển dụng vào các cơ quan, đơn vị; hiện nay chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc tại các cơ quan, đơn vị không tăng mà tỉnh giảm theo quy định 10%, trong khi đó hầu hết các cơ quan, đơn vị đã tuyển dụng đủ số lượng được giao, nên khó khăn trong việc giải quyết, bố trí việc làm cho số học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số của tỉnh.

2. Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức chỉ được ưu tiên cộng điểm trong thi tuyển không có chính sách khác, việc thi tuyển bằng hình thức cạnh tranh nên được cộng điểm ưu tiên vẫn khó trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức có cạnh tranh của tỉnh.

3. Hiện nay tỉnh đang thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo quy định của Nghị định 138/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, trong đó có nội dung miễn thi ngoại ngữ cho người dân tộc thiểu số gắn liền với điều kiện phải dự tuyển vào vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, vùng dân tộc thiểu số được quy

định còn chung chung, chưa được cụ thể hóa; vùng dân tộc thiểu số chỉ được xác định ở xã, thôn, không có quy định xác định vùng dân tộc thiểu số ở huyện, tỉnh nên trong quá trình thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức vào cấp huyện, tỉnh còn gặp khó khăn, vướng mắc.

4. Tỉnh Lâm Đồng có diện tích rộng, người đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu đang sinh sống ở các huyện trên địa bàn tỉnh; trong khi đó các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có trụ sở đặt tại thành phố Đà Lạt nên khi thông báo tuyển dụng, rất ít người dân tộc thiểu số đăng ký dự tuyển vì thực tế chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức còn thấp, nơi làm việc xa nhà phải lo rất nhiều khoản chi phí (thuê nhà, đi lại,...) ,...; do đó, các cơ quan cấp tỉnh gặp khó khăn trong việc tuyển dụng người dân tộc thiểu số.

5. Các văn bản của Chính phủ, bộ, ngành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức chỉ quy định chung cho tất cả công chức, viên chức; không có quy định riêng cho đối tượng là người dân tộc thiểu số nên địa phương gặp khó khăn và không có căn cứ để ban hành văn bản quy định chính sách cụ thể ưu tiên cho đối tượng là người dân tộc thiểu số.

Để thực hiện tốt công tác tuyển dụng CBCCVC là người dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo tỷ lệ người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian tới cần:

1. Tiếp tục quán triệt các cơ quan, địa phương, đơn vị quan tâm công tác phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới, nhất là tuyển dụng người dân tộc thiểu số đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

2. Các cơ quan, địa phương, đơn vị phải xây dựng kế hoạch bố trí, sử dụng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số đã qua đào tạo trên địa bàn.

3. Đối với các cơ quan, địa phương, đơn vị chưa đảm bảo số lượng người dân tộc thiểu số được giao thì khi tuyển dụng, tiếp nhận chỉ được tuyển dụng, tiếp nhận người dân tộc thiểu số; sau khi tuyển dụng, tiếp nhận đảm bảo số lượng người dân tộc thiểu số được giao thì mới được tuyển dụng, tiếp nhận các đối tượng khác.

4. Điều chỉnh và ban hành kịp thời các chính sách về chế độ đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, nhất là ở các địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đặc biệt có cơ chế chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số công tác xa nhà hoặc chưa có nhà ở, để yên tâm công tác sau khi tuyển dụng.

5. Về quy định đề nghị Bộ Nội vụ có hướng dẫn cách thức xác định “vùng dân tộc thiểu số” đối với cấp huyện, tỉnh để thuận lợi trong việc thực hiện các nội dung ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số trong tuyển dụng.

Cuối cùng tôi xin kính chúc các đồng chí sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

13. UBND tỉnh Bắc Giang

Tham luận về kinh nghiệm trong việc đổi mới tuyển chọn công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại tỉnh Bắc Giang

Tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý là một trong những giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm đổi mới công tác bổ nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; tạo bước đột phá để thực hiện tốt Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác tuyển chọn, ngày 26/5/2015, Bộ Chính trị đã ban hành Thông báo số 202-TB/TW về Đề án “Thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng”. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 2424/BNV-CCVC ngày 09/5/2017 hướng dẫn thực hiện Đề án, lựa chọn thí điểm tại 14 cơ quan Trung ương và 22 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Mặc dù Bắc Giang không nằm trong danh sách triển khai thực hiện thí điểm tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý của Bộ Nội vụ. Tuy nhiên, Bắc Giang là một trong những tỉnh đầu tiên trên cả nước thực hiện công tác này, cụ thể như: Từ năm 2009, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 về Đề án thực hiện thí điểm tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý một số đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bắc Giang; theo đó Đề án thực hiện thí điểm tuyển chọn công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hai ngành: Giáo dục - Đào tạo và ngành Y tế. Ngày 30/7/2010, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND phê duyệt Đề án thực hiện tuyển chọn trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc cấp sở, UBND cấp huyện; cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp trực thuộc phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Quyết định này so với Quyết định 25/2009/QĐ-UBND đã mở rộng đối tượng tuyển chọn không chỉ là cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập mà bao gồm cả trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương của cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện. Quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 81/QĐ-UBND đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, còn một số nội dung chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương cần sửa đổi, hoàn thiện. Do vậy, ngày 16/4/2012, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 99/2012/QĐ-UBND quy định tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nay là Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh. Theo đó, quy định về công tác tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý ngày càng được hoàn thiện, phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và công tác cán bộ của tỉnh trong thời kỳ mới.

Hiện nay, Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định việc tuyển chọn đối với viên chức lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (trừ đối tượng do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý). Quy định các nội dung tuyển chọn đã đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán

bộ; đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và có cạnh tranh trong tuyển chọn. Mỗi một vị trí tuyển chọn có ít nhất 02 người đủ điều kiện đăng ký tham gia dự tuyển, trường hợp chỉ có 01 người thì không tổ chức tuyển chọn mà thực hiện điều động, luân chuyển người giữ chức vụ tương đương từ nơi khác đến.

Đối tượng đăng ký tham gia dự tuyển bao gồm: thứ nhất là công chức, viên chức nằm trong quy hoạch của chức danh tuyển chọn, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm phải tham gia dự tuyển. Trường hợp không tham gia mà không có lý do chính đáng, cấp có thẩm quyền xem xét đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; thứ hai là công chức, viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm và nằm trong quy hoạch chức danh tương đương với chức danh tuyển chọn được người đứng đầu cơ quan khác giới thiệu tham gia dự tuyển. Việc quy định đối tượng như trên căn cứ vào Đề án của Bộ Nội vụ. Theo đó, đối tượng trong quy hoạch chức danh tuyển chọn phải tham gia dự tuyển, góp phần làm tăng tính cạnh tranh và nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ. Tuy nhiên, thực tế triển khai thực hiện phát sinh tình huống, đối tượng trong quy hoạch tham gia dự tuyển, được Hội đồng thông báo đủ điều kiện bảo vệ Chương trình hành động nhưng đến hôm tổ chức hội nghị tuyển chọn thì lấy lý do đột xuất (bất khả kháng) để không tham gia. Điều đó cho thấy tâm lý e dè, sợ thành “quân xanh”, sợ thi không đạt ảnh hưởng đến uy tín cá nhân tại đơn vị của các ứng viên dự tuyển. Để khắc phục phần nào tình trạng trên, khuyến khích các đối tượng tham gia tuyển chọn, ngoài việc đẩy mạnh công tác tư tưởng, tuyên truyền, UBND tỉnh Bắc Giang quy định việc cộng điểm thưởng vào lần tuyển chọn liền kề cho đối tượng tham gia dự tuyển đứng thứ 2 được tập thể viên chức, người lao động và Hội đồng tuyển chọn đánh giá tốt (đạt tổng số điểm từ 80 điểm trở lên). Quy định này còn góp phần nâng cao chất lượng xây dựng và bảo vệ Chương trình hành động của các ứng viên trong các cuộc tuyển chọn.

Về quy trình thực hiện tuyển chọn, thay vì phải thi 02 vòng (Vòng 1 - thi viết kiến thức chung về quản lý nhà nước, kiến thức chuyên ngành... và Vòng 2 - thi bảo vệ Đề án) như hướng dẫn của Bộ Nội vụ thì theo quy định của tỉnh, ứng viên tham gia dự tuyển chỉ phải xây dựng Chương trình hành động, sau đó trình bày Chương trình hành động, trả lời câu hỏi chất vấn của Hội đồng tuyển chọn và tập thể viên chức, người lao động của đơn vị. Qua đó, tập thể đơn vị và Hội đồng tuyển chọn sẽ đánh giá, chấm điểm (theo Phiếu chấm điểm riêng) đối với từng ứng viên. Người trúng tuyển là người đạt tổng số điểm từ 50 điểm trở lên và có tổng điểm cao nhất từ trên xuống (gồm điểm trung bình cộng của tập thể viên chức, người lao động; điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng tuyển chọn và điểm thưởng nếu có). Sở dĩ, tỉnh Bắc Giang không thực hiện thi tuyển theo các bước như Đề án của Bộ Nội vụ vì năm 2019, sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo UBND huyện Việt Yên thực hiện thí điểm thi tuyển Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND huyện. Sau hơn 1 năm thực hiện, cho thấy việc thi tuyển qua 02 vòng như trên chưa phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Bởi lẽ các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh hầu hết là các đơn vị có quy mô nhỏ, số lượng biên chế, người lao động không nhiều, việc áp dụng thi tuyển là khá phức tạp và tốn kém (mỗi lần thi tuyển phải thành lập Ban ra đề, ban coi thi, ban chấm thi, tổ chức

thi...), thiếu tính linh hoạt, kịp thời trong công tác cán bộ (thực tế việc nghỉ hưu, điều động, luân chuyển cán bộ ở cơ sở diễn ra thường xuyên trong khi thời gian tổ chức thi tuyển kéo dài), thành phần hội đồng tuyển chọn chủ yếu là lãnh đạo chủ chốt của các phòng chuyên môn có liên quan, việc tập trung cho tuyển chọn quá nhiều làm ảnh hưởng đến giải quyết các công việc chuyên môn khác...

Với các quy định đặc thù trên, công tác tuyển chọn qua các năm của tỉnh Bắc Giang đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Từ năm 2012 đến nay tuyển chọn được 668 vị trí (trong đó 333 cấp trưởng và 335 cấp phó). Chủ yếu là tuyển chọn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường thuộc khối sự nghiệp giáo dục và đào tạo (chiếm trên 90% tổng vị trí tổ chức tuyển chọn). Cụ thể từng năm như sau:

- Năm 2012: 103 vị trí (48 cấp trưởng và 55 cấp phó);
- Năm 2013: 79 vị trí (51 cấp trưởng và 28 cấp phó);
- Năm 2014: 67 vị trí (40 cấp trưởng và 27 cấp phó);
- Năm 2015: 62 vị trí (38 cấp trưởng và 24 cấp phó);
- Năm 2016: 54 vị trí (35 cấp trưởng và 19 cấp phó);
- Năm 2017: 45 vị trí (23 cấp trưởng và 22 cấp phó);
- Năm 2018: 61 vị trí (45 cấp trưởng và 16 cấp phó);
- Năm 2019: 67 vị trí (28 cấp trưởng và 39 cấp phó);
- Năm 2020: 63 vị trí (25 cấp trưởng và 38 cấp phó);
- Từ đầu năm 2021 đến nay, tổ chức tuyển chọn 67 vị trí (36 cấp trưởng và 31 cấp phó).

Kết quả tuyển chọn qua các năm cho thấy, việc thực hiện tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bắc Giang đã đi vào nề nếp và được các cấp, các ngành, cùng nhân dân trong tỉnh ủng hộ, từng bước xóa bỏ được tình trạng khép kín trong công tác bổ nhiệm. Nguồn nhân sự tham gia tuyển chọn được mở rộng không chỉ bó hẹp tại cơ quan, đơn vị mà bao gồm tất cả công chức, viên chức trong và ngoài ngành có đủ điều kiện đều được đăng ký dự tuyển. Thông qua việc tổ chức tuyển chọn, khuyến khích được công chức, viên chức trẻ, có năng lực tham gia tuyển chọn để đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý; góp phần trẻ hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh. Quá trình tổ chức tuyển chọn tại các cơ quan, địa phương, đơn vị diễn ra khách quan, công khai, minh bạch, phát huy được tính dân chủ trong công tác bổ nhiệm. Ý thức, trách nhiệm của các ứng viên tham gia tuyển chọn được nâng lên; các thí sinh phải sưu tầm tài liệu, nghiên cứu các văn bản liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị tuyển chọn để xây dựng Chương trình hành động sát với tình hình thực tế và có tính khả thi cao. Thông qua đó, cũng tạo điều kiện cho các ứng viên trước khi được bổ nhiệm thực sự nắm chắc về tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị tuyển chọn, từ đó có định hướng phù hợp cho việc lãnh đạo, quản lý trong thời gian tới. Chương trình hành động của ứng viên cũng là cơ sở để lãnh đạo, tập thể viên chức, người lao động trong đơn vị theo dõi, đánh giá việc thực hiện

nhệm vụ của ứng viên khi được bổ nhiệm. Thực tế cho thấy, hầu hết những người được bổ nhiệm thông qua tuyển chọn đều là công chức, viên chức trẻ, được đào tạo bài bản, năng động, nhiệt huyết, dám nghĩ, dám làm, sau một thời gian công tác đều phát huy được năng lực, hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cương vị mới được bổ nhiệm.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện tuyển chọn vẫn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

Thứ nhất, số lượng ứng viên là nguồn từ ngoài cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn còn thấp, điều đó cho thấy hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến quy định còn chưa thực sự hiệu quả; tâm lý e dè nhất là của các ứng viên trẻ tuổi còn cao.

Thứ hai, tập thể viên chức, người lao động tại các đơn vị tuyển chọn nhìn chung đã chủ động đặt câu hỏi đối với ứng viên dự tuyển, tuy nhiên số lượng câu hỏi chưa nhiều, chưa đưa được nhiều tình huống để ứng viên giải quyết trên cương vị vị trí tuyển chọn.

Thứ ba, một số ứng viên tham gia tuyển chọn, xây dựng Chương trình hành động còn chưa sát thực tế; vẫn còn tình trạng sao chép lẫn nhau nên chất lượng Chương trình hành động chưa cao.

Nguyên nhân của những ưu điểm nêu trên là do công tác tuyển chọn cán bộ lãnh đạo quản lý trong những năm qua luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; đồng thời có sự ủng hộ, phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp nên tạo được sự thống nhất cao trong quá trình triển khai thực hiện. Việc bổ nhiệm viên chức thông qua tuyển chọn thường xuyên được đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm; qua đó điều chỉnh, bổ sung các quy định ngày một hoàn thiện và phù hợp hơn. Tuy nhiên, tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý là vấn đề mới, chưa có quy định cụ thể của Trung ương, kinh nghiệm thực tế triển khai không nhiều nên việc tổ chức thực hiện đôi lúc còn lúng túng, tỉnh Bắc Giang thực hiện theo phương châm lấy Đề án của Bộ Nội vụ làm cơ sở, vận dụng linh hoạt vào tình hình thực tế của địa phương, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Để công tác tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý tiếp tục được triển khai rộng rãi, đồng bộ và có hiệu quả, UBND tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Quy định về tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý làm cơ sở pháp lý cho các bộ, ngành, địa phương trong cả nước thực hiện thống nhất.

Xin trân trọng cảm ơn !

14. UBND tỉnh Nghệ An

Tham luận về công tác triển khai tổ chức thực hiện Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính thưa các đồng chí!

Trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện có 2 tổ chức tôn giáo hợp pháp là Công giáo, Phật giáo và tín đồ của một số tổ chức tôn giáo khác. Hoạt động của các tôn giáo cơ bản thuần túy, chấp hành pháp luật. Giáo hội Công giáo từ cơ sở đến Tòa Giám mục đã có sự phối hợp với các cấp, các ngành liên quan trong giải quyết các nhu cầu tôn giáo, xử lý các sai phạm. Giáo hội Phật giáo tiếp tục phát huy truyền thống hộ quốc, an dân; thực hiện đường hướng đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Các nhóm tôn giáo, đạo mới, đạo lạ về cơ bản hoạt động tại gia, ít ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

Mặc dù những năm gần đây hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật và hoạt động lợi dụng chống phá nhà nước đã giảm nhiều so với các năm trước, không phát sinh điểm nóng liên quan đến tôn giáo nhưng vẫn có những vấn đề tôn giáo phức tạp nổi lên như một số linh mục hoạt động rao giảng nói xấu Đảng, nhà nước; kích động, tụ tập đông người, gây rối làm mất an ninh trật tự; các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, chuyển nhượng, bổ nhiệm chức sắc, chức việc...

Ngay sau khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, cấp ủy, chính quyền tỉnh Nghệ An đã nghiêm túc chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 20/5/2017 về triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Công văn số 7587/UBND-NC ngày 09/10/2021 về việc tiếp tục triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (*từ đây viết tắt là Luật và Nghị định*). Đồng thời quan tâm chỉ đạo các ngành chức năng, các địa phương tăng cường đảm bảo các điều kiện cho công tác thi hành, thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo tính đồng bộ với Luật. Ban hành Quyết định số 393/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết một số vấn đề liên quan đến tôn giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật và Nghị định bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Các cấp, các ngành, các địa phương đã tổ chức 134 hội nghị tuyên truyền phổ biến Luật và Nghị định hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến cho đối tượng đa dạng từ chức sắc, chức việc các tôn giáo; cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức 02 lớp cho đối tượng là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện với số lượng 270 đại biểu. Năm 2018 đã mở chuyên trang đời sống tôn giáo trên ấn phẩm báo in và báo Nghệ An điện tử; thực hiện các đợt cấp phát báo Nghệ An cho một số tổ chức, chức sắc, chức việc tôn giáo

trên địa bàn. Bên cạnh đó, tại một số huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như việc cấp phát tài liệu liên quan đến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; biên soạn tài liệu "Hỏi - đáp về Luật tín ngưỡng, tôn giáo", tuyên truyền, phổ biến thường xuyên trên các phương tiện phát thanh cấp huyện, xã, trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị...

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, công tác quản lý nhà nước nói riêng. Tổ chức bộ máy và nhân sự Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tiếp tục được ưu tiên củng cố, kiện toàn về số lượng và chất lượng. Các ban, ngành chức năng, các địa phương quan tâm bố trí đủ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Về cơ bản đội ngũ cán bộ công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo có tinh thần trách nhiệm cao, có kỹ năng và năng lực trong xử lý các vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến tôn giáo.

- Ủy ban nhân dân tỉnh cũng quan tâm, bố trí nguồn kinh phí hợp lý, cơ sở vật chất đảm bảo công tác thi hành, thực hiện pháp luật. Nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên có kinh phí theo Quyết định 84/2012/QĐ-UBND ngày 3/12/2012 về việc hỗ trợ đặc thù cho cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tại Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ và công chức chuyên trách công tác tại các Phòng Nội vụ huyện, thành, thị và các đoàn công tác, tổ công tác giải quyết các vụ việc tôn giáo phức tạp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; hỗ trợ cho cốt cán phong trào. Một số huyện, thành, thị (*Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, thị xã Cửa Lò*) bố trí thêm kinh phí trong trường hợp cần thiết. Nguồn kinh phí hỗ trợ đột xuất được hỗ trợ trong trường hợp cần thiết căn cứ các quy định và đề nghị của các cơ quan liên quan công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Các cấp, các ngành chức năng, các địa phương đã phối hợp tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Luật và Nghị định trên địa bàn tỉnh. Một số kết quả đáng chú ý như sau:

Trong giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; để thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết các thủ tục hành chính, UBND các cấp đã công bố bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật và Nghị định. Trong gần 04 năm, UBND các cấp đã quan tâm tạo điều kiện và giải quyết kịp thời các nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo cụ thể là:

- Đã chấp thuận và tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức hàng trăm cuộc lễ lớn, lễ trọng, các lễ ngoài chương trình đăng ký.

- Chấp thuận thành lập 17 tổ chức tôn giáo trực thuộc và 02 cơ sở tôn giáo; chấp thuận phong chức, phong phẩm 77; thuyên chuyển 147; bổ nhiệm :40 vừa chức sắc vừa chức việc Công giáo và 18 chức việc Phật giáo, tiếp nhận 03 chức việc Phật giáo thuyên chuyển từ các tỉnh khác về Nghệ An hoạt động; chấp thuận phong phẩm đối với 20 giới tử tham gia tại Giới đàn Nghệ Tĩnh V do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh tổ chức; giải quyết đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung

cho 06 điểm nhóm và đăng ký 07 cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo. Tiếp nhận, nhắc nhở, đôn đốc các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện thông báo về các hoạt động như truyền chuyển, bổ nhiệm, danh mục hoạt động hàng năm, tổ chức hội nghị thường niên...

- Giải quyết nhu cầu đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 29 cơ sở tôn giáo. Về xây dựng, sửa chữa các công trình tôn giáo: Chấp thuận chủ trương khảo sát, lựa chọn địa điểm, lập quy hoạch cho 41 cơ sở tôn giáo. Cho phép thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng 36 cơ sở tôn giáo; chủ trương xây dựng lại 09 cơ sở tôn giáo, cấp phép xây dựng 01 cơ sở tôn giáo; cấp phép cải tạo, sửa chữa hàng trăm công trình tôn giáo, liên quan đến tôn giáo.

- Các hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo của tổ chức tôn giáo: Hiện Trường mầm non Lâm Bích; 02 trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật và bị ảnh hưởng chất độc da cam đã được cấp phép hoạt động (Trung tâm 19/3, xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc và Trung tâm mẹ Teresa Calcuta Tân Hương, xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc); 30/77 điểm các dòng tu có hoạt động chăm sóc trẻ trước tuổi đến trường (tự tổ chức); 46/77 điểm các dòng tu có hoạt động tử thuốc, khám chữa bệnh ban đầu (tự tổ chức).

Trong giải quyết các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật, lệch chuẩn, cấp ủy, chính quyền tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, chủ động nắm, phòng ngừa, xử lý các vụ việc tôn giáo vi phạm pháp luật, hoạt động lợi dụng tôn giáo chống đối chế độ đúng pháp luật có hiệu quả. Tập trung chỉ đạo xử lý, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động của các tôn giáo mới, đạo lạ. Công tác phát hiện, xử lý hoạt động truyền đạo trái pháp luật đạt kết quả tốt, kìm giữ không để hình thành, phát triển tín đồ trái pháp luật, nhất là ở địa bàn miền núi dân tộc; hoạt động của các nhóm đạo mới ảnh hưởng đến an ninh trật tự được ngăn chặn. Đồng thời kiên quyết đấu tranh xử lý các hoạt động lợi dụng tôn giáo chống đối chế độ; vận động các chức sắc, tín đồ cảnh giác không để kẻ địch, phần tử xấu lợi dụng lôi kéo vào các hoạt động chống đối.

Nhìn chung công tác triển khai tổ chức thực hiện Luật và Nghị định trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các nhu cầu tôn giáo chính đáng, hợp pháp cơ bản được giải quyết đúng chính sách pháp luật, kịp thời, phù hợp thực tế; những nhu cầu chưa đủ cơ sở pháp lý và thực tế đã được giải thích, hướng dẫn trả lời đúng quy định của pháp luật; được giáo hội các tôn giáo đồng tình và ghi nhận. Công tác đấu tranh đối với các chức sắc, chức việc có những hoạt động chống đối, vi phạm pháp luật ngày càng kiên quyết, bài bản và có sức thuyết phục nên hiệu quả ngày càng rõ nét. An ninh trật tự trên địa bàn ngày càng đảm bảo, không có vụ việc quá phức tạp có thể gây nên điểm nóng tôn giáo. Mối quan hệ giữa các cấp chính quyền với các tổ chức tôn giáo ngày càng được củng cố. Số lượng các chức sắc, chức việc tiến bộ, tuân thủ pháp luật ngày càng tăng lên; số các chức sắc cực đoan, chống đối giảm đáng kể và ngày càng bị cô lập. Hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng nâng cao.

Song song với việc tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hàng năm các ban, ngành, các địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch tự kiểm tra việc thi hành, thực hiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và báo cáo định kỳ. Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành trực tiếp kiểm tra công tác thi hành, thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại 06 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh. Sau kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành công văn chỉ rõ các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại các huyện, thành, thị nói chung, công tác triển khai tổ chức thực hiện Luật và Nghị định nói riêng và yêu cầu khắc phục, chấn chỉnh. Chủ động rà soát, thống kê, nắm chắc tình hình để giải quyết các vụ khiếu kiện, tố cáo. Các đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hầu hết được giải quyết kịp thời, đúng chính sách pháp luật, không để xảy ra phức tạp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác triển khai tổ chức thực hiện Luật và Nghị định trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc cụ thể như sau:

- Chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhìn chung chưa cao. Việc báo cáo tham mưu đề xuất cho cấp ủy, chính quyền trong giải quyết các vấn đề tôn giáo nổi lên và các vụ việc phức tạp còn thiếu quyết liệt, chưa kịp thời, có lúc, có nơi hiệu quả còn hạn chế. Công tác quản lý nhà nước về đất đai tôn giáo tại một số địa phương còn nhiều sơ hở, yếu kém, có nơi còn buông lỏng đã tạo điều kiện cho giáo hội triệt để lợi dụng để tiến hành các hoạt động vi phạm. Công tác giải quyết, xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực đất đai, xây dựng còn chưa triệt để, số lượng vụ việc vi phạm tồn đọng còn nhiều, một số vụ việc đã được giải quyết tạm ổn định nhưng chưa cơ bản, dễ phát sinh trở lại. Nhiều nội dung quan trọng trong công tác tôn giáo còn vướng mắc nên trong giải quyết các nhu cầu tôn giáo; một số vấn đề nổi lên và một số vụ việc tôn giáo phức tạp tính thống nhất chưa cao nhất là đối với các vấn đề mới dẫn đến nguy cơ làm mất ổn định ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

- Luật và Nghị định chưa quy định chế tài xử lý đối với các vi phạm pháp luật do đó trong xử lý, giải quyết các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật còn nhiều lúng túng và có sự không thống nhất trong cách ứng xử, giải quyết, xử lý giữa các cấp các ngành. Một số điều, khoản điểm quy định trong Luật và Nghị định trong thực tiễn tổ chức thực hiện đã bộc lộ những bất cập, vướng mắc. Hành lang pháp lý trên lĩnh vực đất đai, xây dựng liên quan tôn giáo còn có những bất cập, ảnh hưởng đến công tác giải quyết nhu cầu, xử lý vi phạm pháp luật.

Từ thực tiễn tổ chức thực hiện Luật và Nghị định thời gian qua trên địa bàn, tỉnh Nghệ An xin đề xuất, kiến nghị như sau:

- Ban Tôn giáo Chính phủ sớm tham mưu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm bất cập của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã được các cơ quan địa phương kiến nghị (*Nghệ An đã có Công văn số 1822/SNV-VP ngày 25/8/2021 kiến*

ngụ cụ thể các nội dung, điều, khoản, điểm còn bất cập, vướng mắc và đề xuất sửa đổi). Đặc biệt quan tâm tính đồng bộ, thống nhất với các bộ luật khác; quy định cụ thể hơn và phù hợp hơn với thực tiễn, đồng thời phải tính đến yếu tố giáo luật, giáo lý hiến chương điều lệ của tôn giáo và công ước, thông lệ quốc tế; tham mưu bổ sung thêm các điều, khoản về nội dung tín ngưỡng (*hiện tại theo quy định của Luật chưa đủ cơ sở để triển khai thực hiện*). Trong thời gian chờ đợi cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, thống nhất một số nội dung của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo nhất là các nội dung đang vướng mắc, khó khăn để các địa phương triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở; sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định xử phạt hành chính để tăng tính răn đe, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đất đai, xây dựng các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

- Quan tâm củng cố bộ máy làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp nhất là khi ngành nội vụ được giao công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng./.

15. UBND tỉnh Vĩnh Phúc

Tham luận về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo tại tỉnh Vĩnh Phúc

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị, tỉnh Vĩnh Phúc xin báo cáo trước Hội nghị một số nội dung về sắp xếp đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của tỉnh trong thời gian qua.

Kính thưa hội nghị !

Vĩnh Phúc là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội, gần sân bay Quốc tế Nội Bài, là cầu nối giữa các tỉnh phía Tây Bắc với Hà Nội và đồng bằng châu thổ sông Hồng. Tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập từ năm 1950, năm 1968 sáp nhập với tỉnh Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú, từ ngày 01 tháng 01 năm 1997 tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập. Tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích tự nhiên 1.235,87 km², dân số hơn 1,1 triệu người, có 41 dân tộc anh, em sinh sống trên địa bàn tỉnh. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính (2 thành phố và 7 huyện) với 136 xã, phường, thị trấn. Là tỉnh có bề dày truyền thống yêu nước và cách mạng, truyền thống đó được phát huy cao độ trong sản xuất, chiến đấu. Vĩnh Phúc còn được các địa phương biết tới là nơi khởi nguồn của đổi mới tư duy quản lý nông nghiệp - nông thôn, với phương thức “khoán hộ” táo bạo vào cuối những năm 60, 70 của thế kỷ XX, mang tính đột phá, tạo cơ sở thực tiễn cho đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân của Đảng ta sau này và là tỉnh có chất lượng giáo dục vào hàng đầu của cả nước.

Trong những năm qua, giáo dục của Vĩnh Phúc đã có nhiều chuyển biến tích cực và thu được những thành tựu đáng ghi nhận: 100% các trường học từ mầm non đến trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn quốc gia vào cuối năm 2019; hoàn thành đầu tư hơn 1.000 phòng học mầm non. Vĩnh Phúc là tỉnh thứ 4 toàn quốc được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi vào năm 2012 và đạt phổ cập tiểu học mức độ 2 vào năm 2013. Năm 2017 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) mức độ 2 và chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Chất lượng giáo dục toàn diện liên tục tăng, chất lượng giáo dục mũi nhọn đạt được những thành tích vượt trội.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng Chương trình hành động số 54-CT/TU; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2175/KH-UBND để triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động nêu trên, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói riêng. Toàn tỉnh đã sắp xếp, sáp nhập giảm **116 đơn vị** sự nghiệp công lập các cấp, trong đó sự nghiệp giáo dục và đào tạo **giảm 51 đơn vị**, cụ thể:

Tỉnh đã hoàn thành việc rà soát quy mô trường, lớp các cấp học, ngành học để xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất trường, đảm bảo yêu cầu sắp xếp các trường học phù hợp với quy hoạch tổng thể của ngành giáo dục, trong đó:

- Đối với bậc giáo dục mầm non, phổ thông: UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ và UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp:

+ Sáp nhập 16 trường trung học phổ thông thành 08 trường, **giảm 08 trường**; Sáp nhập Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT Phúc Yên vào trường THPT Dân tộc nội trú cấp 2 - 3 tỉnh, **giảm 01 trường**;

+ Chỉ đạo UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp và sáp nhập trường học các cấp trên địa bàn có quy mô số lượng dưới 08 lớp, đảm bảo phù hợp quy hoạch chung của tỉnh; đối với những xã chỉ 01 trường ở mỗi cấp học nhưng số lượng lớp ít (không đủ 08 lớp) thì sáp nhập thành trường liên cấp hoặc trường liên xã. Đến nay, 9/9 huyện, thành phố thực hiện xong việc sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo đúng yêu cầu của kế hoạch, qua đó **giảm 40 trường** (08 trường mầm non, 31 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở); Đồng thời cho phép huyện Lập Thạch thành lập mới Trường Trung học cơ sở Liễn Sơn, xã Liễn Sơn do thực tế trên địa bàn xã chưa có Trường Trung học cơ sở.

- Đối với các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng đề án báo cáo các bộ, ngành và thực hiện sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật vào Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc; sáp nhập Trường Trung cấp Y tế vào Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, **giảm 02 trường**. Hiện nay trên địa bàn tỉnh không còn trường trung cấp chuyên nghiệp do tỉnh quản lý (nội dung này đã thực hiện từ năm 2020).

- Đối với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm dạy nghề: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện bàn giao nhiệm vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp từ Sở Giáo dục và Đào tạo sang Sở Lao động - TB&XH; đồng thời bàn giao 07 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên từ Sở Giáo dục và Đào tạo về UBND cấp huyện quản lý theo đúng Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - TB&XH và Bộ Nội vụ (nội dung này đã thực hiện từ năm 2017).

Kính thưa Hội nghị !

Có thể thấy trong những năm qua tỉnh Vĩnh Phúc đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW khóa XII, thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập các cấp nói chung, trong đó thực hiện rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập riêng. Để đạt được kết quả nêu trên là sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự quyết tâm chính trị của các cấp, các ngành và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm rất cao. Việc sắp xếp, sáp nhập giảm đầu mối là yêu cầu cấp thiết để tinh gọn tổ chức bộ máy, làm cơ sở rà soát vị trí việc làm và tinh giản biên chế. Để triển khai hiệu quả và đạt kết quả như vậy, tỉnh Vĩnh Phúc rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là: Kịp thời triển khai một cách nghiêm túc, khoa học chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Tạo sự thống nhất cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết, thể hiện rõ quyết tâm chính trị của các cấp, các ngành, cùng toàn thể đội cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

Hai là: Thực hiện tốt việc tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật thường xuyên, liên tục, hiệu quả, tạo sự lan tỏa trong tất cả các tầng lớp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động.

Ba là: Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc và nhất quán sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản đầu mối qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất và đạt được hiệu quả cao. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương để làm cơ sở đề xuất trong việc sắp xếp, sáp nhập tạo sự đồng thuận và hiệu quả.

Bốn là: Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả việc sắp xếp kịp thời rà soát, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý của ngành, địa phương đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ theo chức trách và thẩm quyền của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhất là sắp xếp sự nghiệp giáo dục, tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị:

(1) Đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ không thực hiện tinh giản biên chế đối với lĩnh vực giáo dục và Đào tạo; đồng thời bổ sung chỉ tiêu biên chế giáo viên còn thiếu so với định biên theo quy định là **2.444** chỉ tiêu.

(2) Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có hướng dẫn quản lý hoạt động đối với trường liên cấp và thông nhất mô hình trường liên cấp trong cả nước để các tỉnh có cơ sở thực hiện.

Trên đây là báo cáo tham luận về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo ở tỉnh Vĩnh Phúc.

Xin kính chúc đồng chí Chủ trì Hội nghị, các đồng chí tham dự Hội nghị mạnh khỏe và hạnh phúc, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

16. UBND tỉnh Long An

Tham luận kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An

Được sự cho phép của chủ trì Hội nghị, tôi xin đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Long An trình bày tham luận về kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An.

Kính thưa quý đại biểu!

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Tỉnh ủy Long An đã ban hành Đề án số 02-ĐA/TU và Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 29/12/2017 về “Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Long An theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng”. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Long An đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động và lộ trình cụ thể để triển khai thực hiện; trong đó, có việc rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Qua 4 năm thực hiện, tỉnh Long An đã giảm 144 đơn vị sự nghiệp (cấp tỉnh: 48 đơn vị; cấp huyện: 96 đơn vị), đạt tỷ lệ: 17,45%; giảm 961 biên chế, đạt tỷ lệ: 10,91%. Cụ thể như sau:

- Đối với sự nghiệp y tế: Thực hiện sáp nhập Trung tâm Sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm để thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế; sáp nhập 15 Trung tâm Dân số - KHHGĐ vào Trung tâm Y tế cấp huyện và chuyển 04 phòng khám đa khoa khu vực thành cơ sở 2 của Trung tâm y tế cấp huyện.

- Đối với sự nghiệp giáo dục: Đã thực hiện sắp xếp giảm 86 trường (gồm 04 trường trung học phổ thông; 74 trường tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở; 08 trường mầm non).

Bên cạnh đó, tỉnh đang triển khai sắp xếp lại Trường Cao đẳng Sư phạm Long An theo Quyết định số 1341/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/202 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chủ trương thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Long An, hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoàn chỉnh các thủ tục sắp xếp.

- Đối với sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp: Đã thực hiện giải thể 14 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của 15 đơn vị cấp huyện, theo đó giao chức năng giáo dục thường xuyên, giáo dục hướng nghiệp cho ngành giáo dục và đào tạo (trường trung học phổ thông) trên địa bàn cấp huyện, giao chức năng đào tạo nghề nghiệp cho các cơ sở Trường Cao đẳng nghề thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, qua sắp xếp đã giảm được đầu mối, bảo đảm quy mô, chuẩn hóa giáo viên, cơ cấu và hợp lý về ngành nghề.

- Đối với sự nghiệp khoa học công nghệ: Hợp nhất 03 Trung tâm: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ thành Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đối với sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao: Tiến hành sắp xếp 04 đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao thuộc Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch như sáp nhập Đoàn xiếc nhân dân Long An vào Trung tâm Văn hóa thành Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh; sáp nhập Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa, Thư viện tỉnh vào Bảo tàng tỉnh để thành lập Bảo tàng - Thư viện tỉnh; giải thể Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng. Đối với cấp huyện tiến hành sáp nhập Đài Truyền thanh, Nhà thiếu nhi vào Trung tâm Văn hóa của 15 huyện, thị xã, thành phố để thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh cấp huyện.

- Đối với sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: Sắp xếp Trung tâm Khuyến nông thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; sắp xếp hợp nhất 44 Trạm ngành nông nghiệp như: Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trạm Khuyến nông; Trạm Quản lý khai thác công trình thủy lợi thành lập 15 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc cấp huyện; thực hiện chuyển các Trại, trạm từ đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các huyện quản lý, sử dụng.

Các sự nghiệp khác đã tiến hành sắp xếp như: Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành hợp nhất Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai thành Văn phòng Đăng ký đất đai; hợp nhất Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất, Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Dịch vụ tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, tiến hành sắp xếp 07 Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại 07 huyện chuyển giao về UBND cấp huyện quản lý và sáp nhập các Trung tâm Phát triển quỹ đất này vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành hợp nhất 03 Trường Trung cấp nghề vào Trường Cao đẳng nghề Long An và đổi tên thành Trường Cao đẳng Long An; hợp nhất Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Cung cấp Dịch vụ công tác xã hội thành Trung tâm Công tác xã hội.

Về xã hội hóa: Đã thực hiện xã hội hóa 02 đơn vị (Trung tâm Đấu giá tài sản và Phòng công chứng số 3), chuyển đổi 03 đơn vị (Phòng công chứng số 1,2,4) thuộc Sở Tư pháp thành Văn phòng công chứng.

Ngoài ra, còn các đơn vị sự nghiệp đang tiếp tục thực hiện xã hội hóa gồm: Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật, Trường Trung cấp Y tế, Trung tâm Giống vật nuôi và các trại trạm.

Những con số trên đã chứng minh cho nỗ lực của tỉnh Long An trong việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Sau kiện toàn, nhiều đầu mối cơ quan đã giảm theo hướng tinh gọn, góp phần thực hiện

hiệu quả cải cách hành chính. Việc sáp nhập không gây xáo trộn, bảo đảm bộ máy của các đơn vị sự nghiệp tinh gọn, không trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ, từng bước thực hiện tự chủ về tài chính, giảm chi ngân sách nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn của các ngành và của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp Đề án số 02 còn một số hạn chế như:

- Khi mới triển khai, còn một số cơ quan, đơn vị chưa tích cực chủ động, kịp thời đề xuất các biện pháp, phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, quy định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, ảnh hưởng đến tiến độ chung.

- Công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ở một vài cơ quan còn hạn chế, thiếu sâu sát, chậm phát hiện, đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh đối với những nội dung mới, chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ ngành.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do một số cấp ủy, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt, năng động, sáng tạo, sâu sát trong công tác lãnh đạo, quán triệt thực hiện Đề án, chưa phát huy hết trách nhiệm của người đứng đầu; chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể quy định về chức năng nhiệm vụ, số lượng cơ cấu tổ chức, số lượng cấp phó của các cơ quan hành chính để tránh chồng chéo với các quy định của Trung ương. Việc thực hiện xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện, đồng thời việc thực hiện kêu gọi xã hội hóa còn phụ thuộc vào năng lực, quyết tâm của các nhà đầu tư và đối tác thực hiện.

Một số kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

- *Một là*, tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng về chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện.

- *Hai là*, thực hiện sáng tạo, thận trọng và đồng bộ trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; quyền và lợi ích của cán bộ, đảng viên là tiêu chí được đặt lên hàng đầu; đồng thời thực hiện nghiêm, nhất quán quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị; đồng thời phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- *Ba là*, sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều nhóm chức năng, nhiệm vụ và một nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; đồng thời, phù hợp với điều kiện về kinh tế của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh phân tán, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Bốn là* thường xuyên thực hiện việc rà soát mạng lưới, tổ chức bộ máy đơn

vị sự nghiệp công lập, kể cả sau khi đã sắp xếp tinh gọn, nhằm phát hiện, kịp thời có giải pháp tháo gỡ những vướng mắc phát sinh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, gắn với cơ cấu lại đội ngũ viên chức một cách hợp lý; chủ động, kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị phù hợp theo quy định. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện tinh giản biên chế và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đề án vị trí việc làm.

- *Năm là*, đối với sự nghiệp y tế cần rà soát, tổ chức lại các Trạm y tế xã cho phù hợp đảm bảo trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn quản lý, đồng thời đảm bảo thực hiện được bộ tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế xã trên địa bàn, tập trung các chương trình mục tiêu y tế đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- *Sáu là*, đối với sự nghiệp giáo dục nghiên cứu điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh số lớp để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục hướng dẫn xây dựng quy chế, cơ chế, phương thức hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của các trường học sau sắp xếp; căn cứ điều kiện để sắp xếp tinh gọn các trường cho phù hợp theo nguyên tắc trên địa bàn xã chỉ bố trí một trường cùng cấp học, hình thành trường có nhiều cấp học để có sự đồng bộ, đảm bảo các chỉ tiêu về trường đạt chuẩn theo quy định.

- *Bảy là*, thực hiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn chuyên môn nghề nghiệp, khung năng lực từng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở để tuyển dụng, phân công, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh thực hiện việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm vào kết quả, hiệu quả hoạt động và công tác của cơ quan, đơn vị; đảm bảo nguyên tắc khách quan, công bằng, tập trung dân chủ. Đồng thời, thực hiện việc tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe, phẩm chất đạo đức và hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ.

- *Tám là*, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát huy những sáng kiến kinh nghiệm hiệu quả; quan tâm đến công tác sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt; kịp thời chấn chỉnh những nơi làm chưa tốt.

Kính thưa quý vị đại biểu, trên đây là báo cáo tham luận về kinh nghiệm trong việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An. Thay mặt UBND tỉnh Long An, xin kính chúc đồng chí chủ trì Hội nghị cùng quý đại biểu tham dự Hội nghị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

17. UBND tỉnh Bình Phước

Tham luận kinh nghiệm trong việc chuyển đổi từ hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP sang hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của tỉnh Bình Phước

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Được sự phân công của Ban Tổ chức, hôm nay, tôi rất vinh dự được thay mặt cho tỉnh Bình Phước trình bày tham luận với nội dung **“Kinh nghiệm trong việc chuyển đổi từ hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP sang hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của tỉnh Bình Phước”**. Lời đầu tiên, cho tôi xin gửi đến các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, cùng toàn thể Hội nghị lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và để tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thống nhất trong việc chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ngày 01/9/2021, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2943/UBND-NC để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Để ban hành được Công văn số 2943/UBND-NC, cơ quan chủ trì soạn thảo là Sở Nội vụ đã có văn bản gửi lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, mà đặc biệt là Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh (02 lần) trước khi tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành theo đúng quy định.

Theo đó, các cơ quan, đơn vị đều thống nhất và người lao động cũng đồng tình về việc chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, bởi một số lý do sau:

Một là, việc xây dựng thang, bảng lương được thực hiện theo Bảng lương của Bộ luật Lao động phân chia theo trình độ, chức danh công việc, lương được làm tròn số tiền tuyệt đối tại mỗi bậc đến đơn vị ngàn đồng.

Theo đó, Bảng lương theo Bộ luật Lao động được xây dựng dựa trên mức lương tối thiểu vùng năm 2020 của tỉnh Bình Phước (*Bình Phước không có vùng I, chỉ có vùng II, III, IV*). Khi lương tối thiểu vùng thay đổi thì điều chỉnh thang bảng lương theo mức lương tối thiểu vùng mới. Do đó, đối với các cơ quan, đơn vị thì dễ dàng áp dụng và đối với người lao động có thể dễ dàng đối chiếu, so sánh; số tiền được công khai trong hợp đồng lao động hoặc Quyết định chuyển xếp lương; mức tiền lương thực tế người lao động được hưởng sau khi trừ đi các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... (nếu có) tùy theo đối tượng cụ thể.

Hai là, quyền lợi và chế độ, chính sách tiền lương của người lao động được đảm bảo theo nguyên tắc bằng hoặc cao hơn so với trước khi chuyển đổi. Theo đó, cách tính và việc chuyển đổi được thực hiện như sau: Mức thu nhập cơ bản theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP gồm hệ số lương theo ngạch, bậc, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và phụ cấp công vụ (nếu đang làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước) để chuyển xếp vào Bảng lương theo Bộ Luật lao động. Riêng các loại phụ cấp khác mà người lao động được hưởng hiện nay như: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp khu vực, phụ cấp lưu động, phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi nghề, và các phụ cấp có tính chất tương tự tùy theo ngành nghề, vị trí chức danh cụ thể được quy định... thì người lao động sẽ tiếp tục được hưởng nhưng sẽ được chuyển đổi cho phù hợp tùy theo cách tính từng loại phụ cấp.

Ba là, đối với các trường hợp hợp đồng theo Bộ luật Lao động khi thay đổi trình độ (có bằng cấp cao hơn) và *phù hợp với vị trí việc làm đang đảm trách* thì cơ quan, đơn vị ký hợp đồng theo trình độ mới của người lao động. Mức lương mới của người lao động được chuyển xếp cao hơn liền kề với mức lương hiện hưởng. Thời điểm hưởng lương mới và thời điểm căn cứ xét nâng bậc lương được tính kể từ thời điểm ký hợp đồng với mức lương mới.

Bốn là, người lao động được xét nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc (nếu có) và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định nhưng phải đảm bảo không được quá 06 tháng đối với nhóm 01; không quá 09 tháng đối với nhóm 02 và không được thực hiện nâng lương trước thời hạn 02 lần liên tiếp trong cùng 01 nhóm.

Năm là, tùy thuộc vào điều kiện thực tế, các cơ quan, đơn vị không nhất thiết phải ký kết hợp đồng lao động đối với các cá nhân để làm các công việc tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP mà có thể thực hiện hình thức **thuê dịch vụ** thông qua doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Về cách xây dựng thang bảng lương trên địa bàn tỉnh Bình Phước được thực hiện theo những nguyên tắc như sau:

Thứ nhất, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị thống nhất áp dụng thang, bảng lương đối với hợp đồng lao động theo Bộ luật Lao động. Trường hợp cơ quan, đơn vị chưa xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án vị trí việc làm chưa được phê duyệt thì căn cứ số hợp đồng lao động hiện hành để chuyển đổi và áp dụng thang, bảng lương mới.

Thứ hai, số bậc của thang, bảng lương phụ thuộc vào độ phức tạp quản lý, cấp bậc công việc hoặc chức danh đòi hỏi. Khoảng cách chênh lệch giữa hai bậc lương liền kề phải bảo đảm khuyến khích người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm, phát triển tài năng nhưng ít nhất bằng 5%.

Thứ ba, mức lương thấp nhất (khởi điểm) của công việc hoặc chức danh trong thang, bảng lương do cơ quan, đơn vị xác định trên cơ sở mức độ phức tạp của công việc hoặc chức danh tương ứng với trình độ, kỹ năng, trách nhiệm, kinh nghiệm để thực hiện công việc hoặc chức danh, trong đó:

- Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;

- Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo nghề, học nghề trở lên phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng được quy định chi tiết tại khoản 2, Điều 5, Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Mức lương của công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường.

Thứ tư, thang, bảng lương phải được định kỳ rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế về đổi mới công nghệ, tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động và bảo đảm các quy định của pháp luật lao động hoặc khi Chính phủ thay đổi về lương tối thiểu vùng.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Về nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng lao động, được thực hiện như sau:

- Đối với cơ quan hành chính: Được bố trí trong nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ giao hàng năm trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Được bố trí trong nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các tổ chức hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh, cấp huyện: Kinh phí được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao (nếu có) và từ nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Để đạt được kết quả như trên, chính là thể hiện quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc tích cực chủ động, triển khai thực hiện chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

Theo đó, việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng định hướng, qua đó góp phần làm tách bạch trong việc thực hiện chế độ chính sách tiền lương đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP...

Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đã bám sát Công văn số 2943/UBND-NC để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi thang bảng lương theo Bộ luật lao động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cơ bản đảm bảo chất lượng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ thời gian.

Đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc chuyển xếp lương đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo đúng chỉ đạo và định hướng của tỉnh tại Công văn số 2943/UBND-NC.

Mặt khác, do thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Phước tại Đề án 999 về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, từ năm 2018 tỉnh đã thực hiện chủ trương mỗi năm cắt giảm 35% hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và đến năm 2020 cắt giảm hoàn toàn để hướng tới giao khoán hợp đồng lao động... và thực tế đã cắt giảm gần 50% hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Do đó, đầu năm 2021, sau khi được Tỉnh ủy thuận chủ trương giao lại hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo đúng chỉ tiêu của Bộ Nội vụ giao thì tỉnh có thể “chủ động về nguồn kinh phí” trong việc chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Bên cạnh những thuận lợi và ưu điểm trên, trong quá trình triển khai thực hiện còn một số tồn tại, vướng mắc như sau:

- Việc chuyển chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP mới được một số tỉnh triển khai thực hiện tùy theo tình hình thực tế tại địa phương, trong khi đó hiện nay các cơ quan Trung ương chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn cụ thể về việc xếp lương và hình thức ký hợp đồng lao động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, dẫn đến tình trạng mỗi địa phương làm một kiểu, chưa có sự thống nhất.

- Trước mắt, tỉnh có thể “chủ động về nguồn kinh phí” chi trả lương cho các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP sau khi chuyển sang ký hợp đồng theo Bộ luật Lao động, nhưng về lâu dài việc chuyển đổi hình thức trả lương và ký hợp đồng lao động đối với các đối tượng này cần phải được cụ thể hóa bằng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, vì còn liên quan đến cơ chế tài chính, chế độ thanh quyết toán, mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thực hiện chế độ tranh tra, kiểm toán...

- Sau khi chuyển sang ký hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động, một số cơ quan, đơn vị trong tỉnh còn lúng túng trong quá trình thực hiện, do không chịu nghiên cứu văn bản hướng dẫn, cách làm còn máy móc (*có đơn vị ký lại hợp đồng lao động, có đơn vị ban hành Quyết định chuyển xếp lương; có đơn vị vẫn cho hưởng phụ cấp công vụ sau khi chuyển xếp lương...*);

- Người lao động có xu hướng đòi hỏi quyền lợi về thực hiện chế độ tiền lương theo trình độ đào tạo nhưng lại không phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận sau khi chuyển sang ký hợp đồng lao động theo Bộ luật Lao động (*ví dụ như vị trí việc làm bảo vệ có trình độ Đại học Luật đòi xếp lương theo trình độ đại học; vị trí việc làm lái xe có trình độ Đại học chuyên ngành Cử nhân Hành chính đòi xếp lương lương theo trình độ đại học...*).

- Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/06/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện về tiền lương của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động đã quy định cụ thể mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Tuy nhiên, ngày 14/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2021 (*thay thế Nghị định 05/2015/NĐ-CP*) không quy định chi tiết mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động, nên cũng phần nào ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện, cơ quan bảo hiểm chưa có sự thống nhất về mức thu nhập của người lao động để làm cơ sở xác định mức tiền đóng bảo hiểm xã hội cụ thể...

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa việc chuyển sang ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, tỉnh Bình Phước kính đề nghị Trung ương xem xét một số nội dung sau:

Một là, sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về việc nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức chuyển sang ký hợp đồng lao động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, để tạo hành lang pháp lý cho các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng quy định. Trong đó, cần quy định rõ thang bảng lương cụ thể áp dụng đối với từng loại hợp đồng lao động sau khi chuyển đổi (*chưa qua đào tạo, trình độ sơ cấp, trình cấp, cao đẳng, đại học... tương ứng với từng vị trí việc làm cụ thể*).

Hai là, sớm ban hành văn bản hướng dẫn việc xây dựng và phê duyệt danh mục vị trí việc làm đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở cho việc thực hiện sắp xếp, bố trí hợp đồng lao động, gắn với cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

Ba là, đẩy mạnh hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, đặc biệt là xác định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc

thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nhất là trong thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế, nhân sự.

Bốn là, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chế độ, chính sách và cách tính các khoản lương, phụ cấp... để làm cơ sở cho việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và người lao động, trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

Trên đây là một số kinh nghiệm của tỉnh Bình Phước trong việc chuyển sang ký hợp đồng lao động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Một lần nữa, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

18. UBND tỉnh Phú Thọ

Tham luận một số bài học kinh nghiệm về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019-2021

Sau khi nghe Báo cáo Tổng kết công tác ngành Nội vụ năm 2021, tôi hoàn toàn nhất trí với những đánh giá về kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân, về nhiệm vụ giải pháp triển khai công tác ngành Nội vụ năm 2022.

Kính thưa các đồng chí!

Theo Nghị quyết 32/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, năm 2021 cũng là thời điểm để đánh giá tổng kết về sắp xếp Đơn vị hành chính (ĐVHC) giai đoạn 2019-2021.

Để góp phần tổng kết những kinh nghiệm về công tác sắp xếp ĐVHC, sau đây tôi xin phép được báo cáo, chia sẻ một số khó khăn và những kinh nghiệm của địa phương trong tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019-2021.

Ngay khi chuẩn bị triển khai việc sắp xếp ĐVHC, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tỉnh Phú Thọ đã dự kiến xác định những khó khăn vướng mắc để định hướng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

1. Một số khó khăn, vướng mắc khi triển khai sắp xếp ĐVHC

- Đây là lần đầu tiên tỉnh Phú Thọ tiến hành sắp xếp, nhập nhiều ĐVHC cấp xã (ít nhất 03 đơn vị) để hình thành ĐVHC cấp xã mới, đề án sắp xếp được triển khai trên diện rộng ở nhiều địa phương cấp huyện. Các cấp ủy Đảng, chính quyền; cán bộ, công chức chưa có kinh nghiệm về việc sắp xếp để nhập nhiều ĐVHC cấp xã.

- Các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp có lịch sử hình thành từ lâu đời, người dân sinh sống ở mỗi địa phương đều có nét đặc thù về lịch sử, truyền thống; phong tục tập quán sản xuất; nếp sống, sinh hoạt văn hóa; mối quan hệ xã hội...

- Việc sắp xếp, nhập nhiều ĐVHC sẽ tác động trực tiếp đến việc làm, thu nhập của nhiều cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nhiều thủ tục giấy tờ của tổ chức, người dân cần thay đổi; tâm lý chung của đại bộ phận các tầng lớp Nhân dân muốn giữ ổn định, ngại sự thay đổi.

- Thời gian tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC gần sát với thời gian chuẩn bị Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025, các địa phương vừa tiến hành việc sắp xếp ĐVHC đồng thời chuẩn bị các bước công việc tổ chức Đại hội đảng bộ. Nhân sự Đảng bộ ở ĐVHC cấp xã sắp xếp có nhiều xáo trộn, một bộ phận lớn cán bộ, công chức cấp xã có tư tưởng dao động, thiếu an tâm công tác, một số nhiệm vụ thực hiện sẽ hạn chế về hiệu quả.

- Tư tưởng cục bộ địa phương còn tồn tại ở nhiều cán bộ, công chức và người dân ở các địa phương, vì vậy việc bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp xã, trụ sở

làm việc, tên gọi đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp... cần có thời gian nghiên cứu, vận động, tuyên truyền để đi đến thống nhất.

Mặc dù có những khó khăn nhất định, các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị đã phối hợp chặt chẽ, quyết liệt trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, kết quả công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Phú Thọ đã đạt kết quả đề ra.

2. Kết quả cụ thể về sắp xếp, nhập ĐVHC cấp xã giai đoạn 2019-2021:

+ Đã tiến hành sắp xếp 80 ĐVHC cấp xã, gồm 39 ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp với 41 ĐVHC liền kề chịu ảnh hưởng, thuộc 10 đơn vị cấp huyện (có 01 xã thuộc diện sắp xếp nhưng không sắp xếp do yêu cầu quốc phòng, an ninh); hình thành mới: 28 ĐVHC cấp xã, giảm 52 ĐVHC cấp xã.

+ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã được đại đa số cử tri thống nhất, đồng tình ủng hộ với tỷ lệ cao (28 đề án sắp xếp, nhập ĐVHC cấp xã có từ 90% trở lên tỷ lệ cử tri có ý kiến đồng thuận, nhất trí về nội dung sắp xếp).

+ ĐVHC cấp xã hình thành mới thuộc tỉnh Phú Thọ đi vào hoạt động ổn định từ 01/01/2020 đến nay; Đại hội Đảng bộ cấp xã ở ĐVHC sau sắp xếp diễn ra trên tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của Đại hội; đặc biệt sau cuộc bầu cử đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026, HĐND cấp xã tại các ĐVHC hình thành mới đã bầu đủ số lượng, đúng cơ cấu thành phần, đại biểu trúng cử được cử tri tín nhiệm đạt tỷ lệ phiếu bầu cao.

Sau khi tiến hành tổng kết, các ngành, các cấp tỉnh Phú Thọ đã đánh giá nghiêm túc những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân; từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm về công tác sắp xếp, nhập ĐVHC cấp xã giai đoạn 2019-2021, làm cơ sở để tổ chức triển khai việc sắp xếp, nhập ĐVHC trong giai đoạn tiếp theo.

3. Một số bài học kinh nghiệm trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã

- **Một là về công tác lãnh đạo, chỉ đạo:** Việc sắp xếp ĐVHC phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở. Cấp ủy Đảng các cấp cần tổ chức quán triệt sắp xếp ĐVHC là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu tổ chức hợp lý ĐVHC phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển trong giai đoạn mới; từng bước hoàn thiện bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần nâng cao nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

- **Hai là về tổ chức thực hiện:** Các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc và có biện pháp chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện sắp xếp ĐVHC, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn 2019-2021. Đảng viên, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị chịu sự tác động của việc sắp xếp phải gương mẫu thực hiện, đồng thời có trách nhiệm tích cực vận động tuyên truyền gia đình, người thân và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng dân cư chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà nước. Kết quả sắp xếp ĐVHC và tổ chức bộ máy là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá, xếp loại của tổ chức, của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền hàng năm.

- Ba là về xây dựng phương án sắp xếp: Căn cứ vị trí địa lý ĐVHC phải sắp xếp, chính quyền các cấp cần chủ động xây dựng dự kiến các Phương án sắp xếp; trong mỗi phương án cần phân tích để chỉ ra những ưu điểm và các mặt hạn chế. Trên cơ sở các phương án dự kiến, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tổ chức bàn bạc để thống nhất lựa chọn ra một phương án có tính tối ưu nhất. Nội dung cơ bản phương án được tổ chức tham khảo, thăm dò ý kiến của đại diện cử tri là người có uy tín, nắm rõ lịch sử hình thành và phong tục tập quán của các địa phương liên quan sắp xếp. Đề án sắp xếp, nhập ĐVHC được xây dựng để lấy ý kiến tổng thể của cử tri được hoàn thành sau khi có sự thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền và được đại diện cử tri đồng thuận.

- Bốn là về công tác tuyên truyền: Công tác tuyên truyền đặc biệt quan tâm về chất lượng. Để các tầng lớp nhân dân chịu sự tác động sắp xếp đều nắm rõ các nội dung về sắp xếp. Tại các cuộc họp, hội nghị của các chi hội thuộc tổ chức chính trị-xã hội, của khu dân cư tổ chức lồng ghép tuyên truyền trực tiếp về phương án sắp xếp. Thông qua việc tuyên truyền trực tiếp các tổ chức nắm bắt những ý kiến chưa thống nhất, chưa đồng thuận về phương án sắp xếp, tên gọi ĐVHC mới, địa điểm trụ sở làm việc...để kịp thời vận động, giải thích cho cử tri về những vấn đề cử tri chưa thống nhất.

- Năm là về giải quyết giấy tờ và chế độ chính sách: Đồng thời với việc xây dựng phương án sắp xếp, các cấp, các ngành liên quan khẩn trương hoàn thành văn bản hướng dẫn việc chuyển đổi thuận tiện các loại giấy tờ của tổ chức, công dân liên quan đến thay đổi ĐVHC. Riêng về chế độ, chính sách cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, ngoài các chính sách Trung ương, cần kịp thời ban hành chính sách hỗ trợ của địa phương đối trường hợp nghỉ việc hoặc có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi. Nội dung hướng dẫn chuyển đổi giấy tờ cho tổ chức, công dân; chế độ, chính sách hỗ trợ của địa phương được phổ biến rộng trên các phương tiện thông tin, nhằm hạn chế những bức xúc về quyền lợi, ổn định tư tưởng của cử tri, của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách chịu ảnh hưởng do việc sắp xếp ĐVHC.

Kính thưa hội nghị!

Trên đây là một số khó khăn vướng mắc và những kinh nghiệm về sắp xếp, nhập ĐVHC cấp xã của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019-2021, trân trọng được phát biểu để báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và chia sẻ cùng các địa phương tại hội nghị.

Xin kính chúc các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cùng toàn thể các đồng chí dự hội nghị mạnh khỏe, hạnh phúc!

Chúc Hội nghị tổng kết ngành Nội vụ năm 2021 thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

19. UBND tỉnh Cao Bằng

Tham luận những bài học kinh nghiệm về tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng là tỉnh miền núi vùng cao, biên giới thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc, phía Bắc giáp với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (có chung đường biên giới dài 333 km). Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Cao Bằng có 13 đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện (12 huyện, 01 thành phố); 199 đơn vị hành chính cấp xã (08 phường, 14 thị trấn, 177 xã). Theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13, số ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh là 03 huyện⁴², 52 xã, thị trấn⁴³.

1. Việc triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, quy định của Nhà nước⁴⁴ và trên cơ sở thực trạng số ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt trên 50% của 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, UBND tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan có liên quan phối hợp cùng UBND các huyện, thành phố liên quan rà soát, đề xuất các phương án sáp nhập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình các cấp có thẩm quyền trước khi tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân theo quy định.

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tỉnh Cao Bằng đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập 06 huyện (*Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Thông Nông, Hà Quảng, Phục Hòa, Quảng Uyên*) để thành lập 03 huyện mới; sắp xếp đối với 76 xã, thị trấn để thành lập 38 ĐVHC cấp xã mới và đổi tên 01 ĐVHC cấp xã (*Thị trấn Hùng Quốc*) theo 02 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

⁴² 03 huyện/13 huyện, thành phố có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định là, chiếm 23,08%

⁴³ 52 xã, thị trấn/199 xã, phường, thị trấn có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định, chiếm 26,13%.

⁴⁴ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

Sau khi sắp xếp, tỉnh Cao Bằng có 10 ĐVHC cấp huyện⁴⁵ và 161 ĐVHC cấp xã (139 xã, 08 phường, 14 thị trấn), giảm 03 huyện và 38 xã. Các ĐVHC cấp huyện, cấp xã⁴⁶ mới thành lập đã nhanh chóng hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đi vào hoạt động đảm bảo thời gian quy định theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã;

(1) Đối với cán bộ, công chức cấp huyện

- Số CBCCVC trong hệ thống chính trị (cấp ủy, chính quyền và tổ chức đoàn thể) 03 huyện sau sáp nhập, cụ thể như sau:

+ Tổng số CBCC có mặt trước khi sắp xếp: **617** người.

+ Số lượng CBCC bố trí theo quy định: dự kiến **450** biên chế (mỗi huyện khoảng 150 biên chế, trong đó khối đảng, đoàn thể: dự kiến 60 biên chế; khối chính quyền: dự kiến 90 biên chế).

+ Đã bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với số cán bộ, công chức ở ĐVHC cấp huyện đối với **104** người, trong đó: tiếp nhận, bố trí đến cơ quan khác: 54 người; nghỉ hưu và tinh giản biên chế: 50 người.

+ Tổng số CBCC có mặt (thời điểm 30/9/2021): **513** người.

+ Số CBCC dôi dư cần giải quyết: **63** người.

(2) Đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

- Tổng số CBCC có mặt trước khi sắp xếp: **4.097** người.

- Số lượng CBCC được bố trí theo quy định: 3.290 người.

- Đã bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách; tiếp nhận lên công chức cấp huyện, cấp tỉnh: 453 người.

- Tổng số CBCC có mặt (thời điểm 30/9/2021)⁴⁷: 3.644 người.

- Số lượng CBCC dôi dư cần giải quyết: **354** người.

(3) Việc ban hành các chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động dôi dư do sắp xếp ĐVHC theo thẩm quyền của chính quyền địa phương.

Nhằm khuyến khích, động viên đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư sau sắp xếp ổn định về tư tưởng và góp phần hỗ trợ ổn định cuộc sống, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 03 chính sách sử dụng ngân sách của địa phương, cụ thể như sau:

+ Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của

⁴⁵ Gồm 09 huyện (Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Trùng Khánh, Quảng Hòa; Thạch An, Hòa An, Nguyên Bình) và Thành phố Cao Bằng.

⁴⁶ 38 ĐVHC cấp xã hoàn thành việc ổn định tổ chức bộ máy trước ngày 05/3/2020; 03 huyện hoàn thành việc ổn định tổ chức bộ máy trước ngày 01/4/2020.

⁴⁷ Bao gồm 100 Trường Công an xã hiện đang hưởng bảo lưu theo quy định.

Chính phủ và bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020*). Tổng kinh phí dự kiến: 58,9 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại các huyện thuộc diện sáp nhập ĐVHC; cán bộ, công chức cấp xã thuộc diện dôi dư do sắp xếp phải điều động công tác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Nghị quyết số 64/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020*). Tổng kinh phí dự kiến: 4,1 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2019 - 2020 (*Nghị quyết số 48/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019*). Tổng kinh phí dự kiến: 85,2 tỷ đồng. Trong đó: Hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 17,2 tỷ đồng; ở xóm, tổ dân phố: 68,0 tỷ đồng.

Việc triển khai các chính sách đã tạo sự đồng thuận, nhất trí của đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh; qua đó đã góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, giảm chi phí hành chính, từ đó tạo điều kiện tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Bài học kinh nghiệm

Với những kết quả đã nêu trên, tỉnh Cao Bằng rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, tăng cường quán triệt, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện.

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp các đơn vị hành chính theo quy định; phân công và gắn trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị, từng cấp, từng ngành phải thực hiện đúng quy trình, các bước nhưng cũng cần thực hiện khẩn trương theo lộ trình. Từ đó yêu cầu phải thật sự chủ động, đánh giá thực trạng, đánh giá tác động và có sự phối hợp để làm tốt các nội dung trong quá trình sắp xếp ĐVHC.

Ba là, thực hiện đồng bộ, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, chế độ thôi việc, tinh giản biên chế và có các chính sách của tỉnh để hỗ trợ.

Bốn là, xây dựng lộ trình thực hiện bố trí đối với cán bộ, công chức ở đơn vị sắp xếp, ban hành các chính sách hỗ trợ thỏa đáng để giải quyết cán bộ, công chức

dôi dư và các chính sách đãi ngộ đối với người hoạt động không chuyên trách khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập.

Với quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, tỉnh Cao Bằng đã thực hiện thành công việc sắp xếp sáp nhập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; là một trong những tỉnh có số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã, xóm, tổ dân phố sắp xếp nhiều nhất cả nước trong giai đoạn 2019 -2021.

4. Kiến nghị, đề xuất

Với kết quả và những bài học kinh nghiệm nêu trên, tỉnh Cao Bằng có một số kiến nghị như sau:

- Trong giai đoạn 2019 -2021 tỉnh Cao Bằng đã thực hiện nghiêm túc, kiên quyết chỉ đạo việc sắp xếp các ĐVCH cấp huyện, cấp xã có cả 02 tiêu chuẩn dưới 50% để sắp xếp lại. Vì vậy, việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2022 – 2025, đề nghị Trung ương cho phép tỉnh Cao Bằng giữ nguyên tổ chức các ĐVHC cấp huyện, cấp xã như hiện nay, do giai đoạn 1 Cao Bằng đã sắp xếp khá nhiều ĐVHC cấp huyện, xã cần có lộ trình để giải quyết nhiều vấn đề như thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức đôi dư; xử lý tài sản công của các đơn vị hành chính sau sắp xếp....

- Đề nghị tiếp tục cân đối ngân sách, cấp kinh phí để đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã theo lộ trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cơ sở, đường giao thông nông thôn, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất cho Nhân dân khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

- Kéo dài thời gian thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các ĐVHC như trước khi sắp xếp để động viên, khuyến khích tinh thần và vật chất cho Nhân dân khu vực sáp nhập, đồng thời tạo điều kiện đầu tư hạ tầng cơ sở phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt của Nhân dân (kéo dài khoảng 5 năm).

- Điều chỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC tỉnh, huyện, xã vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn do địa hình chủ yếu là núi cao, bị chia cắt, giao thông không thuận lợi, dân cư sống rải rác nên ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý dân cư và hành chính, nhất là vùng sâu, vùng xa.

20. UBND tỉnh Thanh Hóa

Tham luận về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Nghị quyết của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; năm 2019, Sở Nội vụ Thanh Hóa đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng đề án, thực hiện quy trình, thủ tục, báo cáo Bộ Nội vụ, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786 ngày 16/10/2019, sắp xếp 143 ĐVHC cấp xã thành 67 đơn vị, giảm 76 đơn vị.

UBND tỉnh Thanh Hóa tham luận về những kết quả và kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tình hình triển khai, tổ chức thực hiện

a) Về công tác quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện: Ngay sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chỉ thị; xây dựng kế hoạch, phân công thành viên Ban chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; tổ chức thông tin, tuyên truyền; rà soát, thống kê, kiểm kê, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, các điều kiện cần thiết, khắc các loại con dấu mới...

b) Về công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy ở cấp xã:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các hướng dẫn về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính mới; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn liên quan đến việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy⁴⁸. Theo đó, đến ngày 01/12/2019, tất cả các đơn vị hành chính mới đều đã hoàn thành việc kiện toàn, tổ chức bộ máy và chính thức hoạt động, đảm bảo sự thông suốt, liên tục trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, điều hành, quản lý của chính quyền cơ sở. Đồng thời với kiện toàn bộ máy trong hệ thống chính trị, đến nay tỉnh cũng đã hoàn thành việc sáp nhập 143 trạm y tế thành 67 trạm, quyết định hợp nhất, sáp nhập 458 hội thành 214 hội (giảm 244 hội), thành lập mới 05 hội, giải thể 01 hội và đổi tên 242 hội cho phù hợp với tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp.

Có thể nói, do là địa phương tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm nhất cả nước, các đơn vị hành chính mới của tỉnh có nhiều thuận lợi để chuẩn bị cho đại hội đảng bộ ở cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025; cán bộ, đảng viên, nhân dân có nhiều thời gian để ổn định, tìm hiểu, hòa nhập, đồng thuận và thống nhất trong tổ chức thực hiện. Đến nay, công tác tổ chức đại hội Đảng bộ, bầu

⁴⁸ Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 02/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh; Hướng dẫn số 122/HĐ-MTTQ-BTT ngày 24/6/2019 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Hướng dẫn số 45-HĐ/TĐTN-TCKT ngày 24/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Hướng dẫn số 397-HĐ/HLHPN ngày 06/6/2019 của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Hướng dẫn số 187-HĐ/HNDT ngày 20/5/2019 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh; Hướng dẫn số 40-HĐ/CCB ngày 20/6/2019 của Ban Thường vụ Hội Cựu chiến binh tỉnh; Công văn số 1968/SNV-TCBC ngày 10/10/2019 của Sở Nội vụ

cử đại biểu Hội đồng nhân nhiệm kỳ 2021-2026 ở các đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp đã "thành công mỹ mãn", nhân sự tham gia cấp ủy, chính quyền đều có đủ phẩm chất, uy tín, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, trùng cử với tỷ lệ phiếu cao, đại diện cho các đơn vị trước khi sắp xếp, qua đó góp phần ổn định và tạo thuận lợi cho phát triển của đơn vị hành chính mới

c) Công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

Tại các đơn vị hành chính trước khi thực hiện sắp xếp số lượng cán bộ, công chức cấp xã là 2.842 người⁴⁹, sau khi sắp xếp được bố trí 1.423 người, dôi dư 1.419 người, đến nay đã giải quyết được 944 người dôi dư (nghỉ hưu 195 người; nghỉ tinh giản biên chế 308 người; bố trí sang cơ quan đơn vị khác 441 người), số công chức dôi dư còn lại 475 người, các địa phương đã xây dựng kế hoạch, lộ trình bố trí, sắp xếp, đảm bảo đến năm 2025 số lượng bằng hoặc thấp hơn quy định. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư: Thực hiện thôi việc, chấm dứt hợp đồng 1.523 người, hiện nay đã bố trí đúng số lượng 614 người theo Nghị quyết số 232/2019/NĐ-CP của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đánh giá những kết quả đạt được và một số tồn tại, hạn chế

a) Những kết quả đã đạt được

- Được sự quan tâm của trung ương và đặc biệt là của Bộ Nội vụ, tỉnh Thanh Hóa là địa phương dẫn đầu, hoàn thành xuất sắc vượt mục tiêu đề ra của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và nhập thôn, tổ dân phố (tỉnh đã giảm 12% số đơn vị hành chính cấp xã và 26% số thôn, tổ dân phố);

- Công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, diện tích tự nhiên bình quân mỗi đơn vị đạt 19,9 km² (tăng 2,38 km²), dân số bình quân đạt 6.365 người (tăng 761 người); các đơn vị hành chính cấp xã mới đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Cùng với việc bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, tỉnh đã triển khai bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 34, thực hiện bố trí công an chính quy; qua đó, toàn tỉnh sẽ giảm 2.495 cán bộ, công chức cấp xã; đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành việc bố trí và làm giảm 25.613 người hoạt động không chuyên trách, tiết kiệm ngân sách mỗi năm hàng trăm tỷ đồng.

b) Một số tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh cũng còn những tồn tại, hạn chế đó là: một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của sắp xếp đơn vị hành chính; sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã ảnh hưởng đến phong tục, tập quán, sinh hoạt, sản xuất, các thiết chế văn hóa; phải chuyển đổi nhiều giấy tờ; việc đặt tên gọi, sử

⁴⁹ Cán bộ 1.366 người, công chức 1.476 người

đụng công sở ở đơn vị hành chính mới ở một số địa phương còn gặp khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi sắp xếp lên tới 143 đơn vị, chiếm 22,50% nên tác động đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở, đơn vị sự nghiệp, khó khăn trong bố trí cán bộ, công chức, viên chức.

3. Những bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn thực hiện, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo một số kinh nghiệm để việc sắp xếp đơn vị hành chính được thuận lợi như sau:

(1) Thứ nhất: Công tác sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, hạn chế gây xáo trộn đến đời sống của người dân, sản xuất kinh doanh; quá trình thực hiện, tỉnh đã chỉ đạo đảm bảo an sinh xã hội, chính sách với hộ nghèo, hộ khó khăn tại các địa phương thực hiện sắp xếp, nhất là trong việc thực hiện chính sách đặc thù ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới.

(2) Thứ hai: Phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy đảng; nỗ lực, quyết tâm của chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực của mặt trận và đoàn thể chính trị xã hội; phải phân công trách nhiệm gắn với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức liên quan; cách làm bài bản, chặt chẽ, hiệu quả, phải đề ra thời gian, lộ trình cụ thể để thực hiện.

(3) Thứ ba: Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, chịu trách nhiệm về quyết định của mình; xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng; coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền; kiên trì vận động, thuyết phục nhân dân trong quá trình thực hiện.

Kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc, không để thành điểm nóng, gây chia rẽ trong nhân dân; các đơn thư, khiếu nại, kiến nghị về tên gọi, vị trí công sở... đều được giải quyết, qua đó tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận ủng hộ của cán bộ, đảng viên và cử tri.

(4) Thứ tư: Sắp xếp đơn vị hành chính phải phù hợp với quy hoạch tổng thể, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; tỉnh đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp gắn với phát triển đô thị, qua đó đã thành lập 01 thị trấn, mở rộng 25 thị trấn và 03 phường, góp phần quan trọng nâng cao tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 35% của tỉnh Thanh Hóa.

(5) Thứ năm: Phương án sắp xếp phải căn cứ theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số; đồng thời phải chú trọng cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự xã hội.

(6) Thứ sáu: Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, giải quyết dôi dư phải thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình, khách quan, công khai; lựa chọn những người có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn để tham gia công tác ở đơn vị hành chính mới; đồng thời phải có chế độ chính sách hợp lý cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư và có lộ trình bố trí, sắp xếp đúng số lượng quy định, nhưng cũng phải đảm bảo tính nhân văn để góp phần động viên đội ngũ khi thôi công tác (UBND

tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc do dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính).

4. Một số kiến nghị, đề xuất

a) Sau khi hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa có 559 xã, phường, thị trấn; trong đó có 384 xã, phường, thị trấn thuộc 16 huyện, thị xã, thành phố đồng bằng với trung bình 8,15 km²/đơn vị, 7.200 người/ đơn vị; 175 xã, thị trấn thuộc 11 huyện miền núi với trung bình 45 km²/ đơn vị, 5.300 người/ đơn vị. Từ thực tế nêu trên của tỉnh và qua tham khảo một số địa phương, Sở Nội vụ Thanh Hóa đề xuất một số ý kiến như sau:

- Đề xuất giữ nguyên quy định tiêu chuẩn quy mô dân số của thành phố và thị xã thuộc tỉnh như hiện nay; cụ thể thành phố thuộc tỉnh có quy mô dân số từ 150.000 người trở lên (dự thảo đề xuất 180.000 trở lên); thị xã có quy mô dân số từ 100.000 người trở lên (dự thảo đề xuất 120.000 trở lên).

- Đề xuất sửa đổi theo hướng giảm quy định về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên đối với xã ở khu vực đồng bằng chỉ từ 10–15 km² (quy định hiện nay từ 30 km² là quá cao); đối với thị trấn từ 05–07 km² (quy định hiện nay từ 14 km²).

- Không áp dụng phân loại đô thị đối với nhập đơn vị hành chính nông thôn vào đơn vị hành chính đô thị để khuyến khích việc nhập đơn vị hành chính.

b) Hiện nay, các địa phương vừa hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy sau đại hội Đảng và bầu cử đại biểu HĐND các cấp. Do đó, đề xuất thời gian và lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian tới chia làm 02 giai đoạn thực hiện gồm: (1) Giai đoạn từ năm 2024-2025; (2) Giai đoạn từ năm 2029-2030 nhằm đảm bảo thuận lợi cho việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức gắn với đại hội Đảng bộ ở cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030 và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

c) Đề xuất trung ương nghiên cứu, bổ sung các quy định về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp và trình tự, thủ tục trong giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã.

d) Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV, quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền "Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố"; HĐND cấp xã có thẩm quyền "Thông qua Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố", tuy nhiên lại không quy định thẩm quyền của HĐND cấp huyện.

Để tăng tính chủ động và đảm bảo tính linh hoạt trong việc sắp xếp thôn, tổ dân phố, Sở Nội vụ Thanh Hóa đề xuất bổ sung thẩm quyền của HĐND cấp huyện về "Thông qua Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố" và chuyển thẩm quyền "Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố" của HĐND tỉnh thành thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh (như trước đây)/.

21. UBND tỉnh Hải Dương

Tham luận những bài học kinh nghiệm về tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Trước hết, tỉnh Hải Dương nhất trí cao với báo cáo Tổng kết công tác năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022 của ngành Nội vụ; được sự nhất trí của Ban Tổ chức, tôi xin được tham luận với nội dung “Những bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

Kính thưa các đồng chí!

Tỉnh Hải Dương trước khi thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 02 thành phố trực thuộc và 10 huyện); có 265 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 221 xã, 31 phường và 13 thị trấn).

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021, Nghị quyết số 32/NQ-CP, ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã giai đoạn 2019-2021. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành sớm nhất việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề để triển khai tổ chức đại hội đảng bộ cấp cơ sở và chuẩn bị cho đại hội Đảng cấp trên cơ sở, Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

Với sự quyết tâm cao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; cùng sự vào cuộc của các cấp các ngành trong tỉnh, kết quả: Sau 6 tháng tích cực triển khai kể từ khi Nghị quyết số 653 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực, tỉnh Hải Dương đã hoàn thành việc triển khai, thực hiện về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021. Tỉnh Hải Dương là một trong 02 tỉnh đầu tiên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021. Đã sắp xếp nhập 55 đơn vị hành chính cấp xã để thành lập mới 25 đơn vị (*giảm 30 đơn vị*); toàn tỉnh có 11/12 huyện, thành phố, thị xã có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sáp nhập (*trong đó thành phố Chí Linh là địa phương có 02 đơn vị hành chính cấp xã đầu tiên trong cả nước thực hiện sáp nhập và huyện Ninh Giang là huyện có nhiều xã sáp nhập nhất: có 14/28 xã trong huyện phải thực hiện sáp nhập*).

Ngay sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14, tỉnh Hải Dương đã xây dựng Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện để tất cả đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập đi vào hoạt động bắt đầu từ ngày **01/12/2019**:

- Tỉnh đã chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, MTTQ và các đoàn thể tỉnh hướng dẫn kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể của đơn vị hành chính mới theo đúng quy định; hướng dẫn cấp huyện chỉ đạo cấp xã kiện toàn, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách của đơn vị hành chính mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới, đồng loạt trong tỉnh tiến hành tổ chức Kỳ họp thứ nhất vào sáng ngày 01/12/2019 để kiện toàn các chức danh HĐND và UBND cấp xã. Sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đã ổn định và đi vào hoạt động tương đối hiệu quả. Kết quả, Tỉnh đã thực hiện việc sắp xếp giảm được 60 đầu mối cơ quan khối hành chính (HĐND, UBND) và 180 đầu mối cơ quan khối Đảng, đoàn thể cấp xã.

- Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính xã sau sắp xếp, có 437 cán bộ, công chức dôi dư theo quy định. Tỉnh cũng đã có hướng dẫn cụ thể việc sắp xếp các chức danh cán bộ, điều động luân chuyển, giải quyết chế độ chính sách theo quy định của Trung ương. Đồng thời, HĐND tỉnh cũng ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ngoài quy định của Trung ương. Toàn tỉnh đã sắp xếp, giải quyết giảm 283 người (*trong đó, 213 người được giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc nghỉ hưu trước tuổi theo chế độ tinh giản biên chế; 07 người đủ điều kiện được tuyển dụng thành công chức cấp tỉnh, cấp huyện; 63 người được điều chuyển sang các xã còn thiếu vị trí chức danh công chức phù hợp*). Hiện nay, còn 154 cán bộ công chức tiếp tục bố trí làm cấp phó các đoàn thể và các chức danh công chức theo phương án sắp xếp của Đề án, tỉnh đã có phương án giải quyết trước năm 2024 sẽ đảm bảo đúng số lượng quy định theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư, tỉnh Hải Dương cũng tiến hành sắp xếp các chức danh kiêm nhiệm; đồng thời, có chính sách hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Do đó, đến nay số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố của Hải Dương bố trí thấp hơn số lượng quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

- Tỉnh đã chỉ đạo, thống nhất việc đổi tên các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các thôn, tổ dân phố; khắc dấu mới ở đơn vị hành chính mới được thành lập; đồng thời, tiến hành chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức và công dân phù hợp với tên của đơn vị hành chính mới; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

- Chỉ đạo xây dựng Đề án và tiến hành sắp xếp hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập (các trạm y tế xã và các trường học cùng cấp) thuộc địa bàn đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp trên cơ sở nhập đơn vị hành chính cũ; từng bước sắp xếp, bố trí và sử dụng trụ sở làm việc; công trình công cộng, gắn với quy hoạch phát triển nông thôn mới.

Sau khi thực hiện Nghị quyết của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính, nhìn chung các đơn vị hành chính mới được thành lập đi vào hoạt động hiệu quả; cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị ở cơ sở sớm được kiện toàn; tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội tiếp tục được phát triển. Đến nay, 100% các huyện, thành phố, thị xã của Hải Dương đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tuy

nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện tỉnh Hải Dương cũng gặp không ít khó khăn đó là:

Thứ nhất, trong những năm gần đây, các địa phương đang đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới nên hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại. Sau khi sáp nhập xã phải có phương án bố trí sử dụng cho hợp lý để không dư thừa, lãng phí, đảm bảo thuận lợi cho cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

Thứ hai, việc sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách còn gặp khó khăn, nhất là ở những nơi có 03 xã sáp nhập thành 01 xã. Do dồn ghép nên một số cán bộ, công chức tại các địa phương, trước mắt có thể chưa được bố trí đúng nguyện vọng hoặc sở trường nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tâm lý của cán bộ, công chức và hiệu quả công việc.

Thứ ba, do dư luận, tư tưởng làng xã, phong tục tập quán, dòng họ, nếp sống, tôn giáo ở mỗi địa phương khác nhau nên gây khó khăn không nhỏ tới việc triển khai thực hiện.

Thứ tư, việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã vào thời điểm cuối năm 2019 đầu năm 2020, là thời điểm cấp xã đang chuẩn bị cho nhân sự đại hội đảng bộ cấp cơ sở, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Do đó, các địa phương còn lúng túng trong việc lựa chọn, bố trí số lượng, phương án nhân sự của cấp ủy khóa mới, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt.

Thưa toàn thể Hội nghị !

Trong quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Hải Dương đã rút ra một số bài học kinh nghiệm, tại Hội nghị này xin phép được trao đổi để các đồng chí tham gia thảo luận đó là:

Một là, cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở phải có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của UBTWQH và Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; có sự tập trung lãnh đạo và quyết liệt, đồng bộ, thận trọng, từng bước triển khai theo hướng dẫn của Trung ương. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải sát sao, thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện từ khâu khảo sát, lập phương án, xây dựng Đề án; tổ chức lấy ý kiến của cử tri, tổ chức thông qua HĐND các cấp và hoàn thiện hồ sơ, đề án để trình Trung ương phê duyệt...

Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, triển khai các bước được thuận lợi, từ việc xây dựng phương án, lấy ý kiến của nhân dân, tổ chức thông qua HĐND các cấp, nhất là Hội đồng nhân dân cấp xã, nơi trực tiếp triển khai, tổ chức thực hiện.

Ba là, có sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc, thẩm định, ủng hộ của các bộ, ngành Trung ương mà trước hết là Bộ nội vụ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội và các bộ ngành

liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của UBTVQH và Nghị quyết của Chính phủ ở mỗi địa phương.

Bốn là, cần phải nghiên cứu ban hành chính sách riêng để hỗ trợ cấp huyện, cấp xã khi triển khai thực hiện phù hợp với chính sách của Trung ương và thực tiễn tại địa phương, nhất là chính sách hỗ trợ việc sắp xếp, giải quyết tinh gọn bộ máy cán bộ, công chức dôi dư đối với những xã thuộc diện sáp nhập; đồng thời, có quy định cụ thể để hướng dẫn cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã thống nhất trong việc sắp xếp các chức danh cán bộ, công chức xã sau khi sắp xếp ở đơn vị hành chính mới được thành lập.

Năm là, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan; đồng thời quan tâm hỗ trợ các xã có nhiều khó khăn về nguồn thu ngân sách xã khi phải thực hiện sáp nhập, đặc biệt quan tâm xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân.

Kính thưa các đồng chí!

Do hoàn thành sớm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021, nên tỉnh Hải Dương chủ động công tác nhân sự tổ chức thành công đại hội Đảng cấp cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Trong thời gian tới, để việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, tỉnh Hải Dương xin đề xuất kiến nghị một số nội dung như sau:

1. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ: sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính cho phù hợp với đặc điểm vùng, miền cũng như đặc điểm kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở từng khu vực, vùng miền khác nhau. Cụ thể, do đặc điểm tự nhiên của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực đồng bằng thường có quy mô diện tích nhỏ, nên việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo tiêu chí về dân số và diện tích của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 sẽ gây xáo trộn đến hầu hết các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh nói chung. Do vậy, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chí của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương và đồng thời phù hợp với quy hoạch chung tổng thể của Nghị quyết, ngoài các tiêu chuẩn về diện tích, dân số cần quy định thêm các yếu tố đặc thù như về lịch sử, truyền thống, văn hóa, tôn giáo.v.v.

2. Về thời gian và lộ trình thực hiện trong thời gian tới: Từ năm 2022 - 2030, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2019 - 2021, cần xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, cụ thể:

- Đối với những đơn vị hành chính đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 nhưng vẫn chưa bảo đảm tiêu chuẩn thì tạm thời không thực hiện sắp xếp ở giai đoạn 2022-2030.

- Nên chia lộ trình thực hiện sắp xếp đối với những đơn vị hành chính chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định cụ thể:

+ Giai đoạn 1 (2022-2026): Nên sắp xếp đối với những đơn vị hành chính cấp xã có một trong hai tiêu chuẩn dân số hoặc diện tích một tiêu chuẩn dưới 50%, một tiêu chuẩn đạt 100% trở lên.

+ Giai đoạn 2 (2026-2030): Nên sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện không đủ tiêu chuẩn theo quy định, và các đơn vị hành chính cấp xã có một trong hai tiêu chuẩn dân số hoặc diện tích một tiêu chuẩn dưới 50%, một tiêu chuẩn từ 50% đến 100%.

Trên đây là báo cáo tham luận của tỉnh Hải Dương về kết quả đạt được và những kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, UBTVQH về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021./.

22. UBND tỉnh Lào Cai

Tham luận “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai”

1. Tổng quan về tỉnh Lào Cai

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, diện tích tự nhiên 6.383,88km²; cơ quan hành chính cấp tỉnh có 17 sở, ban, ngành, 01 ban Quản lý Khu kinh tế, 01 Văn phòng UBND tỉnh, 01 Văn phòng HĐND tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp huyện có 07 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố thuộc tỉnh; cấp xã có 152 xã, phường, thị trấn (127 xã, 9 thị trấn và 16 phường). Phía Bắc có biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với chiều dài đường biên 182,086km, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu. Dân số toàn tỉnh trên 73,04 vạn người, với 25 dân tộc, trong đó 66,2% là đồng bào dân tộc thiểu số.

Khu vực biên giới của tỉnh gồm có 26 xã, phường, thị trấn (03 phường, 03 thị trấn và 20 xã) thuộc các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Bảo Thắng và Thành phố Lào Cai.

Khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai tuy có các đặc thù riêng biệt về dân số, dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội, song điểm chung nhất là hầu hết bị chia cắt mạnh bởi núi cao, vực sâu, sông suối, địa hình hiểm trở và là nơi cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Mỗi địa phương đều có cửa khẩu quốc gia hoặc cửa khẩu tiểu ngạch, đường mòn, lối mở với nước bạn Trung Quốc. Đây vừa là cơ hội trong phát triển về kinh tế, thương mại, văn hóa, du lịch, song đồng thời là thách thức không nhỏ đối với vấn đề quản lý phát sinh qua các hoạt động trao đổi, giao thương giữa các địa phương của hai nước Việt - Trung, đặc biệt là vấn đề quốc phòng - an ninh, đòi hỏi cần có chiến lược về xây dựng và phát triển lực lượng cán bộ, công chức ở cấp xã phù hợp với yêu cầu công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tình hình đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai

Hầu hết các xã biên giới của tỉnh Lào Cai có địa bàn rộng, đường biên giới dài (trung bình 7km/xã) địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh bởi các núi cao, khe suối. Vì vậy khu vực này là trọng điểm về công tác an ninh - quốc phòng, chính quyền cơ sở ở đây có vai trò vô cùng quan trọng trong việc giữ gìn an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới chưa được tăng cường thêm về số lượng, chất lượng đội ngũ còn nhiều bất cập, thường thấp hơn so với mặt bằng chung của tỉnh. Mặt khác, ngoài chủ trương đưa bộ đội biên phòng về tham gia Đảng ủy xã thì từ Trung ương tới địa phương chưa có chính sách riêng về bố trí sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhằm tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các xã, thị trấn, phường khu vực biên giới.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã biên giới của tỉnh Lào Cai có 598 người (271 cán bộ và 327 công chức), trong đó: nữ có 189 người, chiếm 31,6%; đảng viên có 486 người, chiếm 81,3%; dân tộc thiểu số có 339 người, chiếm 56,7%.

Chia theo tuổi đời: có 84 người có tuổi đời từ 30 tuổi trở xuống, chiếm 14%, có 324 người trong độ tuổi từ 31 đến dưới 40 tuổi, chiếm 54,2%, có 152 người ở vào độ tuổi từ 41 đến 50, chiếm 25,4% và có 38 người có tuổi đời từ 51 đến 60%, chiếm 6,35%.

Trong giai đoạn 2016-2020, Tỉnh Lào Cai luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở các xã khu vực biên giới. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã đạt các tiêu chuẩn quy định. Kết quả trong 5 năm (2016 - 2020) Tỉnh Lào Cai đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho 2300 lượt cán bộ, công chức. Trong đó, đào tạo chuyên môn trình độ đại học cho 136 người; đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho 78 người; Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho 239 người; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tin học cơ bản cho 263 người; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho 87 người. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm cho trên 1500 lượt cán bộ, công chức.

Đến nay, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai đã cơ bản đạt các tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Cụ thể:

- Về chuyên môn: 99% đạt tiêu chuẩn quy định. Trong đó, thạc sĩ có 01 người, chiếm 0,17%; đại học có 448 người, chiếm 74,9%, cao đẳng có 37 người, chiếm 6,19%, trung cấp có 111 người, chiếm 18,6%, sơ cấp có 01 người, chiếm 0,17%.

- Về trình độ lý luận chính trị: 100% đạt tiêu chuẩn quy định. Trong đó, cao cấp có 18 người, chiếm 3,01%, trung cấp có 315 người, chiếm 52,7%, sơ cấp có 253 người, chiếm 42,3%.

- Về kiến thức QLNN: 90% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kiến thức QLNN theo ngạch công chức và theo từng chức danh. Trong đó, có 02 người được bồi dưỡng chương trình chuyên viên chính, chiếm 0,33%, có 267 người được bồi dưỡng chương trình chuyên viên, chiếm 44,6%, 429 người được bồi dưỡng kiến thức QLNN theo chức danh.

- Về các kiến thức bổ trợ: có 08 người có trình độ trung cấp tin học, chiếm 1,34%, 533 người có chứng chỉ tin học văn phòng, chiếm 89,1%; về trình độ ngoại ngữ có 148 người có chứng chỉ tiếng Anh trình độ theo các trình độ A, B, C; về tiếng dân tộc thiểu số: có 236 người có chứng chỉ tiếng dân tộc Mông.

Tuy nhiên, giai đoạn vừa qua việc đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện chung cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong toàn tỉnh mà chưa có đề án, kế hoạch riêng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới. Do vậy một số kiến thức, kỹ năng rất cần thiết, phù hợp với những đặc thù riêng của cán bộ, công chức xã biên giới chưa được tổ chức bồi dưỡng

3. Mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức khu vực biên giới giai đoạn 2022-2025

a) Phương hướng, mục tiêu

Giai đoạn 2022 – 2025, được sự quan tâm, tạo điều kiện của Bộ Nội vụ, Tỉnh Lào Cai đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng, kế hoạch đào tạo,

bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Với quan điểm CBCC thiếu kiến thức gì bồi dưỡng kiến thức đó, yếu kỹ năng gì bồi dưỡng kỹ năng đó. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt các chỉ tiêu sau:

-100% cán bộ, công chức cấp xã đạt các tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác. Trong đó có 15% CBCC có trình độ trên chuẩn

- Hàng năm, 100% cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo chức danh, vị trí việc làm; được bồi dưỡng các kiến thức đặc thù đối với khu vực biên giới.

b) Nội dung, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng

Cụ thể tập trung vào các nội dung bồi dưỡng sau:

- Kiến thức về quản lý, phát triển nông nghiệp, nông thôn khu vực biên giới;
- Kiến thức an ninh, quốc phòng;
- Kiến thức, kỹ năng về phòng chống mua bán phụ nữ, trẻ em;
- Kiến thức về quản lý, phát triển kinh tế, thương mại khu vực biên giới;
- Kiến thức về quản lý, phát triển văn hóa - xã hội khu vực biên giới;
- Kỹ năng tiếp công dân; Kỹ năng giải quyết xung đột, giải quyết khiếu nại, tố cáo
- Ngoại ngữ của nước giáp biên (tiếng Trung Quốc;

c) Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức khu vực biên giới

- Thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đồng thời xây dựng kế hoạch, lộ trình bồi dưỡng đối với từng cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới;

- Xây dựng, ban hành quy định khuyến khích, hỗ trợ để tạo động lực cho cán bộ, công chức tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực; giải quyết chính sách tinh giản biên chế để sàng lọc những cán bộ, công chức không đạt chuẩn theo chức danh, năng lực công tác yếu kém;

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức xã khu vực biên giới cần linh hoạt trong việc lựa chọn địa điểm, hình thức đảm bảo thuận lợi nhất cho cán bộ, công chức tham gia học tập.

- Lồng ghép các chương trình, đề án của địa phương để tập trung nguồn lực thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã khu vực biên giới.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo nhu cầu của cán bộ, công chức đảm bảo chất lượng.

Nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy phải phù hợp với từng đối tượng CBCC cấp xã; thiết kế theo hướng mở (theo các modul, tùy chọn) để các địa phương lựa chọn vận dụng phù hợp với đối tượng; tăng cường tính thực hành qua việc xử lý các tình huống quản lý;

- Lựa chọn một số nội dung bồi dưỡng phù hợp để sử dụng hình thức bồi dưỡng trực tuyến (hệ thống bài giảng E-Learning). Việc sử dụng các hình thức học tập phong phú, kết hợp phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp sẽ tiết kiệm chi phí đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức tham gia học tập mọi nơi, mọi lúc, nâng cao hiệu quả bồi dưỡng.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Triển khai tập huấn cho giảng viên các địa phương để sử dụng bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho cán bộ, công chức cấp xã do Bộ Nội vụ ban hành; thường xuyên cung cấp bổ sung, cập nhật những kiến thức mới cho những năm tiếp theo.

TÓM TẮT MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Thực hiện Kế hoạch Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tại chỗ, tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới (Kèm theo Quyết định số 438/QĐ-BNV ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ), Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai đã tiến hành cuộc điều tra, khảo sát thực trạng, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới tỉnh Lào Cai.

Sau đây là một số kết quả nổi bật của cuộc điều tra, khảo sát:

1. Về năng lực công tác: Trên 90% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng năng lực công tác đáp yêu cầu công việc ở mức độ phù hợp và đáp ứng tốt yêu cầu của vị trí công tác và chỉ có khoảng trên 3% cho tự đánh giá năng lực ở mức tương đối phù hợp.

2. Có 64% cán bộ, công chức được khảo sát đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã trong thời gian qua đã đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương.

3. 74% cán bộ, công chức được khảo sát nhận định nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng trong cán bộ, công chức cấp xã nơi đang công tác hiện nay ở mức độ cao.

4. 100% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng: Địa phương đáp ứng đủ điều kiện để tổ chức tại chỗ các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trên tinh thần là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ, công chức cấp xã tham gia, không phải di chuyển quá xa.

5. 100% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng: Địa phương đáp ứng đủ điều kiện để tổ chức tại chỗ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng: sơ cấp chính trị; trung cấp chính trị; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quốc phòng - an ninh; kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ công tác đảng, mặt trận, đoàn thể; kỹ năng lãnh đạo, điều hành; đạo đức công vụ..., tiếng dân tộc thiểu số, công nghệ thông tin trên tinh thần là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ, công

chức cấp xã tham gia, không phải di chuyển quá xa trong quá trình tham gia bồi dưỡng.

6. 100% và 97,5% cán bộ, công chức được khảo sát lần lượt cho rằng Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Chính trị các huyện, thành phố, thị xã có khả năng triển khai các chương trình đã lựa chọn ở trên theo mục tiêu tại chỗ.

7. Có 63,7% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng bản thân cần phải được bồi dưỡng tăng cường thêm các kiến thức, kỹ năng khác như: kiến thức về quản lý, phát triển nông nghiệp, nông thôn khu vực biên giới. Từ góc độ các nhà quản lý thì phần lớn các CBCCVC quản lý tham gia khảo sát cho rằng nhóm kiến thức, kỹ năng cần tăng cường bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho CBCC xã biên giới, đó là: Kiến thức an ninh, quốc phòng; kiến thức về quản lý, phát triển nông nghiệp, nông thôn khu vực biên giới; kiến thức về quản lý, phát triển văn hóa - xã hội khu vực biên giới; kiến thức, kỹ năng về phòng chống mua bán phụ nữ, trẻ em.

8. 100% cán bộ, công chức, viên chức quản lý được khảo sát cho rằng trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức cấp xã biên giới giai đoạn 2021 - 2025 cần đạt là trình độ đại học.

9. Có 87,6% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng nếu được cử đi đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ thì mong muốn được đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học (tại chức); 90% CBCCVC quản lý được khảo sát cho rằng hình thức đào tạo phù hợp với đối tượng cán bộ, công chức cấp xã biên giới là vừa làm vừa học (tại chức), 10% CBCCVC còn lại cho rằng hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp là đào tạo, bồi dưỡng từ xa.

10. Có 85% CBCCVC quản lý được khảo sát cho rằng hình thức đào tạo, bồi dưỡng không tập trung (vừa làm vừa học) là hình thức phù hợp để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, bên cạnh đó có 15% CBCCVC quản lý cho rằng hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung về lý luận chính trị là phù hợp với đối tượng cán bộ, công chức cấp xã biên giới hiện nay.

11. Về địa điểm tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng theo chuyên đề như quản lý nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kỹ năng thuyết trình và các chương trình bồi dưỡng tăng cường khác: Có từ 54 - 76% CBCCVC quản lý được khảo sát cho rằng địa điểm hợp lý để tổ chức các khóa bồi dưỡng phù hợp cho đối tượng cán bộ, công chức cấp xã biên giới là tại trung tâm huyện và trung tâm tỉnh; 16% CBCCVC quản lý cho rằng nên áp dụng hình thức bồi dưỡng trực tuyến cho cán bộ, công chức cấp xã biên giới.

12. Có 98,7% và 100% cán bộ, công chức được khảo sát lần lượt cho rằng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức xã vùng biên giới cần phải căn cứ vào các tiêu chí: Vị trí chức danh đang đảm nhận/Tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo và đặc thù công tác của cán bộ, công chức xã biên giới.

13. 87,5% cán bộ, công chức được khảo sát trả lời: Địa phương có thực hiện chính sách thu hút trí thức trẻ về công tác. 84% CBCCVC quản lý cho rằng chính sách thu hút nguồn nhân lực trẻ có trình độ (trí thức trẻ) về tăng cường cho xã nghèo,

xã biên giới, vùng sâu, vùng xa trong thời gian qua có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14. Lần lượt có 97,3% và 95,2% cán bộ, công chức được khảo sát mong muốn các tri thức trẻ sẽ về địa phương để tham gia vào các lĩnh vực và hoạt động như: góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ y tế và góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ giáo dục.

15. Về giải pháp để tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới: lần lượt có 95,3% và 91,1% cán bộ, công chức được khảo sát cho rằng: Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút tri thức trẻ, kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương và tuyên truyền, động viên thanh niên của địa phương đi học cao đẳng, đại học, sau khi tốt nghiệp quay về quê hương lập nghiệp là các giải pháp có tính bền vững và hiệu quả./.

23. UBND tỉnh Yên Bái

Tham luận về kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2021; một số giải pháp, kiến nghị, đề xuất.

Kính thưa hội nghị!

Được sự cho phép của ban tổ chức hội nghị, rất vinh dự đối với tỉnh Yên Bái được ban tổ chức cho phép phát biểu tham luận. Trước tiên tôi hoàn toàn nhất trí với báo công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021 do đồng chí vừa trình bày. Để làm rõ hơn về kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thay mặt lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tôi xin được báo cáo kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2021 và một số kiến nghị, giải pháp.

Thưa toàn thể hội nghị!

Yên Bái là một tỉnh miền núi vùng Tây Bắc, tổng diện tích tự nhiên 6.899 km²; dân số trên 80 vạn người; có 30 dân tộc cùng chung sống. Tỉnh có 09 huyện, thị xã, thành phố (02 huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải, nằm trong 85 huyện nghèo, đặc biệt khó khăn của cả nước, có trên 80% dân số là đồng bào Mông), có 173 xã, phường, thị trấn, trong đó 70 xã vùng cao, 63 xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

Về hoạt động tôn giáo hiện có 03 tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đó là: Công giáo, Phật giáo, Tin Lành và nhiều loại hình tín ngưỡng. Toàn tỉnh có 78.166 tín đồ tại 143/173 xã, phường, thị trấn, chiếm khoảng 9% dân số; có 177 tổ chức tôn giáo trực thuộc và cơ sở tôn giáo (có 140 tổ chức, cơ sở tôn giáo đã được chính quyền công nhận), 88 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (chính quyền đã chấp thuận 33 điểm nhóm sinh hoạt); có 364 cơ sở tín ngưỡng, trong đó 117 cơ sở có yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (có 59 cơ sở đã được công nhận là di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia và cấp tỉnh), 247 cơ sở mang yếu tố khác.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong những những năm qua tỉnh Yên Bái đã thực hiện tốt quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; các tổ chức tôn giáo, gắn bó, hòa hợp “sống tốt đời, đẹp đạo”, yên tâm, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các phong trào “ích nước, lợi dân”, phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; những hành vi lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người khác đã được kiểm chế và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Thưa toàn thể hội nghị!

Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật liên quan đến những kiến nghị, đề nghị của tổ chức, cá nhân các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Qua đó đã cơ bản giải quyết và đáp ứng kịp thời nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo theo

đúng chính sách, pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể về một số nội dung như sau:

- Về công tác chỉ đạo, điều hành: Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy Yên Bái để triển khai xuống cơ sở bằng các văn bản cụ thể như: Kế hoạch công tác đối với đạo Tin Lành giai đoạn 2021-2030; Văn bản triển khai Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong tình hình mới; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có nội dung liên quan đến đất tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý nhà nước: Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể và cơ quan liên quan đi thăm, tặng quà tổ chức, chức sắc, chức việc các tổ chức tôn giáo nhân dịp lễ lớn của tổ chức tôn giáo như: Lễ Noel, Phục sinh của đạo Công giáo, Tin Lành; lễ Phật đản, An cư kiết hạ của Phật giáo năm 2021. Chấp thuận đề nghị của Ban Bác ái xã hội - Caritas Hưng Hóa về việc tổ chức hoạt động mở mắt miễn phí tại huyện Văn Yên; chấp thuận chia, tách Giáo xứ An Thịnh và thành lập mới Giáo xứ Tân Hợp, huyện Văn Yên; thẩm định hồ sơ, tiếp nhận thông báo chuyển hoạt động tôn giáo đến tỉnh đối với 11 chức sắc, nhà tu hành; chấp thuận đăng ký bổ nhiệm đối với 07 chức sắc; đồng ý chủ trương tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh Đền Cửa Ngòi, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, Chùa Tùng Lâm thành phố Yên Bái, đền Quy Mông, xã Quy Mông, đền Thác Thủ, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên; Đền Cửa Ngòi, xã Đại Minh, huyện Yên Bình; mở rộng khuôn viên Chùa Trúc Lâm Thiên Phú xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ.

- Công tác nhà đất: Thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 tổ chức tôn giáo trực thuộc của đạo Công giáo (*giáo họ Háng Chi Mua, huyện Trạm Tấu; các giáo họ: Minh Xuân, Khánh Thiện, Tân Lĩnh huyện Lục Yên; giáo xứ Bảo Ái, huyện Yên Bình*). Xem xét giải quyết các nội dung đề nghị của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Yên Bái về việc công nhận tổ chức tôn giáo trực thuộc và đất đai, xây dựng tại một số cơ sở Phật giáo;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, tuyên truyền việc chấp hành các biện pháp trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại các cơ sở thờ tự và tổ chức tôn giáo trên địa bàn; kiểm tra tại 15 chùa và 12 giáo xứ; vận động chức sắc, tín đồ tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ

2021- 2026 tại địa phương. Tái bản cuốn sách “Một số văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo” cấp phát đến cấp xã và cơ sở tôn giáo.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo: Cấp tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền pháp luật về tôn giáo thuộc Đề án hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo năm 2021 cho 163 học viên; cấp huyện tổ chức 03 lớp bồi dưỡng cho 390 học viên về pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo cho các đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo tại các xã, phường, thị trấn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ, phối hợp với các sở, ngành có liên quan đã tổ chức 05 đợt kiểm tra việc thi hành pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo tại 9/9 huyện thị xã, thành phố và các tổ chức tôn giáo trực thuộc, nội dung kiểm tra tập trung vào việc quản lý và sử dụng đất tôn giáo, xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo, chuyển chức sắc, nhà tu hành, hoạt động lễ nghi tôn giáo... tập trung đánh giá những tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo kết hợp tư vấn, tháo gỡ, xem xét giải quyết những phát sinh tại cơ sở.

Đánh giá chung: Nhìn chung, tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2021 cơ bản ổn định, không có điểm nóng, vụ việc phức tạp xảy ra; công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các tổ chức, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh được bảo đảm, tuân thủ theo đúng quy định; hoạt động tôn giáo của tổ chức, chức sắc các tôn giáo thuần túy, tuân thủ pháp luật, tín đồ các tôn giáo yên tâm lao động sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, tham gia tích cực vào chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã được cấp ủy, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, chỉ đạo giải quyết kịp thời những đề nghị, kiến nghị và những phát sinh về tín ngưỡng, tôn giáo, không để tình trạng tồn đọng, kéo dài; hoạt động, sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ được tạo điều kiện thuận lợi; nhu cầu chính đáng của tổ chức, chức sắc, tín đồ các tôn giáo được hướng dẫn, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thừa toàn thể hội nghị!

Để đạt được những kết quả như trên, năm 2021 tỉnh Yên Bái đã tập trung vào một số giải pháp cơ bản như sau:

1) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh; nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi tín đồ tôn giáo trong việc giữ gìn, bảo vệ, phát huy những giá trị đạo đức văn hóa trong xã hội; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

2) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, tập trung giải quyết về lĩnh vực đất đai, xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thống kê, rà soát, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy

định của pháp luật để từ đó có hướng quy hoạch sử dụng đất tín ngưỡng, tôn giáo hiệu quả, đúng mục đích và thuận lợi cho công tác quản lý.

3) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo như: Thành lập, chia tách tổ chức; chuyển chức sắc; phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc; đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung,... tăng cường công tác quản lý nhà nước về lễ hội; hướng dẫn tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia xã hội hóa giáo dục, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, khám chữa bệnh, dạy nghề...

4) Tăng cường gặp mặt, đối thoại với tổ chức, chức sắc các tôn giáo nhất là người đứng đầu tổ chức tranh thủ sự đồng thuận của chức sắc trong việc vận động tín đồ sống “Tốt đời, đẹp đạo”, sử dụng triệt để các yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, vừa tranh thủ, vừa đấu tranh khi giải quyết các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, lấy tranh thủ là chính góp phần giải quyết phần lớn sự việc, vụ việc tôn giáo ngay từ cơ sở.

5) Kiện toàn bộ máy và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở; bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng, kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đối với chức sắc, chức việc, tín đồ các tổ chức tôn giáo.

6) Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Mặt trận và các đoàn thể tăng cường công tác vận động đoàn viên, hội viên, chức sắc, tín đồ các tổ chức tôn giáo tham gia thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước ở từng cơ sở, từng địa phương.

7) Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, trong đó chú trọng vùng đồng bào có đạo; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ các tín đồ và chức sắc tôn giáo nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động ngăn ngừa, đấu tranh, vô hiệu hoá sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

8) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, không để xảy ra hiện tượng “Nhờn luật” ở cả phía chính quyền và cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

* Kính thưa hội nghị!

Để hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng hoàn thiện, dễ áp dụng trong cuộc sống, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái có một số kiến nghị, đề xuất:

1) Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo liên quan đến đất đai, xây dựng công trình tôn giáo, nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các luật có liên quan như Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Di sản văn hoá.

2) Có quy định chi tiết về thẩm quyền quản lý trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng không nằm trong di tích lịch sử văn hóa các cấp và việc công nhận hoạt động tín ngưỡng trong cộng đồng.

3) Xem xét sớm ban hành văn bản pháp luật quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

4) Về công tác tổ chức, bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo: Bố trí, tăng cường biên chế công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại cấp tỉnh, cấp huyện để đáp ứng với nhiệm vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới; đặc biệt quan tâm xem xét bố trí biên chế công chức chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại cấp xã nơi có đông tín đồ tôn giáo.

5) Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo:

- Bố trí nguồn ngân sách dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức các cấp làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo một cách có hệ thống để nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới.

- Nâng định mức kinh phí cấp hàng năm cho công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và kinh phí đặc thù phục vụ cho việc thăm hỏi đối với chức sắc, chức việc tôn giáo và xây dựng lực lượng cốt cán cơ sở theo Quyết định 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam.

Kính thưa toàn thể hội nghị!

Thay mặt cho Ủy ban nhân tỉnh Yên Bái tôi đã trình bày một số nội dung cơ bản về kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021 của địa phương, một số giải pháp, kiến nghị, đề xuất về công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong thời gian tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đã quan tâm, lắng nghe!

NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ

I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Câu 1. Đề nghị Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành sớm ban hành Thông tư (1) hướng dẫn Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; (2) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc; (3) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực (Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp, Tư pháp...)? *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Phước, Tây Ninh, Đắk Nông, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Cần Thơ, Bạc Liêu)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ

Hiện nay, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đang triển khai xây dựng Thông tư: (1) Hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Đến nay, đã có 09/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ⁵⁰ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của địa phương và trong thời gian tới tiếp tục đôn đốc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm ban hành các văn bản theo nhiệm vụ được giao tại các Nghị định, làm cơ sở cho các địa phương thực hiện.

2. Về ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ

- Hiện nay, các Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chủ trì quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (trong đó có Bộ Nội vụ) đang triển khai xây dựng Thông tư hướng dẫn về: (1) Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; (2) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Mặt khác, Bộ Nội vụ đang triển khai xây dựng Thông tư hướng dẫn về: (1) Cơ cấu ngạch

⁵⁰ Gồm các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao và Ủy ban Dân tộc.

công chức; (2) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính; (3) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương tại Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 về việc hoàn thiện vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức, hiện nay các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đang rà soát, tổng hợp vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức của ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị xem xét, quyết định.

Sau khi danh mục vị trí việc làm của hệ thống chính trị được Ban Chỉ đạo phê duyệt, các Bộ, cơ quan ngang Bộ sẽ ban hành các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

3. Về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực (Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp...)

Theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương rà soát, kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 2. Kiến nghị Chính phủ quan tâm, tổng kết, đánh giá đối với các mô hình thực hiện thí điểm hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn (hoặc tham mưu) thuộc UBND có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp tỉnh, cấp huyện; trên cơ sở đó quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức đảm bảo đồng bộ giữa chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước để triển khai thực hiện thống nhất trên toàn quốc? **(Phú Yên)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Hiện nay, Ban Tổ chức Trung ương đang chủ trì việc sơ kết, tổng kết thực hiện thí điểm các mô hình tổ chức mới theo Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị về kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và 4 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong quá trình tổng kết, đánh giá đối với các mô hình thực hiện thí điểm hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn hoặc tham mưu có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Việc tiếp tục triển khai thực hiện hợp nhất các cơ quan theo mô hình nêu trên sẽ được nghiên cứu sau khi có Kết luận của Bộ Chính trị.

Câu 3. Đề nghị Bộ Nội vụ (1) xem xét không giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và giao cho Bộ, địa phương chủ động ký kết hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ; (2) không tham mưu cắt giảm hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP do ngân sách đơn vị tự chi trả, đảm bảo không làm phát sinh ngân sách nhà nước? (**Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quảng Ngãi, Tây Ninh**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của tỉnh Quảng Ngãi và căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP⁵¹, từ năm 2022, Bộ Nội vụ không có ý kiến đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Câu 4. Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc (1) giao biên chế và cấp kinh phí theo biên chế được giao đối với hội có tính chất đặc thù; (2) thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được điều động từ các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể, viên chức đã được tuyển dụng làm việc tại các hội có tính chất đặc thù? (**Quảng Ngãi, Hải Phòng, Hà Tĩnh, An Giang**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về biên chế công chức và số lượng người làm việc

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và Nghị định số 45/2010/NĐ-CP⁵² thì không quy định hội có biên chế công chức hoặc số lượng người làm việc (trừ trường hợp công chức được cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển giữ các chức vụ chủ chốt tại tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức).

2. Về cấp kinh phí hoạt động của Hội và thực hiện chế độ, chính sách

Trong khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa được Chính phủ ban hành thì việc xem xét cấp, hỗ trợ kinh phí cho hội để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao thực hiện theo quy định tại Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù và Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách

⁵¹ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công.

⁵² Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Câu 5. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, báo cáo Chính phủ (1) giao các Bộ, ngành sớm ban hành hướng dẫn khung số lượng biên chế công chức cụ thể theo từng vị trí việc làm tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp; (2) thực hiện việc tinh giản số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập cần phân loại mục tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể đối với từng loại hình đơn vị sự nghiệp; (3) hướng dẫn việc giao và giao bổ sung chỉ tiêu đối với các đơn vị sự nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 dẫn đến không có nguồn thu và không còn nguồn tài chính khác (nguồn thu sự nghiệp được để lại qua các năm, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập...) để có cơ sở chi trả lương cho viên chức, người lao động, tạo điều kiện cho các đơn vị duy trì hoạt động để có nguồn lực phục hồi khả năng tự chủ sau dịch Covid-19. Trường hợp không thể bố trí bổ sung chỉ tiêu, kính đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét có cơ chế hỗ trợ kinh phí để chi trả lương cho viên chức tại các đơn vị bị ảnh hưởng nguồn thu, mất khả năng tự chủ do tác động của dịch Covid-19; (4) xem xét một số đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được bố trí tối đa 03 cấp phó; đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp y tế có 150 người làm việc trở lên hoặc các đơn vị sự nghiệp có phạm vi hoạt động trải rộng ở nhiều địa bàn, phức tạp? *(Bộ Tài nguyên và Môi trường, Đà Nẵng, Hải Phòng)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về ban hành hướng dẫn khung số lượng biên chế công chức cụ thể theo từng vị trí việc làm tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập

Theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP⁵³, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP⁵⁴ của Chính phủ đã giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý và Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư tại Văn bản số 1170-CV/VPTW ngày 30/6/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương thì các Bộ, ngành đang rà soát, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm và bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức chuyên ngành thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, quyết định. Sau khi danh mục vị trí việc làm của hệ thống chính trị được Ban Chỉ đạo phê duyệt, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn nêu trên.

⁵³ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

⁵⁴ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Về thực hiện tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập

Tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm đến năm 2025 giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; đến năm 2030 giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025. Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của thành phố Đà Nẵng, sẽ tổng hợp vào báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về kết quả thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 và đề xuất thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Về đề nghị giao bổ sung số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Căn cứ quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐCP⁵⁵, đề nghị các địa phương xem xét, quyết định về mức độ tự chủ hoặc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp giảm mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị được tính trong tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của địa phương nhưng không được vượt quá tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Bộ Nội vụ thẩm định và việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

4. Về số lượng cấp phó đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW⁵⁶, Nghị quyết số 08/NQ-CP⁵⁷, Bộ Nội vụ đã xây dựng quy định về số lượng cấp phó, tiêu chí xác định số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, trong đó số lượng cấp phó của các đơn vị sự nghiệp công lập này được xác định phù hợp với vị trí pháp lý, quy mô (số lượng đầu mối tổ chức trực thuộc và số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập) và mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Căn cứ khung số lượng cấp phó và các tiêu chí quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP nêu trên, Chính phủ đã phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương quyết định cụ thể số lượng cấp phó của từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Do vậy, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thống nhất quy định về số lượng cấp phó của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ

⁵⁵ Nghị định số 60/2021/NĐCP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

⁵⁶ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

⁵⁷ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP (trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên).

Bộ Nội vụ xin ghi nhận và trên cơ sở tổng hợp, đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của các Bộ, ngành, địa phương để nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Câu 6. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công lập, để các địa phương triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên? **(Hải Phòng, Sơn La)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP thì các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm quy định khung giá dịch vụ sự nghiệp công và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Câu 7. Đề nghị mở rộng đối tượng được áp dụng chính sách tinh giản biên chế, như: Đối tượng là công chức không thuộc diện dôi dư do sắp xếp tổ chức hoặc không thuộc diện không cơ cấu bổ nhiệm lại mà không còn tâm huyết với công việc; đối tượng ốm đau không thể tiếp tục công tác có nguyện vọng thực hiện chính sách tinh giản biên chế? **(Quảng Ngãi)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Tinh giản biên chế là việc đánh giá, phân loại, đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí sắp xếp công tác khác và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người thuộc diện tinh giản biên chế. Theo đó, các trường không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ) mà tự nguyện xin nghỉ việc thì thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Tuy nhiên, để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ việc thì căn cứ vào điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban

hành Nghị quyết quy định về chính sách nhằm khuyến khích tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Câu 8. Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021? *(Bạc Liêu)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP⁵⁸ thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm: (1) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. (2) Ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực.

2. Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP⁵⁹ thì Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện Nghị định Nội dung nêu trên thuộc trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Bộ Nội vụ đã có văn bản đôn đốc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện.

Câu 9. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) Cho phép thực hiện số lượng cấp phó đối với Văn phòng thuộc Sở, UBND quận, huyện, thị xã, đơn vị sự nghiệp công lập được tính bao gồm cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP đang làm việc tại Văn phòng, vì thực tế tại Văn phòng số công chức, viên chức ít trong khi đội ngũ hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP rất nhiều, cần có thêm cấp lãnh đạo, quản lý. (2) Đề nghị giao bổ sung 7.134 biên chế viên chức giáo viên theo định mức cho Hà Nội để đảm bảo “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp” theo tinh thần chỉ đạo tại Thông báo số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 về Kết luận của Bộ Chính trị bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế và đảm bảo chất lượng giáo dục cho Thủ đô. Việc chấp hành tỷ lệ tinh giản biên chế viên chức tối thiểu 10% giai đoạn 2016 - 2021 đã được Thành phố thực hiện nghiêm túc. Khi các giải pháp chưa được triển khai, trước mắt năm 2022 và các năm tiếp theo không tinh giản biên chế lĩnh vực giáo dục theo chỉ tiêu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. (3) Đề nghị điều chỉnh Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế theo hướng mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng, cho phép các quận, huyện, thị xã tự cân đối ngân sách chi trả cho hợp đồng lao động. Trong thời gian chưa có văn bản điều chỉnh, cho phép thành phố Hà Nội được tạm ký hợp đồng lao động đối với số giáo viên còn thiếu tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có mức tự đảm bảo chi thường xuyên dưới 10%, nguồn kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục của

⁵⁸ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

⁵⁹ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

UBND quận, huyện, thị xã (thành phố Hà Nội). (**Hà Nội**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về số lượng cấp phó đối với Văn phòng thuộc Sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP⁶⁰, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP⁶¹ và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP⁶².

2. Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, đồng thời bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp” theo Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 của Văn phòng Trung ương⁶³, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: (1) Sửa đổi định mức học sinh/lớp, giáo viên/lớp, bảo đảm phù hợp với việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế của từng vùng, miền; (2) Hướng dẫn các địa phương thực hiện việc sắp xếp lại các trường liên cấp, liên xã, thu gọn các điểm trường để đưa học sinh về học tại các trường trung tâm để bảo đảm sĩ số học sinh/lớp; (3) Đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa đối với mầm non, các bậc học phổ thông để giảm quỹ lương từ ngân sách nhà nước, gắn với nâng cao chất lượng giáo dục để thực hiện đúng yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Đối với các địa phương: (1) Tổ chức lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương; chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao; (2) Thực hiện các giải pháp để giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên mầm non, phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 3397/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 11/8/2021.

Trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo đang rà soát, sửa đổi định mức học sinh/lớp, giáo viên/lớp và các địa phương đang thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường, các điểm trường và chưa sử dụng hết số biên chế giáo viên được giao, thực hiện ý kiến chủ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại

⁶⁰ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

⁶¹ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

⁶² Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

⁶³ Văn bản số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 của Văn phòng Trung ương về việc bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

dịch Covid-19, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát số liệu trường, lớp, học sinh, nhu cầu bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục trong năm học 2021-2022 của các địa phương và báo cáo Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về việc bổ sung biên chế giáo viên năm học 2021-2022 (tại Văn bản số 5868/BNV-TCBC ngày 22/11/2021). Sau khi Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến sẽ làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện.

3. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) thì không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, việc ký hợp đồng lao động đối với các vị trí việc làm là giáo viên và viên chức y tế, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 102/NQ-CP và Công văn số 5075/BNV-TCBC ngày 26/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 102/NQ-CP và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8037/VPCP-TCCV ngày 24/9/2020 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đang xây dựng báo cáo tổng kết toàn diện về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo cấp có thẩm quyền để đề xuất xây dựng Nghị định về hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Do vậy, trong khi Chính phủ chưa ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Câu 10. Đề nghị xem xét bổ sung cơ chế giao cho các địa phương tự chủ về ngân sách được tự quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý mà không phải báo cáo Bộ Nội vụ thẩm định? (**Hải Phòng**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trên cơ sở hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng

người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.

Câu 11. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét cho phép Bảo hiểm xã hội Việt Nam giữ ổn định biên chế năm 2022 bằng biên chế được giao năm 2021 để đảm bảo nguồn nhân lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị Ngành được giao? (*Bảo hiểm xã hội Việt Nam*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Ngày 27/11/2021, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 6033/BNV-TCBC thống nhất với đề nghị của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về số lượng người làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam năm 2022 là 17.352 người, bằng số được giao năm 2021.

Câu 12. Đề nghị Bộ Nội vụ: (1) Ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2021-2030; (2) Quy định rõ việc giảm trong giai đoạn này theo hướng không cắt giảm tỷ lệ đồng đều với các Bộ số biên chế công chức còn rất ít (trong đó có Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dưới 700 biên chế), cần cân nhắc giữ nguyên? (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 và thực hiện tinh giản biên chế theo đúng quy định, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tinh giản biên chế theo quy định của Đảng tại Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

2. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư tại Văn bản số 1170-CV/VPTW ngày 30/6/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm xây dựng vị trí việc làm, định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo ngành, lĩnh vực gửi Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, quyết định, làm cơ sở cho các Bộ ngành, địa phương thực hiện (trong đó có Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong khi chờ ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, trước mắt Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao biên chế công chức năm 2022 giữ nguyên như số giao năm 2021 đối với Bộ, ngành, địa phương (trong đó có Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Câu 13. Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cách tính định mức số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện và thẩm định định mức thống nhất, phù hợp quy định? (*Cần Thơ*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí

việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 106/2020/NĐ-CP) đã quy định rõ về căn cứ xác định số lượng người làm việc và trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, các Bộ, ngành có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn về định mức biên chế sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, việc xác định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp bảo đảm 04 nguyên tắc sau: (1) Phù hợp với định mức số lượng người làm việc theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; (2) Tương ứng với tỷ lệ phần trăm tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (3) Không ảnh hưởng đến tiền lương và thu nhập của những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị; (4) Tăng mức trích lập vào quỹ phúc lợi đủ để giải quyết chế độ, chính sách thôi việc cho số lượng người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

Câu 14. Đề nghị Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan sớm có hướng dẫn cụ thể về (1) chuyển đơn vị sự nghiệp công lập ra ngoài công lập đối với các trường mầm non, trung học phổ thông, Đoàn nghệ thuật công lập; (2) sắp xếp lại các trường mầm non, phổ thông để hình thành trường phổ thông nhiều cấp học theo hướng liên cấp, liên xã; (3) sắp xếp các cơ sở dạy nghề, các trung tâm bảo trợ; (4) mô hình tổ chức, hoạt động của các trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện; (5) hướng dẫn thực hiện mô hình quản lý như doanh nghiệp? *(Hà Nội, Hải Phòng)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Việc sắp xếp lại các trường mầm non, phổ thông để hình thành trường phổ thông nhiều cấp học theo hướng liên cấp, liên xã được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018. Đối với các đơn vị sự nghiệp còn lại, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hải Phòng căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành để thực hiện việc sắp xếp cho phù hợp.

Câu 15. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh được quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ sang loại hình công ty cổ phần đối với các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định của Chính phủ và không phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ, ngành Trung ương? *(Bình Định)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Ngày 25/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 150/2020/NĐ-CP về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, đây là Nghị định do Bộ Tài chính chủ trì, trình Chính phủ ban hành. Do vậy, Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến kiến nghị của tỉnh Bình Định để phối hợp với Bộ Tài chính theo dõi, đánh giá trong quá trình tổ chức triển khai làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2020/NĐ-CP cho phù hợp.

Câu 16. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ: (1) Quan tâm, sớm bổ sung biên chế công chức cho Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Đề án vị trí việc làm đã xây dựng, báo cáo Bộ Nội vụ; (2) Bổ sung số người làm việc cho các cơ quan thường trú nước ngoài khi được thành lập mới, đây cũng là cơ hội để Đài Tiếng nói Việt Nam có thể tuyển dụng hoặc tiếp nhận những nhân sự trình độ cao, kỹ năng làm việc tốt? *(Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Đài Tiếng nói Việt Nam)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về bổ sung biên chế công chức cho Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLV)

Trên cơ sở Đề án thành lập UBQLV đã được Bộ Chính trị thông qua, căn cứ các quy định của pháp luật về quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập) và đề nghị của UBQLV, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ để giao 150 biên chế cho UBQLV (126 biên chế công chức và 24 biên chế sự nghiệp).

Hiện nay, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư tại Văn bản số 1170-CV/VPTW ngày 30/6/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức thì các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đang rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo ngành, lĩnh vực gửi Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, quyết định, làm cơ sở cho các Bộ ngành, địa phương (trong đó có UBQLV) thực hiện. Đồng thời, Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBQLV sẽ được sửa đổi, bổ sung sau khi Bộ Chính trị có ý kiến đối với Báo cáo đánh giá, tổng kết thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp”. Do vậy, việc đề xuất bổ sung biên chế công chức cho UBQLV theo Đề án vị trí việc làm đã xây dựng, báo cáo Bộ Nội vụ tại thời điểm này là chưa phù hợp nên đề nghị UBQLV quản lý, sử dụng số biên chế công chức được giao theo quy định.

2. Về bổ sung số người làm việc cho các cơ quan thường trú nước ngoài khi được thành lập mới của Đài Tiếng nói Việt Nam

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế của Đảng, của Chính phủ; ý

kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2473/VPCP-QHQT ngày 18/8/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo và rà soát biên chế các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 07/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đề nghị Đại Tiếng nói Việt Nam rà soát, cân đối trong tổng số lượng người làm việc tại các Cơ quan thường trú của Đại Tiếng nói Việt Nam ở nước ngoài, để bố trí đối với các Cơ quan thường trú nước ngoài nếu cần thiết thành lập mới, mở rộng địa bàn hoạt động và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Câu 17. (1) Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn về cách xác định tuổi của đối tượng thực hiện chính sách “thôi việc ngay” vì những đối tượng này có thể hiện tại đã đủ điều kiện về tuổi nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng BHXH hoặc đã đủ điều kiện về thời gian đóng BHXH nhưng chưa đủ điều kiện về tuổi thì nếu có nguyện vọng tiếp tục tham gia BHXH thì đến thời điểm nào sẽ đủ điều kiện để hưởng hưu trí; (2) Kiến nghị, đề xuất mở rộng tiêu chuẩn, điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi để khuyến khích và đảm bảo quyền lợi cho những trường hợp thuộc diện tinh giản biên chế? (*Bắc Kạn, Đại Tiếng nói Việt Nam*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Tại Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ) đã quy định về tuổi đời để hưởng chính sách thôi việc ngay.

Đối với các trường hợp hưởng chính sách thôi việc ngay, nếu có nguyện vọng tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ) đã quy định các chính sách tinh giản biên chế, trong đó có chính sách về hưu trước tuổi. Theo đó, các đối tượng hưởng chính sách về hưu trước tuổi thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.

Câu 18. Đề nghị Bộ Nội vụ (1) hướng dẫn cụ thể việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp chưa đảm bảo tiêu chí thành lập nhưng không có đơn vị khác có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để thực hiện hợp nhất, sáp nhập; hướng dẫn cụ thể việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của các đơn vị sự nghiệp vừa đủ 15 người làm việc; (2) nghiên cứu đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định về tiêu chí thành lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong

sắp xếp tổ chức bộ máy? (*Hà Tĩnh*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về hướng dẫn cụ thể việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thì Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực có có trách nhiệm ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền (khoản 2 Điều 20); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (điểm a khoản 1 Điều 24). Theo đó, đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Trường hợp, các đơn vị sự nghiệp công lập chưa bảo đảm tiêu chí thành lập thì đề nghị sắp xếp, tổ chức lại để đáp ứng đủ tiêu chí theo quy định, nhất là tiêu chí về số lượng người làm việc tối thiểu (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Trong quá trình sắp xếp, nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề nghị tỉnh Hà Tĩnh có văn bản nêu cụ thể vấn đề, gửi các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để trả lời theo quy định.

Về việc thành lập tổ chức bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định rõ tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, theo đó việc thành lập các phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) phải đáp ứng các tiêu chí sau: Công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên. Theo đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh căn cứ quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để thực hiện việc sắp xếp tổ chức bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập vừa đủ 15 người làm việc) theo quy định.

2. Về đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định về tiêu chí thành lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo rõ những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (bao gồm cả sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong) theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và đề xuất giải pháp cụ thể, gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, nghiên cứu khi sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để đề xuất với Chính phủ sửa đổi cho phù hợp.

Câu 19. Đề xuất điều chỉnh tỷ lệ tinh giản biên chế cho phù hợp giữa các đơn vị trong hệ thống chính trị, tránh cào bằng tỷ lệ 10% như hiện nay? (*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2015-2021 và đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 của các bộ, ngành, địa phương để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Do đó, Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam đề tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị điều chỉnh tỷ lệ tinh giản biên chế giữa các Bộ, ngành, địa phương cho phù hợp, bảo đảm thực đúng tỷ lệ tinh giản biên chế quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ hống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 20. Đề nghị Trung ương tổ chức sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Trên cơ sở đó, điều chỉnh, bổ sung và đề ra các giải pháp để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW? (*Hung Yên, Lạng Sơn*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chính phủ đã trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung 04 Luật⁶⁴ và ban hành 08 Nghị định⁶⁵ làm cơ sở pháp lý cho việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Qua sơ kết 02 năm thực Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 74-KL/TW ngày 22/5/2020; trong đó đã khẳng định kết quả: Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn, từng bước khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức; hoàn thành vượt chỉ tiêu tinh giản biên chế.

Trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa XV, Chính phủ tiếp tục xác định mục tiêu rà soát tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là nhiệm vụ trọng tâm. Theo đó, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kết quả tổ chức triển khai của Bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, báo cáo Chính phủ và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW hiệu quả.

II. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Câu 21. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (1) sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp, (2) Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng

⁶⁴ Luật tổ chức Chính phủ; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức.

⁶⁵ 08 Nghị định: Nghị định số 158/2018/NĐ-CP; Nghị định số 47/2019/NĐ-CP; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

và quản lý công chức và (3) Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 29/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức? (**Lâm Đồng**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Để triển khai chương trình công tác năm 2022, Bộ Nội vụ hiện nay đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của: Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP và Nghị định số 112/2020/NĐ-CP. Dự kiến trình Chính phủ ban hành vào tháng 6/2022.

Câu 22. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét báo cáo Chính phủ điều chỉnh Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ? (**Hà Nội**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, để thay thế Nghị định số 68/2000/NĐ-CP¹, Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP⁶⁶ (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) và tích hợp quy định của Nghị quyết số 102/NQ-CP⁶⁷, theo đó nội dung Nghị định dự kiến quy định cho phép đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động được ký kết hợp đồng lao động; quy định cụ thể về nguồn kinh phí chi trả lương cho đối tượng này. Dự kiến trình Chính phủ ban hành vào tháng 3/2022.

Câu 23. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý? (**Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sơn La, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Ninh Thuận, Tây Ninh, Tiền Giang, An Giang**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước và đã có văn bản gửi Ban Tổ chức Trung ương có ý kiến thống nhất trước khi báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Câu 24. Kiến nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế, hướng dẫn cụ thể nội dung thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập đề địa phương có cơ sở thực hiện? (**Cần Thơ**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Chủ trương nghiên cứu việc thi tuyển và thực hiện thuê giám đốc điều hành đơn vị sự nghiệp công lập đã được nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết

⁶⁶ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

⁶⁷ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

số 08/NQ-CP⁶⁸, tuy nhiên, đây là nội dung mới thay đổi cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay. Đề tham mưu, đề xuất với Chính phủ ban hành cơ chế, hướng dẫn cụ thể nội dung thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập để địa phương có cơ sở thực hiện, hiện nay, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm và thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Câu 25. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Quản lý chuyên ngành nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục, điều kiện trong việc nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; trong đó đề nghị đưa các yếu tố liên quan đến điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ra khỏi quy định; thực hiện đánh giá năng lực, trình độ qua sát hạch thực tế gắn với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ? *(Hà Nội)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ đã có Công văn số 5355/BNV-CCVC ngày 25/10/2021 đề nghị các Bộ quản lý ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương xây dựng xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành được giao quản lý, theo đó đề nghị không yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong quy định về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Các Bộ quản lý chuyên ngành nghiên cứu, quy định về tiêu chuẩn năng lực ngoại ngữ, tin học phù hợp với yêu cầu về chức trách, nhiệm vụ của ngạch, chức danh nghề nghiệp tương ứng.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tích cực phối hợp với các Bộ, ngành trong quá trình hoàn thiện việc xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nhằm đơn giản hóa các thủ tục, điều kiện quy định về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Câu 26. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét điều chỉnh không đưa các nội dung thi tuyển công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức vào thực hiện theo bộ thủ tục hành chính? *(Hà Nội)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Việc xây dựng, công bố thủ tục hành chính về lĩnh vực công chức, viên chức (gồm thủ tục thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát

⁶⁸ Nghị quyết số 08-NQ/CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của hội nghị lần thứ sáu ban chấp hành trung ương khóa xii về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

thủ tục hành chính⁶⁹.

Câu 27. Đề nghị Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương (các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các huyện, thị xã, thành phố). Tiếp tục đổi mới việc đánh giá, phân loại viên chức theo hướng thường xuyên, cụ thể sát với vị trí việc làm hơn (theo từng tháng, quý, chấm điểm cụ thể). Phải đánh giá cả năng lực, phẩm chất và uy tín; dựa vào kết quả, hiệu quả thực hiện từng công việc bằng những sản phẩm cụ thể, có tính định lượng. Đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị? (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Điện Biên*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương (các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các huyện, thị xã, thành phố):

Thực hiện quy định của Luật Cán bộ, công chức 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2020/NĐ-CP⁷⁰, theo đó quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, mà không quy định việc đánh giá, xếp loại đối với tập thể hay tổ chức, cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định số 132-QĐ/TW⁷¹ thì tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện Quy định này và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy định của Trung ương; xây dựng kế hoạch thực hiện; quy định cụ thể về nội dung kiểm điểm, tiêu chí đánh giá, tiêu chuẩn mức chất lượng, các chủ thể tham gia đánh giá và quy trình, phương pháp thực hiện cho từng loại hình đối tượng tập thể, cá nhân phù hợp với địa phương, lĩnh vực, ngành. Vì vậy, việc quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc thẩm quyền trách nhiệm của địa phương.

2. Về tiếp tục đổi mới việc đánh giá, phân loại viên chức theo hướng thường xuyên, cụ thể sát với vị trí việc làm hơn (theo từng tháng, quý, chấm điểm cụ thể). Phải đánh giá cả năng lực, phẩm chất và uy tín; dựa vào kết quả, hiệu quả thực hiện từng công việc bằng những sản phẩm cụ thể, có tính định lượng. Đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị:

Nội dung kiến nghị nêu trên đã được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại

⁶⁹ Các văn bản pháp luật quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, gồm: (1) Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; (2) Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; (3) Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; (4) Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

⁷⁰ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

⁷¹ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau: “1. Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức, viên chức ban hành hoặc giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Nội dung Quy chế phải xác định rõ sản phẩm cụ thể gắn với từng vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả, thời điểm đánh giá theo quý, tháng hoặc tuần (nếu có); căn cứ để xác định tỉ lệ % mức độ hoàn thành công việc; các tiêu chí thành phần để đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có tính đến tỷ lệ khối lượng công việc của cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện so với khối lượng công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với các quy định tại Nghị định này.”. “3. Người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ công chức, viên chức hàng năm theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng công tác đánh giá, xếp loại chất lượng và gửi báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Bộ Nội vụ để tổng hợp trước ngày 01 tháng 3 hàng năm.”.

Câu 28. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung kiểm định chất lượng đầu vào công chức; ban hành Ngân hàng câu hỏi thi tuyển công chức? (*Tây Ninh, Tiền Giang*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Thực hiện quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 32/NQ-CP1, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Đề án thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức (sau đây viết tắt là Đề án). Trong quá trình thực hiện, Bộ Nội vụ đã lấy ý kiến tham gia góp ý và được hầu hết các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất cao với nội dung dự thảo Đề án. Tuy nhiên, căn cứ ý kiến của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và ý kiến của Bộ Tư pháp đề nghị Chính phủ sớm có kế hoạch xây dựng và ban hành văn bản quy định chi tiết nội dung này, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu và đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép dừng việc xây dựng Đề án; đồng thời, trên cơ sở kế thừa kết quả đã nghiên cứu, xây dựng của Đề án, đề nghị giao Bộ Nội vụ xây dựng Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức, dự kiến ban hành trong Quý II năm 2022.

Câu 29. Đề nghị Bộ Nội vụ (1) cho phép ký kết hợp đồng lao động có thời hạn đối với các trường hợp thật sự khó khăn về người làm việc trong thời gian chờ tuyển dụng viên chức đặc biệt là tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên. Đồng thời, cho phép tồn tại hình thức hợp đồng làm công tác nghiệp vụ theo vị trí việc làm đặc thù tại đơn vị sự nghiệp (bảo trợ xã hội, văn hóa thể thao, du lịch...); hoặc có văn bản hướng dẫn riêng về tuyển dụng tại các vị trí việc làm không yêu cầu trình độ đào tạo; (2) xem xét quy định, hướng dẫn về tiền lương đối với hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện

thống nhất; (3) sớm quy định về cơ cấu ngạch công chức để làm cơ sở trong việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức? **(Đà Nẵng)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị sự nghiệp

Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu để trình Chính phủ (dự kiến trình Chính phủ ban hành vào tháng 3/2022) Nghị định quy định về hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trong khi chưa có quy định khác, đề nghị địa phương thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Về việc yêu cầu trình độ đào tạo trong tuyển dụng viên chức, đề nghị thực hiện theo đúng quy định của Luật Viên chức; theo đó, tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về phân loại viên chức đều gắn với yêu cầu trình độ đào tạo.

2. Về chế độ tiền lương đối với hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không áp dụng thang, bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP mà chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động. Về các chế độ phụ cấp và các chế độ chính sách khác được căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để có thể tính vào tổng lương trong hợp đồng lao động mới trên nguyên tắc bảo đảm quyền lợi cho người lao động; mức lương trong hợp đồng lao động mới không thấp hơn mức lương hiện hưởng và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của pháp luật lao động. Mức tiền lương làm cơ sở tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động là mức tiền lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Trường hợp những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP⁷² thuộc đối tượng được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV⁷³.

Theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không áp dụng thang, bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP mà chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động.

3. Về cơ cấu ngạch công chức: Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy

⁷² Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

⁷³ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Hiện nay, Ban Tổ chức Trung ương đang chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng hệ thống danh mục bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành. Do vậy, ngay sau khi các quy định của Đảng về bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm được thông qua, Bộ Nội vụ sẽ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc sử dụng, quản lý công chức.

Câu 30. Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn chung về nguyên tắc xác định mức chi thường xuyên để phân bổ kinh phí cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời, hướng dẫn về các nguyên tắc chung liên quan đến mức lương, các thỏa thuận về tăng lương và các chế độ, chính sách khác nếu có đối với các trường hợp hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP để có cơ sở thực hiện thống nhất? *(Tây Ninh, An Giang)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP² quy định: “Đối với cơ quan hành chính thì kinh phí thực hiện hợp đồng các công việc quy định tại Điều 1 Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định của pháp luật; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì kinh phí thực hiện hợp đồng các công việc quy định tại Điều 1 Nghị định này được lấy từ nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật”. Do đó, để xác định mức kinh phí trả cho người lao động thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ tình hình tài chính, ngân sách được cấp của cơ quan, đơn vị (đối với cơ quan hành chính) hoặc trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan và nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) để cân đối, phân bổ kinh phí cho hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Về các thỏa thuận tăng lương và các chế độ, chính sách khác nếu có đối với các trường hợp hợp đồng lao động: Theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không áp dụng thang, bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP mà chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động. Về các chế độ phụ cấp và các chế độ, chính sách khác được căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để có thể tính vào tổng lương trong hợp đồng lao động mới trên nguyên tắc bảo đảm quyền lợi cho người lao động; mức lương trong hợp đồng lao động mới không thấp hơn mức lương hiện hưởng và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của pháp luật lao động. Mức tiền lương làm cơ sở tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động là mức tiền lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Trường hợp những người

làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thuộc đối tượng được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV. Theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không áp dụng thang, bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP mà chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động.

III. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Câu 31. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ xem xét tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và quy định cụ thể việc quản lý những người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc phân cấp để địa phương triển khai thực hiện? (*Bình Thuận, Ninh Thuận, Long An, Bến Tre, Bạc Liêu*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương để trình cấp có thẩm quyền xem xét việc tiếp tục hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (trong đó có quy định về khoán quỹ phụ cấp) cho phù hợp khi thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII. Trong thời gian chưa thực hiện chế độ tiền lương mới nêu trên, đề nghị các tỉnh thực hiện chế độ, chính sách và mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Câu 32. Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm xem xét và đề nghị Ủy Ban Thường vụ Quốc hội sớm ban hành văn bản quy định tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thay thế Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/3/2016? (*Quảng Ninh*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Ngày 29/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 147/NQ-CP về việc thông qua hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, ký Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 nêu trên trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 33. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/1/2004 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ

thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, do quy định về tiêu chuẩn cán bộ cấp xã theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV đã không còn phù hợp trong tình hình hiện nay? (**Quảng Ninh, tỉnh Bến Tre**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Hiện nay, tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ cụ thể của cán bộ cấp xã (gồm cán bộ đảng, đoàn thể, chính quyền) được thực hiện theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức, xã, phường, thị trấn. Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị của tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bến Tre để phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV nêu trên cho phù hợp.

Câu 34. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ xem xét, tham mưu Chính phủ (1) quy định bổ sung định mức, số lượng người làm việc cho UBND cấp xã loại 2 để bố trí thêm 01 phó chủ tịch UBND cho cấp này; (2) ban hành Nghị định về xử lý kỷ luật những người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc giao thẩm quyền cho UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc xử lý kỷ luật những người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi những đối tượng này vi phạm kỷ luật để địa phương có cơ sở thực hiện? (**Bến Tre**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về số lượng Phó chủ tịch UBND cấp xã loại 2

Tại khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, theo đó đã tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 2 có không quá 02 Phó Chủ tịch (trước đây chỉ có 01 Phó Chủ tịch).

2. Về xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì việc quy định cụ thể các chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương. Do đó việc quy định chức trách, nhiệm vụ và các nội dung khác đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (trong đó có việc xử lý kỷ luật) do địa phương quy định bảo đảm phù hợp với quy định của đảng, pháp luật và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

Câu 35. Đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục quan tâm hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng Đề án chính quyền đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Đề án thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng trên địa bàn huyện Thủy Nguyên; Đề án thành lập quận trên địa bàn quận An Dương? (**Hải Phòng**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 108/BNV-CQĐP ngày 08/01/2021 về việc xây dựng Đề án thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên

và Văn bản số 5034/BNV-CQĐP ngày 07/10/2021 về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (gửi các địa phương). Trong quá trình thực hiện 02 văn bản nêu trên, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ để giải quyết.

Câu 36. Kiến nghị, đề xuất Trung ương sớm ban hành các văn bản quy định cụ thể đối với cán bộ cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở thôn, bản, tổ dân phố về: Tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh; Hình thức tuyển chọn, hợp đồng đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố (trừ chức danh bầu)? (*Yên Bái, Bạc Liêu*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Căn cứ Điều 61 và khoản 4 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ), Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó đã quy định rõ các nội dung sau: (1) Cán bộ cấp xã (gồm cán bộ đảng, đoàn thể, chính quyền) là các chức danh bầu cử, thực hiện tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Đảng, pháp luật và điều lệ của tổ chức đối với từng chức danh; (2) quy định cụ thể tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã; (3) quy định tối đa số lượng người và khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đồng thời giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định cụ thể đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Câu 37. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức: (1) xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã như: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và Trưởng các đoàn thể thực hiện còn vướng mắc; (2) nguyên tắc xử lý kỷ luật quy định tại khoản 6, Điều 2; (3) thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ quy định tại Điều 20? (*Lâm Đồng*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức quy định về nguyên tắc xử lý kỷ luật, việc áp dụng các hình thức kỷ luật tương ứng với các hành vi vi phạm; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đối tượng áp dụng của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP là cán bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, công chức, viên chức và cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu. Về kiến nghị của địa phương đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã, nguyên tắc xử lý kỷ luật quy định tại khoản 6 Điều 2, thẩm quyền xử lý kỷ luật cán

bộ, Bộ Nội vụ xin ghi nhận đề tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 112/2020/NĐ-CP nêu trên.

Câu 38. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1) quyết định giao tổng biên chế cán bộ, công chức cấp xã cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong tổng số cán bộ, công chức cấp xã theo kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã nhằm chủ động về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với tình hình thực tế, nhất là các xã trọng điểm, các xã phức tạp về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; (2) quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã để phù hợp với tình hình thực tế về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương theo Nghị định số 92/2009/NĐCP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ? **(Bình Định)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về biên chế cán bộ, công chức cấp xã

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 10 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được quy định tối đa theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Theo đó, tùy tình hình thực tế của đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn, UBND tỉnh quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã bằng hoặc thấp hơn số lượng cán bộ, công chức quy định tối đa theo loại đơn vị hành chính cấp xã. Về kiến nghị của địa phương giao tổng biên chế cán bộ, công chức cấp xã cho tỉnh, Bộ Nội vụ ghi nhận đề báo cáo cấp có thẩm quyền khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ cho phù hợp.

2. Về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã

- Tiêu chuẩn của cán bộ cấp xã được thực hiện theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức, xã, phường, thị trấn. Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến để phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV nêu trên cho phù hợp.

- Tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã đã được quy định cụ thể tại Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng do UBND cấp tỉnh quyết định.

Câu 39. Đề nghị bổ sung các quy định đặc thù về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị đối với khu vực có giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử và du lịch hoặc các đặc thù khác; các yếu tố đặc thù, lịch sử cần nghiên cứu, đảm bảo quyền lợi của người dân và doanh nghiệp, nhất là đồng bào tại các vùng núi cao, vùng sâu,

vùng xa, biên giới, hải đảo? (**Bắc Kạn**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 775/UBTVQH14-PL ngày 24/3/2021 và của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2788/VPCP-QHĐP ngày 27/4/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tiến hành tổng kết việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trên cơ sở đó trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (trong đó có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn và việc thành lập đơn vị hành chính đô thị và đơn vị hành chính có yếu tố đặc thù về văn hóa, lịch sử và du lịch); về tiêu chuẩn đơn vị hành chính ở địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo.

IV. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

Câu 40. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức? (**Phú Yên**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, trong đó đã phân công nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan liên quan triển khai việc nghiên cứu xây dựng các quy định cụ thể về nội dung và bố trí nguồn lực cải cách chính sách tiền lương theo yêu cầu và lộ trình ghi tại Nghị quyết số 27-NQ/TW. Tuy nhiên, do từ đầu năm 2020 đến nay, dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, khó lường, đã tác động bất lợi, sâu rộng và toàn diện đến tình hình kinh tế - xã hội, nguồn thu ngân sách nhà nước và đời sống của Nhân dân. Trong bối cảnh đó, Bộ Nội vụ đã báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII xem xét việc lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm thích hợp.

Trong thời gian từ nay đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới, Bộ Nội vụ sẽ chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước và quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ giải pháp cải cách chính sách tiền lương tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Câu 41. Kiến nghị, đề xuất thay đổi cơ chế trả lương theo hướng đảm bảo sự tương đồng với khu vực tư theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương VII khóa XII (Nghị quyết số 27-NQ/TW). Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, đối với đội ngũ công chức, viên chức, lãnh đạo, quản lý đã xây dựng cơ chế

trả lương theo vị trí việc làm, tuy nhiên, đối với đội ngũ công chức, viên chức chuyên môn cơ chế trả lương dự kiến theo hướng vừa áp dụng trả lương theo vị trí việc làm, đồng thời vẫn theo ngạch/chức danh nghề nghiệp như hiện nay. Để giải quyết triệt để chế độ tiền lương, đề xuất đối với đội ngũ công chức, viên chức chuyên môn áp dụng cơ chế trả lương theo vị trí việc làm như đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý? (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Cán bộ, công chức thì vị trí việc làm đối với công chức là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Viên chức thì vị trí việc làm đối với viên chức là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Tại điểm 1.3 khoản 1 Mục II của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định: “Trong khu vực công, Nhà nước trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, phù hợp với nguồn lực của Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp dịch vụ công, bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động; thực hiện chế độ đãi ngộ, khen thưởng xứng đáng theo năng suất lao động, tạo động lực nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị”. Theo đó, tại điểm 3.1 khoản 3 Mục II Nghị quyết số 27-NQ/TW đã quy định thay thế hệ thống bảng lương hiện hành bằng hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, gồm:

- Xây dựng 01 bảng lương chức vụ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo (bầu cử và bổ nhiệm) trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã.

- Xây dựng 01 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức áp dụng chung đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo. Việc bổ nhiệm vào ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức, viên chức thực hiện gắn với vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

Để thực hiện việc trả lương theo vị trí việc làm thì cần phải khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm (đây là giải pháp căn bản mang tính tiền đề để thực hiện cải cách tiền lương). Căn cứ quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, xác định cơ cấu công chức, viên chức; khung năng lực theo từng vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý và thực hiện tinh giản biên chế theo các nghị quyết của Đảng và quy định của Nhà nước. Trên cơ sở

đó thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HỘI, QUỸ

Câu 42. Kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ hoàn thiện quy định pháp luật về hội: (1) Ban hành Luật về hội và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; (2) ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Nghị định số 45/2010/NĐ-CP)? (*Sơn La, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Bạc Liêu*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về ban hành dự án Luật về hội

Dự án Luật về hội đã được Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ trình tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII. Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã giao Ủy ban pháp luật của Quốc hội chủ trì phối hợp cơ quan liên quan tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật về hội. Đảng đoàn Quốc hội đã báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị. Căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, do đại biểu Quốc hội còn nhiều ý kiến khác nhau về một số vấn đề lớn, quan trọng nên Quốc hội chưa thông qua dự án Luật này. Ngày 30/11/2016, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Công văn số 69/UBTVQH14-PL gửi Chính phủ về việc tiếp tục hoàn thiện dự án Luật về hội. Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ phối hợp một số bộ, ngành liên quan, 63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 100 hội hoạt động trong phạm vi cả nước và Ủy ban pháp luật của Quốc hội để xây dựng Báo cáo đánh giá tác động đối với nội dung mới của dự án Luật về hội. Trên cơ sở đánh giá tác động và đề xuất phương án lựa chọn. Ngày 08/5/2018, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã có Công văn số 440-CV/BCSĐCP lấy ý kiến Đảng đoàn Quốc hội. Sau khi Đảng đoàn Quốc hội có ý kiến thống nhất tại Công văn số 825-CV/ĐĐQH14 ngày 17/5/2018, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã có Tờ trình số 541-TTr/BCSĐCP ngày 16/7/2018 báo cáo Bộ Chính trị về một số vấn đề lớn, quan trọng của dự án Luật này. Hiện nay, dự án Luật về hội tiếp tục chờ chỉ đạo của Bộ Chính trị.

2. Về Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã phối hợp cơ quan liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội trình Chính phủ xem xét, ban hành (tại Tờ trình số 4289/TTr- BNV ngày 28/8/2018). Do nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP còn có ý kiến khác nhau về cơ chế chính sách đối với hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã có Tờ trình số 953/TTr-BCSĐCP ngày 25/6/2019 trình Bộ Chính trị xin ý kiến về một số nội dung lớn, quan trọng. Thực hiện Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh (Công văn số 2338/VPCP-TCCV ngày 24/8/2021) giao Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng hoàn thiện Nghị định sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, trong đó đề xuất không quy định hội có tính chất đặc thù; cơ chế chính sách đối với hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nói riêng và hội quần chúng khác nói chung nhằm thể chế đầy đủ các chủ trương của Đảng về hội; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ, tự bảo đảm kinh phí hoạt động; Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật để phát huy vai trò của hội tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Câu 43. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về việc sắp xếp các tổ chức hội theo Thông báo Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-CT/TW ngày 28/8/2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng (Thông báo kết luận số 158-TB/TW)? *(Quảng Ngãi)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Căn cứ Thông báo Kết luận số 158-TB/TW và Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thì sắp xếp các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tiễn ở địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất hội ở phạm vi địa phương có tính chất, chức năng, nhiệm vụ nội dung hoạt động gần giống thực hiện theo đúng chủ trương tại Kết luận số 102-KL/TW và theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP (việc sáp nhập, hợp nhất hội trên cơ sở đề nghị của ban lãnh đạo hội, sau khi đã được đại hội của hội thông qua); tạo sự đồng thuận của các hội.

Câu 44. Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể chế độ, chính sách đối với người làm công tác hội tại các hội có tính chất đặc thù; hướng dẫn cụ thể việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước. Sớm có văn bản Hướng dẫn mức hưởng các chế độ phụ cấp và các chế độ liên quan đến chính sách tiền lương đối với đối tượng là người đứng đầu các Hội đặc thù đơn vị, địa phương có cơ sở tham mưu thực hiện? *(Bến Tre, Khánh Hòa, Hưng Yên, Quảng Ngãi)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về chế độ, chính sách đối với người làm công tác tại hội có tính chất đặc thù, trong đó có việc xếp lương và chế độ phụ cấp chức danh Chủ tịch Hội

Chế độ, chính sách đối với người làm việc tại hội có tính chất đặc thù, trong đó có việc xếp lương và chế độ phụ cấp chức danh Chủ tịch Hội quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2013/TT-BNV⁷⁴ và Thông tư số 03/2014/TT-NV⁷⁵, trong đó

⁷⁴ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

quy định:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động, phân công làm việc tại các hội theo chỉ tiêu biên chế được giao thì chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

- Đối với những người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao thì chế độ, chính sách áp dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

- Đối với những người đã nghỉ hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật được bầu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, thì ngoài lương hưu, được hưởng thù lao từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐTTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.

- Chế độ, chính sách đối với những người công tác tại hội không thuộc các trường hợp quy định nêu trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hội với người công tác tại hội, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và theo quy định của Bộ luật Lao động, quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước

- Đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội có tính chất đặc thù): Căn cứ Kết luận 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới, trong thời gian tới sẽ thực hiện cơ chế khoán, hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ cho các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Do đó, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính hướng dẫn về việc khoán, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các hội nêu trên gắn với nhiệm vụ được giao.

- Đối với hội tự nguyện, tự quản: việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội.

Câu 45. Về đề nghị xem xét việc đơn giản hóa lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến đứng đầu hội trong hồ sơ Đại hội nhiệm kỳ đối với trường hợp nhân sự là người đứng đầu tái cử chức danh. Theo đó, kiến nghị điều chỉnh quy định về thành phần hồ

⁷⁵ Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của bộ trưởng bộ nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

sơ thủ tục hành chính liên quan để phù hợp với việc đơn giản hóa nêu trên. Hướng dẫn về việc công nhận kết quả bầu các chức danh lãnh đạo hội đối với các trường hợp là cán bộ, công chức được điều động, giới thiệu bầu giữ chức danh lãnh đạo tại các hội? (**Khánh Hòa**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về đề nghị đơn giản hóa lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến đứng đầu hội trong hồ sơ Đại hội nhiệm kỳ đối với trường hợp nhân sự là người đứng đầu tái cử chức danh Chủ tịch hội.

- Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị nêu trên để tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định pháp luật về hội cho phù hợp. Trong thời gian pháp luật chưa sửa đổi, bổ sung thì nhân sự dự kiến đứng đầu hội trong hồ sơ Đại hội nhiệm kỳ thực hiện theo khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Về việc công nhận kết quả bầu các chức danh lãnh đạo hội đối với các trường hợp là cán bộ, công chức được điều động, giới thiệu bầu giữ chức danh lãnh đạo tại các hội

Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thì không quy định việc công nhận hoặc phê duyệt ban lãnh đạo, ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo hội. Theo đó, việc đề nghị hướng dẫn công nhận kết quả bầu các chức danh lãnh đạo hội là chưa phù hợp.

Câu 46. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan đến Quỹ tài chính ngoài ngân sách và Quỹ xã hội - từ thiện; phân tách hoặc định nghĩa rõ hơn đối với Quỹ tài chính ngoài ngân sách và Quỹ xã hội - từ thiện? (**Hải Phòng**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo Điều 2, Điều 3 của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện góp tài sản để thành lập nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, cộng đồng và từ thiện, nhân đạo, không vì mục tiêu lợi nhuận và không được sử dụng ngân sách nhà nước để tham gia góp tài sản thành lập quỹ.

2. Theo khoản 19 Điều 2 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan thì quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ tài chính của nhà nước thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành.

Như vậy, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ từ thiện, quỹ xã hội được thành lập, tổ chức và hoạt động theo các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Ngoài ra, về nội dung liên quan đến quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước được Luật ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan quy định nên đề nghị trao đổi, lấy ý kiến Bộ Tài chính.

VI. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Câu 47 Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về nội dung chi, mức chi, phương thức thực hiện đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hình thức học trực tuyến để áp dụng triển khai thực hiện trong tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài không thể triển khai học tập trung? *(Hà Nội)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Ngày 18/10/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; theo đó tại điểm 5 khoản 12 Điều 1, Bộ Tài chính được giao chủ trì hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng (bao gồm loại hình bồi dưỡng từ xa). Hiện nay, Bộ Nội vụ đang phối hợp với Bộ Tài chính để sửa đổi Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Câu 48. Kiến nghị Bộ Nội vụ đẩy mạnh hơn nữa hình thức đào tạo trực tuyến và linh hoạt hơn về thời gian tham dự đối với một số chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn, chức danh, nhằm giúp tiết kiệm thời gian và kinh phí cho ngân sách nhà nước? *(Bộ Ngoại giao)*

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Loại hình tổ chức bồi dưỡng từ xa đã được quy định tại Điều 29 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các Bộ, ngành có thẩm quyền, trách nhiệm quản lý tổ chức các loại hình, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả, chất lượng.

Về thời gian tham dự các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, theo chức danh:

- Các bộ, ngành có thẩm quyền, trách nhiệm chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng đối với các chương trình bồi dưỡng đã được phân cấp cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của (Chuyên viên, chuyên viên chính và lãnh đạo, quản lý cấp phòng), vừa bảo đảm sự linh hoạt, vừa bảo đảm quy định thực hiện của các chương trình;

- Đối với các chương trình do Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức bồi dưỡng (Chuyên viên cao cấp, lãnh đạo, quản lý cấp vụ, huyện, sở): Đề nghị Bộ Ngoại giao có đề xuất cụ thể để Bộ Nội vụ xem xét, chỉ đạo Học viện tổ chức thực hiện, tạo điều kiện tốt nhất cho học viên tham dự, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Câu 49. Nghiên cứu, xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, xác định chi phí, lập dự toán và quản lý chất lượng trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;

xây dựng các quy định: trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy cho cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế, chính sách thu hút giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, các chuyên gia, cán bộ khoa học có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy cho cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế phối hợp giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành và địa phương; cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức? (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Bộ Nội vụ đã gửi Dự thảo xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; tổng hợp, hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Về quy định trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy cho cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế, chính sách thu hút giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, các chuyên gia, cán bộ khoa học có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy cho cán bộ, công chức, viên chức: Các nội dung này được phân công cho Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.

3. Về cơ chế phối hợp giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành và địa phương: Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định cụ thể về phân công tổ chức các chương trình. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và nội dung phân công tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

4. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức: Ngày 18/10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017. Nghị định quy định: “Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật”.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc triển khai thực hiện bảo đảm việc hỗ trợ phù hợp với các quy định hiện hành, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

VII. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Câu 50. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét: (1) bãi bỏ khoản 8 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ; (2) sửa đổi khoản 3 Điều 39 và Điều 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; (3) quy định

mức tiền thưởng đối với các gia đình có nhiều liệt sĩ theo Thông tư liên tịch số 44/TBXH-VHC-LB ngày 08/4/1985? (**Đắc Lắc**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về kiến nghị bãi bỏ khoản 8 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ; sửa đổi Điều 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Ngày 24/9/2021, Chính phủ đã có Tờ trình số 337/TTr-CP trình Quốc hội khóa XV dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10 năm 2021) Quốc hội đã cho ý kiến dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Bộ Nội vụ) tiếp thu kiến nghị nêu trên để nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

2. Về kiến nghị sửa đổi khoản 3 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ: Khoản khoản 3 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định: “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội”, quy định này đã được đưa vào dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) để trình Quốc hội, về nguyên tắc Luật chỉ quy định tiêu chuẩn chung và giao Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh đối với gia đình phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương.

3. Về kiến nghị quy định mức tiền thưởng đối với Huân chương Độc lập tặng cho gia đình có nhiều liệt sĩ theo Thông tư liên tịch số 44/TBXH-VHC-LB ngày 08/4/1985 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Viện Huân chương.

Việc tặng thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm ghi nhận, tôn vinh công lao đóng góp của các gia đình trong thời kỳ kháng chiến. Theo quy định hiện hành, thân nhân liệt sĩ đã được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Việc tặng thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ mang ý nghĩa động viên tinh thần, hiện không quy định tiền thưởng kèm theo.

Bộ Nội vụ ghi nhận nội dung kiến nghị nêu trên và sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét vào thời điểm thích hợp.

Câu 51. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ quan tâm theo dõi, chỉ đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tăng cường công tác thẩm định hồ sơ, tham mưu Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân và cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng bị mục, rách và mất cho người có công với cách mạng được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận trình, đề nghị từ năm 2020 đến nay (21 trường hợp) nhưng chưa có kết quả giải

quyết? (*Bình Thuận*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Qua rà soát hồ sơ trình cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của tỉnh Bình Thuận, năm 2020 có:

- Tờ trình số 4789/TTr-UBND ngày 07/12/2020 về việc đề nghị điều chỉnh thông tin Bằng truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước. Do hồ sơ trình điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng bị thiếu nên Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã có văn bản đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Bình Thuận bổ sung hồ sơ.

- Công văn số 396/BTĐKT-NVII ngày 03/11/2020 về việc đề nghị cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh hiện vật khen thưởng cấp nhà nước, trong đó có: 03 trường hợp cấp đổi, 06 trường hợp cấp lại, 01 trường hợp điều chỉnh thông tin, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã cấp đổi, cấp lại cho 05 trường hợp; 05 trường hợp chưa cấp đổi, cấp lại do bị sai thông tin khen thưởng, danh sách không được lưu tại Ban, chưa sưu tầm được phôi bằng, thiếu hồ sơ...

- Công văn số 407/BTĐKT-NVII ngày 03/11/2020 về việc đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước, trong đó có 07 trường hợp cấp đổi, 02 trường hợp cấp lại. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã cấp đổi, cấp lại cho 09 trường hợp.

Câu 52. Đề nghị Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng kháng chiến (nhất là đối với đối tượng là quân nhân xuất ngũ) gặp khó khăn trong khi xác nhận quá trình công tác do cơ quan cũ sáp nhập, giải thể, chia tách để tỉnh có cơ sở tham mưu kịp thời các cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng cho các cá nhân có thành tích trong kháng chiến? (*Hưng Yên*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Để khen thưởng cho quân, dân và cán bộ trong cả nước có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hội đồng Nhà nước ban hành Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN ngày 29/9/1981 kèm theo Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Thông tư số 39-BT ngày 24/01/1982 hướng dẫn thi hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Viện Huân chương đã ban hành Hướng dẫn số 109/VHC ngày 17/5/1982 và nhiều văn bản hướng dẫn khác để các đối tượng tham gia kháng chiến ở nhiều lĩnh vực công tác khác nhau đều được khen thưởng tùy theo thành tích. Ngày 07/6/2018, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã có văn bản số 1275/BTĐKT-Vụ III hệ thống lại các quy định của Nhà nước về việc thi hành Điều lệ khen thưởng thành tích kháng chiến, đã nêu rõ căn cứ khen thưởng đối với từng đối tượng cụ thể, trong đó có quân nhân phục viên, xuất ngũ... để tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc thẩm định hồ sơ khen thưởng thành tích kháng chiến.

VIII. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Câu 53. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ tham mưu bổ sung Điều mới vào Luật

Tín ngưỡng, tôn giáo để quy định cụ thể việc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc, phong phẩm và bổ nhiệm nhân sự tôn giáo hành đạo ở nước ngoài (quy định rõ điều kiện, thành phần hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn giải quyết)? (*Tây Ninh, Đắc Nông*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Việc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc, phong phẩm và bổ nhiệm nhân sự tôn giáo hành đạo ở nước ngoài chưa được quy định trong Luật. Đây là vấn đề đã được một số tổ chức tôn giáo đặt ra trong thực tiễn, tuy nhiên liên quan đến quy định của pháp luật còn có khó khăn, vướng mắc đó là việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc ở nước ngoài; việc phong phẩm và bổ nhiệm nhân sự tôn giáo hành đạo ở nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nước ngoài và quy định của tổ chức tôn giáo.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh (tại Công văn số 2756/VPCP-NC ngày 18/9/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết quả sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP), hiện nay Bộ Nội vụ đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai các bước xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, thời gian hoàn thành tháng 11/2022.

Câu 54. Kiến nghị sớm ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo? (*Vĩnh Long, Đắc Nông*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Sau khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Luật) được Quốc hội thông qua năm 2016, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo Ban Tôn giáo Chính phủ tham mưu xây dựng dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Nghị định xử phạt) và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 162/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định xử phạt, Bộ Nội vụ nhận được nhiều ý kiến tham gia, phản hồi về tác động xã hội và hiệu lực, hiệu quả của việc ban hành Nghị định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Thường trực Ban Bí thư, Bộ Nội vụ đã tham khảo ý kiến của các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và kết quả sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP. Đến nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phương án xây dựng Nghị định này. Thời gian hoàn thành tháng 10/2022.

Câu 55. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn cụ thể về các trường hợp thực hiện việc “*Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc*” trong tôn giáo, tránh tình trạng hiểu một cách chung chung như khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Các trường hợp chức việc (Chánh Trị sự, Phó Trị sự, Thông sự (Cao Đài); Ban Hành giáo (Công giáo); Ban Chấp sự (Tin lành)) chủ yếu làm nhiệm vụ giúp việc cho tổ chức tôn giáo trực thuộc thì không nhất thiết phải

thực hiện đăng ký bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc? (**Tây Ninh**)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Khoản 9, Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật) quy định: “*Chức việc là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức*”. Điều 34 của Luật quy định việc đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đã xác định tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương trước khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc là: “*thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh*”; “*người đứng đầu tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh*”; “*người đứng đầu cơ sở đào tạo tôn giáo*” (Khoản 1). Đối với việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử các chức việc không thuộc quy định nêu trên thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong một tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức việc cư trú và hoạt động tôn giáo (Khoản 2). Điều đó có thể hiểu, đối với các trường hợp trước khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc là: *thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong một tỉnh (như thành viên Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Tây Ninh); người đứng đầu tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong một tỉnh (như Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Tây Ninh); thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong một tỉnh (như thành viên ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Tây Ninh), một huyện (như thành viên ban Trị sự Giáo hội Phật giáo huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh), một xã (như thành viên ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo xã x, huyện y, tỉnh Tây Ninh); thành viên ban lãnh đạo tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong một tỉnh, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong một tỉnh, một huyện, một xã có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức việc cư trú và hoạt động tôn giáo. Các trường hợp là Chánh Trị sự, Phó Trị sự, Thông sự (Đạo Cao Đài); Ban Hành giáo (Đạo Công giáo); Ban Chấp sự (Đạo Tin lành), nếu là người được bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức tôn giáo trực thuộc (được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo) thì được coi là chức việc, nếu không phải là người được bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức tôn giáo trực thuộc (được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo) thì không được coi là chức việc và không phải thực hiện việc đăng ký bổ nhiệm, bầu cử, suy cử như quy định tại khoản 2, Điều 34 của Luật. Như vậy, khi thực hiện khoản 2, Điều 34 của Luật, các địa phương cần lưu ý quy định tại khoản 9, Điều 2 và khoản 1, Điều 34 để xác định đối tượng nào là chức việc để áp dụng Điều 34 của Luật.*

Câu 56. Kiến nghị Bộ Nội vụ thường xuyên quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn tại địa phương đối với các lĩnh vực như: Tôn giáo, thanh niên nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, củng cố thêm kiến thức cho

cán bộ, công chức, viên chức ngành nội vụ để trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao hơn. Thống nhất với các Bộ, ngành liên quan có hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các hiện tượng tôn giáo mới và hướng dẫn chi tiết về quản lý nhà nước lĩnh vực tín ngưỡng để địa phương thực hiện thống nhất và có hiệu quả?
(*Vĩnh Long, Đắk Nông, Bắc Kạn*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về việc tổ chức các lớp tập huấn

Công tác tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn tại địa phương về lĩnh vực tôn giáo được thực hiện theo Quyết định số 161/2003/QĐ-TTg ngày 04/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo và cán bộ, công chức quản lý nhà nước về tôn giáo" giai đoạn 2006 - 2010 và Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020".

- Trong giai đoạn 2017-2020, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức 44 lớp cho các đối tượng theo quy định trong Quyết định 174/QĐ-TTg cho 7.684 lượt cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo trên cả nước. Nguyên nhân dẫn đến không đạt được mục tiêu là do công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác tôn giáo thuộc Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo thực hiện, nhưng bị giải thể năm 2019, vì vậy để tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn thuộc Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Tôn giáo Chính phủ đảm nhận. Do nhân lực còn hạn chế, công việc của đơn vị nhiều nên việc tổ chức các lớp ở địa phương chưa được liên tục.

- Vì vậy, khi kết thúc thực hiện Đề án giai đoạn 2017-2020, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về tín ngưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2021-2025" (tại Tờ trình số 5573/TTr-BNV ngày 07/11/2021).

Hiện tại, Ban Tôn giáo Chính phủ đang tiếp tục đợi ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện, dự kiến tiếp tục thực hiện từ năm 2022.

2. Về việc giải quyết các hiện tượng tôn giáo mới và hướng dẫn chi tiết về quản lý nhà nước lĩnh vực tín ngưỡng

- Hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các hiện tượng tôn giáo mới: Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành Công văn số 883/TGCP-TNTGK ngày 20/10/2020 hướng dẫn các địa phương về công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có biện pháp nhận diện, phân loại các loại hình để có biện pháp quản lý phù hợp.

- Hướng dẫn chi tiết về quản lý nhà nước lĩnh vực tín ngưỡng: Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành Công văn số 1400/TGCP-TGK ngày 28/11/2019 về công tác quản lý nhà nước đối với tín ngưỡng gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Câu 57. Do yêu cầu, nhiệm vụ và tính và tính cấp thiết của công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới, đề nghị Bộ Nội vụ ban hành chính sách riêng về đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các

cấp và xem xét giải quyết chế độ phụ cấp đặc thù cho người làm công tác tôn giáo đề cán bộ, công chức yên tâm công tác ổn định, lâu dài. Đồng thời, tiếp tục hướng dẫn kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Kiến nghị Ban Tôn giáo Chính phủ sớm có ý kiến chỉ đạo hoặc ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, phù hợp đối với từng tôn giáo, nhằm giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có cơ sở xem xét, tham mưu và giải quyết đơn yêu cầu của các tôn giáo một cách chính xác, đúng quy định của pháp luật? (*Sóc Trăng*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về đề nghị Bộ Nội vụ ban hành chính sách riêng về đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp

a) Việc đào tạo cán bộ, công chức

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó đối tượng điều chỉnh quy định có đối tượng công chức làm công tác tôn giáo được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 của Nghị định. Tuy nhiên để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về tín ngưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2021-2025” (tại Tờ trình số 4380/TTr-BNV ngày 08/9/2021 và Tờ trình 5573/TTr-BNV ngày 07/11/2021). Ngày 24/11/2021, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 8603/VPCP-TCCV về việc xin tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về tín ngưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2021-2025.

b) Việc tuyển dụng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (việc ban hành chính sách riêng, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét).

2. Về hướng dẫn kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra

Ngày 12/8/2021 Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã xác định bổ sung chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng thuộc Sở Nội vụ, như vậy khối lượng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Sở Nội vụ tỉnh tăng. Trong khi đó, tính chất công việc ngày càng phức tạp: các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo không ngừng đổi mới, đa dạng về hình thức, nội dung và mở rộng về phạm vi, quy mô, thành phần tham dự; các thế lực thù địch luôn lợi dụng tôn giáo có những hoạt động

kích động, gây rối làm ảnh hưởng tới an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội...

Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên đồng thời căn cứ ý kiến của Lãnh đạo Bộ Nội vụ, ngày 20/10/2021 Ban Tôn giáo Chính phủ đã có công văn số 296/TGCP-TCCB đề nghị UBND các tỉnh quan tâm chỉ đạo công tác tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo ổn định về tổ chức bộ máy để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

3. Ban Tôn giáo Chính phủ sớm có ý kiến chỉ đạo hoặc ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, phù hợp đối với từng tôn giáo, nhằm giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có cơ sở xem xét, tham mưu và giải quyết đơn yêu cầu của các tôn giáo một cách chính xác, đúng quy định của pháp luật

Hàng năm, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo, vừa qua, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành Kế hoạch số 659/KHBNV ngày 10/12/2020 của Bộ Nội vụ về công tác đối với đạo Tin Lành giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 4112/KH-BNV ngày 23/8/2021 của Bộ Nội vụ về công tác quản lý hoạt động đối với hoạt động tín ngưỡng giai đoạn 2021-2026. Năm 2022, Ban Tôn giáo Chính phủ sẽ tham mưu Lãnh đạo Bộ ban hành Kế hoạch công tác quản lý nhà nước đối với đạo Cao Đài giai đoạn 2022-2030.

Câu 58. Đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ sớm tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo để có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo chung về các khó khăn, bất cập mà các tỉnh đã báo cáo? (*Bến Tre*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Thực hiện Quyết định số 930/QĐ-BNV ngày 04/11/2020 về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật) và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định số 162/2017/NĐ-CP), Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện. Ngày 30/8/2021, Bộ Nội vụ đã có Tờ Trình số 415/TTr-BNV báo cáo kết quả sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.

Ngày 18/9/2021, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 2756/VPCP-NC truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh về kết quả sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP. Trong đó có nội dung “*Đồng ý chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP*”. Hiện Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai các bước xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP theo quy định của pháp luật. Việc này sẽ góp phần giải quyết cơ bản những khó khăn, bất cập mà các tỉnh đã báo cáo, kiến nghị. Đối với những vấn đề cụ thể diễn ra trong thực tiễn ở địa phương có khó khăn, vướng mắc các tỉnh có thể trao đổi với Ban Tôn giáo Chính phủ để được hướng dẫn kịp thời.

Câu 59. Đề nghị ban hành quy định cụ thể chế độ, định mức thực hiện chính sách tôn giáo chung thống nhất trong cả nước thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc. Quan tâm mở các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu, chuyên đề công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp? **(Khánh Hòa)**

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Đề nghị ban hành quy định cụ thể chế độ, định mức thực hiện chính sách tôn giáo chung thống nhất trong cả nước thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo tại Việt Nam.

2. Quan tâm mở các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu, chuyên đề công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp

- Việc mở các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu, chuyên đề công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp được Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) các địa phương tổ chức thực hiện theo Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020”, tuy nhiên đến năm 2020 đã kết thúc giai đoạn thực hiện Đề án nêu trên.

- Trong giai đoạn 2017-2020, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức 44 lớp cho các đối tượng theo quy định trong Quyết định 174/QĐ-TTg cho 7.684 lượt cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo trên cả nước. Nguyên nhân dẫn đến không đạt được mục tiêu là do công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác tôn giáo thuộc Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo thực hiện, nhưng bị giải thể năm 2019, vì vậy để tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn thuộc Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Tôn giáo Chính phủ đảm nhận. Do nhân lực còn hạn chế, công việc của đơn vị nhiều nên việc tổ chức các lớp ở địa phương chưa được liên tục.

- Vì vậy, khi kết thúc thực hiện Đề án giai đoạn 2017-2020, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về tín ngưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2021-2025” (tại Tờ trình số 5573/TTr-BNV ngày 07/11/2021).

Hiện tại, Ban Tôn giáo Chính phủ đang tiếp tục đợi ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện.

Câu 60. Bộ Nội vụ xem xét trình Chính phủ về chế độ ưu đãi, đãi ngộ cho cán

bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở các địa phương, vùng có đông tín đồ tôn giáo; Xây dựng chính sách ưu tiên, quan tâm công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở tôn giáo tham gia trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo theo điều kiện thực tế của địa phương; hướng dẫn các địa phương, tổ chức tôn giáo trong việc quản lý và sử dụng mô hình xe cứu thương từ thiện nhân đạo của tổ chức tôn giáo; hướng dẫn các địa phương, tổ chức tôn giáo trong việc quản lý, đăng ký hoạt động nuôi dưỡng người già neo đơn, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ cơ nhỡ, trẻ lang thang theo đúng với quy định của pháp luật; xây dựng chính sách khen thưởng cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo có thành tích tiêu biểu về hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, giáo dục, y tế, cứu trợ thiên tai, bão lụt, phòng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái,... góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? (*Cần Thơ*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về đề nghị Bộ Nội vụ xem xét trình Chính phủ về chế độ đãi ngộ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở các địa phương, vùng có đông tín đồ tôn giáo

Tại Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương đã kết luận về chính sách tiền lương: “Từ nay đến khi Trung ương thông qua Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp:...*Không bổ sung các loại phụ cấp ưu đãi, trách nhiệm, đặc thù theo ngành nghề*”. Do đó, đợi Trung ương thông qua Đề án cải cách chính sách tiền lương, sau đó sẽ xem xét quy định và tình hình cụ thể để có những đề xuất cho phù hợp.

2. Về xây dựng chính sách khen thưởng cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo có thành tích tiêu biểu về hoạt động an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo, giáo dục, y tế, cứu trợ thiên tai, bão lụt, phòng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái...

Việc khen thưởng cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo có thành tích tiêu biểu đã có quy định tại Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. Đề nghị các địa phương thực hiện theo quy định nêu trên.

3. Xây dựng chính sách ưu tiên, quan tâm công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở tôn giáo tham gia trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo điều kiện thực tế của địa phương.

- Khoản 1, Điều 1, Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật) đã quy định phạm vi điều chỉnh của Luật là *quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo*. Điều 55 của Luật quy định tổ

chức tôn giáo “*được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan*”. Do đó, việc các cơ sở tôn giáo tham gia trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; sử dụng mô hình xe cứu thương từ thiện nhân đạo của tổ chức tôn giáo; đăng ký hoạt động nuôi dưỡng người già neo đơn, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ cơ nhỡ, trẻ lang thang; chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, giáo dục, y tế, cứu trợ thiên tai, bão lụt, phòng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái,... góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là những hoạt động đáng trân trọng thể hiện tinh thần nhập thế, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những việc làm đó luôn được các cấp, các ngành quan tâm hướng dẫn, động viên, biểu dương, khen thưởng nhằm phát huy nguồn lực tôn giáo theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Tuy nhiên việc xây dựng chính sách ưu tiên; quan tâm hướng dẫn các địa phương, tổ chức tôn giáo; xây dựng chính sách khen thưởng cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo tham gia các lĩnh vực khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Nội vụ. Đây là lĩnh vực liên quan đến các bộ, ngành như Giáo dục, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, UBMTTQ Việt Nam... nhất là UBND các cấp nơi diễn ra các hoạt động giáo dục - đào tạo; sử dụng mô hình xe cứu thương từ thiện nhân đạo của tổ chức tôn giáo; đăng ký hoạt động nuôi dưỡng người già neo đơn, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ cơ nhỡ, trẻ lang thang; an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, giáo dục, y tế, cứu trợ thiên tai, bão lụt, phòng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái,... Bộ Nội vụ tham gia với vai trò là cơ quan phối hợp gắn với công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo liên quan đến hoạt động từ thiện xã hội của các tổ chức, cá nhân tôn giáo. Trong phạm vi thẩm quyền được giao, Bộ Nội vụ sẽ trao đổi với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan có các biện pháp phù hợp nhằm phát huy nguồn lực tôn giáo, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IX. LĨNH VỰC VĂN THƯ, LƯU TRỮ

Câu 61. Kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sớm trình Quốc hội sửa đổi Luật Lưu trữ, tạo nền tảng pháp lý quan trọng, cơ bản, đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ trong bối cảnh Chính phủ điện tử, trong đó quy định cụ thể về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và quy định về tổ chức lưu trữ cấp huyện? (*Bảo hiểm xã hội Việt Nam, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Hà Tĩnh*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Ngày 03/12/2021, Chính phủ đã có Nghị quyết số 152/NQ-CP phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021, theo đó Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi) với 04 chính sách: (1) thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ thuộc Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam; (2) quản lý tài liệu lưu trữ điện tử đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển Chính phủ điện tử; (3) quản lý tài liệu lưu trữ tư; (4) quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ. Dự kiến Luật Lưu trữ sửa đổi sẽ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến lần đầu tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XV (tháng 10/2023); trình Quốc hội thông qua tại

Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV (tháng 5/2024) và có hiệu lực từ 01/01/2025.

Về tổ chức lưu trữ cấp huyện: thực hiện Luật Lưu trữ năm 2011, Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh đã được đầu tư xây dựng kho để thực hiện hoạt động lưu trữ đối với tài liệu bảo quản vĩnh viễn từ các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu (trong đó có các cơ quan, tổ chức cấp huyện); việc không tổ chức Lưu trữ lịch sử cấp huyện tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Luật Lưu trữ năm 2011.

Câu 62. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm nghiên cứu, hoàn thiện Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác lưu trữ tài liệu điện tử; tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chế tài xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ; bổ sung hình thức khai thác, sử dụng tài liệu trực tuyến để đáp ứng với tình hình thực tế hiện nay; hướng dẫn việc giải mật tài liệu lưu trữ. Quan tâm mở thêm các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ để nâng cao năng lực trình độ chuyên môn trong công tác văn thư, lưu trữ, đặc biệt là công tác lập hồ sơ lưu trữ điện tử? (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Khánh Hòa, Tiền Giang, Bạc Liêu*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Hiện nay, các quy định về lưu trữ tài liệu điện tử, quy định về chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ, giải mật tài liệu lưu trữ, sử dụng tài liệu lưu trữ được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ năm 2011, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ, Thông tư số 05/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ. Trong quá trình xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi). Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi các quy định về lưu trữ tài liệu điện tử, chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ, giải mật tài liệu lưu trữ, sử dụng tài liệu lưu trữ trực tuyến.

2. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang xây dựng Thông tư Hướng dẫn vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ. Sau khi Thông tư được ban hành, Bộ Nội vụ sẽ xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức chuyên ngành văn thư, lưu trữ, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển ngành văn thư, lưu trữ”.

X. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Câu 63. Đề nghị với Chính phủ sớm ban hành Nghị định về thanh tra, kiểm tra công vụ theo Điều 74, Điều 75 Luật cán bộ, công chức? (*Vĩnh Phúc*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Đối với nội dung kiểm tra công vụ, hiện tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành không quy định về kiểm tra công vụ; không giao Chính phủ ban hành Nghị định quy định, hướng dẫn liên quan đến kiểm tra công vụ nên không có cơ sở để ban hành.

- Đối với nội dung thanh tra công vụ, ngay sau khi Luật Cán bộ, công chức

(CBCC) được ban hành năm 2008, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ tham mưu ban hành Nghị định hướng dẫn Điều 74, 75 (về thanh tra công vụ). Quá trình triển khai, khảo sát, nghiên cứu, Bộ Nội vụ đã báo cáo Chính phủ về việc: Phạm vi thanh tra công vụ thực chất vừa là thanh tra hành chính (Khoản 1 Điều 74 Luật CBCC) vừa là thanh tra chuyên ngành (Khoản 2 Điều 74 Luật CBCC) và gắn với phạm vi này thì đã xác định thẩm quyền của cơ quan tiến hành thanh tra công vụ (Điều 75 Luật CBCC). Do đó, để ban hành Nghị định quy định riêng về thanh tra công vụ cần được cân nhắc. Tại thời điểm hiện nay, Nghị định về tổ chức, hoạt động thanh tra ngành Nội vụ cũng cần được ban hành để cụ thể hóa Luật Thanh tra 2010. Vì vậy, Bộ Nội vụ đã đề xuất Chính phủ cho phép tham mưu xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động thanh tra ngành Nội vụ và lồng ghép nội dung hướng dẫn Điều 74, 75 Luật CBCC về thanh tra công vụ. Ngày 05/11/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/2012/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nội vụ. Theo đó, Nghị định đã xác định rõ nội dung thanh tra chuyên ngành liên quan đến phạm vi thanh tra công vụ (tại Điều 14, 15 Nghị định số 90/2012/NĐ-CP); thẩm quyền thanh tra của Thanh tra Bộ Nội vụ, Thanh tra Sở Nội vụ trong hoạt động thanh tra công vụ (Điều 24 Nghị định số 90/2012/NĐ-CP) và các hoạt động khác liên quan. Như vậy, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định về nội dung thanh tra công vụ (không có kiểm tra công vụ) để cụ thể hóa Luật Cán bộ, công chức.

Từ những nội dung trên, Bộ Nội vụ trân trọng đề xuất Chính phủ về việc trả lời ý kiến của tỉnh Vĩnh Phúc về nội dung việc: “Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2012/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nội vụ. Trong đó, đã xác định rõ nội dung thanh tra chuyên ngành liên quan đến phạm vi thanh tra công vụ (tại Điều 14, 15 Nghị định số 90/2012/NĐ-CP); thẩm quyền thanh tra của Thanh tra Bộ Nội vụ, Thanh tra Sở Nội vụ trong hoạt động thanh tra công vụ (Điều 24 Nghị định số 90/2012/NĐ-CP) và các hoạt động khác liên quan”.

Câu 64. Đề nghị Bộ Nội vụ quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi ngành Nội vụ theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ? (*Cao Bằng*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương (Bộ Nội vụ đã gửi dự thảo Thông tư để xin ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại văn bản số 4663/BNV-TCCB ngày 22/9/2021).

Căn cứ ý kiến góp ý của các địa phương, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Thông tư. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang thực hiện thủ tục thẩm định dự thảo Thông tư theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi có báo cáo thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ sẽ ban hành Thông tư để triển khai thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP nêu trên.

Câu 65. Quy định thống nhất tổ chức bộ máy, khung biên chế làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng thống nhất trong cả nước nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra? (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vĩnh Long*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

1. Về việc quy định tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Thông tư số 05/2021/TT-BNV nêu trên, việc rà soát, sắp xếp, quy định tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng cấp tỉnh do Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và thực hiện tốt nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

2. Về việc quy định khung biên chế của cơ quan làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng

Căn cứ quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức, hiện nay Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ (trong đó có cơ quan làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng). Sau khi Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư sẽ làm cơ sở để các địa phương thống nhất thực hiện.

Câu 66. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội rà soát các Luật chuyên ngành có nội dung quy định về tổ chức bộ máy, cán bộ để chỉ đạo thống nhất thực hiện hoặc bãi bỏ các quy định bị chồng chéo, không đồng bộ khi triển khai thực hiện? (*Sơn La, Kom Tum*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Tại khoản 2 Mục III Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Pháp luật chuyên ngành không quy định việc thành lập tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập...”*

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả quy định: *“Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; ...”*

- Tại điểm d khoản 2 Mục II Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 quy định: *“Các cơ quan được giao nhiệm vụ soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; ...”*

Như vậy, tại các Nghị quyết nêu trên đã yêu cầu các Bộ, ngành tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến tổ chức bộ máy được quy định tại các văn bản pháp luật không thuộc chuyên ngành Luật tổ chức nhà nước; trong quá trình xây dựng, sửa đổi các Luật có liên quan đến tổ chức bộ máy, Bộ Nội vụ sẽ tham mưu, phối hợp với các đơn vị không bổ sung tổ chức bộ máy vào luật không phải luật chuyên ngành.

Câu 67. Đối với Đề án 500, đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ cho phép tỉnh Quảng Ngãi được đặc cách xét tuyển vào công chức cấp huyện, cấp xã đối với 13 Đội viên Đề án 500 Trí thức trẻ đang công tác tại tỉnh Quảng Ngãi? (*Quảng Ngãi*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Triển khai thực hiện Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1758/QĐ-TTg), Bộ Nội vụ đã phối hợp với 34 tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Đề án để tổ chức tuyển chọn, bồi dưỡng và bố trí 500 trí thức trẻ về đảm nhận công việc của 05 chức danh công chức cấp xã tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong thời gian 05 năm. Trong đó, tỉnh Quảng Ngãi tuyển chọn, bố trí, sử dụng 13 Đội viên Đề án về công tác tại xã thuộc các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Tây và huyện Lý Sơn. Sau 05 năm tham gia Đề án, đã xây dựng được một đội ngũ trí thức trẻ ưu tú, có ý thức phấn đấu, rèn luyện thử thách trong thực tiễn cơ sở, có những cống hiến và thành tích nhất định trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới cho bà con nhân dân ở 500 xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, biên giới, hải đảo. Tuy nhiên, sau khi kết thúc

Đề án, các địa phương nơi Đội viên công tác đều có nhu cầu tiếp tục sử dụng đội ngũ này nhưng gặp khó khăn trong việc bố trí đối với Đội viên sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Để bảo đảm xuyên suốt chủ trương, chính sách thu hút trí thức trẻ về công tác tại địa bàn khó khăn, bảo đảm quyền lợi cho các Đội viên đã có thời gian công tác, cống hiến, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 về giải pháp bố trí đối với Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ thuộc 34 tỉnh phạm vi Đề án giải quyết vướng mắc trong việc bố trí, sử dụng Đội viên sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Theo đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Đề án có trách nhiệm xây dựng phương án và thực hiện việc tuyển dụng, bố trí Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ sau khi hoàn thành nhiệm vụ vào làm cán bộ, công chức cấp xã hoặc làm công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, hoàn thành trước ngày 31/12/2025. Việc tuyển dụng Đội viên Đề án 500, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Trong thời gian chờ địa phương thực hiện việc tuyển dụng, bố trí công tác, các Đội viên tiếp tục được ký hợp đồng lao động để làm việc tại xã nơi đang công tác và hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1758/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 68/2014/TT-BTC ngày 21/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 500 trí thức trẻ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên được Chính phủ phân công, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các chính sách nêu trên.

Câu 68. Thực hiện các quy định, hướng dẫn về cải cách thủ tục hành chính, Sở Nội vụ đã thực hiện đúng quy định đối với bộ thủ tục hành chính do Bộ Nội vụ ban hành. Song, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, công bố bộ thủ tục hành chính có những thủ tục hành chính trùng với lĩnh vực Nội vụ (các thủ tục hành chính về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp giáo dục) nên khi UBND tỉnh ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo thì Sở Nội vụ phải tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các quy trình giải quyết liên quan theo quy định, dẫn đến trùng lặp thủ tục hành chính không cần thiết. Kính đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến thống nhất với các bộ ngành liên quan về nội dung này, khắc phục tình trạng trùng lặp thủ tục hành chính ở địa phương? (*Lâm Đồng*)

Ý kiến trao đổi của Bộ Nội vụ:

Căn cứ quy định của Chính phủ tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1067/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 công bố thủ tục hành chính về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (Quyết định số 1067/QĐ-BNV). Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-BNV, UBND tỉnh Lâm Đồng sẽ công bố thủ tục hành chính về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

của tỉnh cho phù hợp. Trường hợp pháp luật chuyên ngành về giáo dục và đào tạo (hoặc các chuyên ngành khác) có quy định khác về thủ tục hành chính về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo (hoặc các chuyên ngành khác) thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, theo đó, đề nghị UBND tỉnh Lâm đồng thực hiện theo quy định./.
